

**ABHIDHAMMA PITAKA
VÔ TỶ PHÁP TẠNG**

**MAHÀPATTHÀNA - ĐẠI PHÁT THỨ
GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC**



GIẢNG DẠY: BHIKKHU PASÀDO SÁN NHIÊN

BIÊN SOẠN: DIỆU GIÁC

Saddhamma Meditation Society

Tâm Pháp Thiền Viện

Lời Tựa

Hội đủ phước duyên, hàng con của Đức Phật hôm nay được học Bộ Kinh Đại Phát Thú (Mahapatthana) do Nhà Sư Sán Nhiên giảng dạy tại Tâm Pháp Thiền Viện, Bumpass, VA. Đại Phát Thú là bộ thứ bảy của Vô Tỷ Pháp Tạng, trình bày về mãnh lực duyên, hay năng lực của sự xuất sinh, sự liên hệ và bảo hộ của các Pháp, hay được gọi là Duyên Sinh, Duyên Hệ, Duyên Bảo Hộ - nói ngắn là Duyên Sinh, Duyên Hệ. Qua Tạng Vô Tỷ Pháp, Đức Phật đã độ được Thiên Mẫu Maya và 800 triệu Chư Thiên nơi Đạo Lợi Thiên chứng đắc Sơ Đạo, Sơ Quả. Đây là lần mà Đức Phật độ nhiều chúng sanh nhất trong suốt thời gian hóa độ chúng sanh khi Ngài còn tại thế.

Vô Tỷ Pháp Tạng là tinh hoa, cốt lõi của Giáo Pháp do Ngài Tướng Quân Pháp Vương Xá Lợi Phất kết tụ qua lời trùng tuyên của Đức Phật vì Đức Phật không thuyết Vô Tỷ Pháp cho nhân loại. Sau khi kết tập Vô Tỷ Pháp Tạng, Ngài Xá Lợi Phất thuyết giảng cho 500 Vị Tỳ Khưu đã chứng đắc Quả vị Vô Sinh - Alahán.

Đại Phát Thủ Mahapatthàna là cơ sở, vị trí, và nguồn gốc của các Pháp mà Bạc Tri Toàn Giác đi lại, tiến hành trong trí tuệ của Ngài và cho chúng ta thấy sự vận hành, hoại, diệt, sinh của các Pháp do tác động của ba chiều không gian, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai), và ba tác động lực, đẩy, cản, và trì kéo. Mọi Pháp vận hành theo một định luật vô thường và vô ngã, không hiện bày một ngã tướng!

Diệu Giác có đủ duyên lành được học Bộ Kinh Phát Thủ qua sự hướng dẫn của Sư Sán Nhiên cùng với sự hỗ trợ của những người con của Đức Phật đang cùng đi trên con đường tìm cầu Giải Thoát. Nhận thấy sự thâm thâm vi diệu (Gambhira!) của Giáo Pháp, Diệu Giác xin nguyện ghi chép những điều học được, trước tiên để củng cố đường và thành kính tri ơn ân đức vô lượng vô biên của Đức Phật và Ngài Xá Lợi Phất đã để lại Giáo Pháp vi diệu giúp cho con đường giải thoát sinh tử khổ đau. Kế đến xin thành kính cúng dường và tri ơn ân đức sâu dày của Nhà Sư Sán Nhiên, Ngài Tịnh Sư, và các Bạc Thầy, Tổ đã dày công duy trì và giảng dạy Chánh Pháp. Sau đến xin thành kính tri ân công đức của các bậc thiện hữu đã góp phần ấn tống cuốn sách này. Và xin thành kính tri ân những người con Phật đang hỗ trợ nhau cùng đi trên con đường đến Giải Thoát.

Nguyện Thiện sự bố thí Pháp này để diệt lòng tham ái, ngã chấp, tăng trưởng Ba La Mật, và tạo phước báu hỗ trợ con đường tu tập, và chỉ nguyện cho sớm được viên thành.

Do quả phước báu của Thiện sự này, nguyện làm nhân đến Đạo Quả Níp Bàn. Nguyện xin bố túc hạnh nguyện Ba La Mật cho con thuyền thêm vững chắc đưa đến bờ giải thoát.

Xin thành kính hồi hướng quả phước báu này đến Chư Thiên ở khắp mọi nơi nhất là Chư Thiên ở Tâm Pháp Thiền Viện và Chư Thiên ở trong nhà của chúng con, xin Chư Thiên hoan hỷ, hoan hỷ, hoan hỷ với quả phước báu này được tăng phúc tăng thọ trong các cõi Trời mà các Ngài đang trú ngụ.

Xin thành kính hồi hướng quả phước báu này đến cho Cửu Huyền Thất Tổ, Nội Ngoại hai bên đã quá vãng nhất là Mẹ, Mẹ Chồng, Cha Chồng, và Bà Nội dặng hay biết mà hưởng cảnh quả phước như ý nguyện. Nếu ở trong cảnh khổ, xin được thoát khổ, nếu ở trong cảnh an nhàn thì được tăng phúc tăng thọ.

Xin thành kính chia quả phước báu này đến thân bằng quyến thuộc, và ân nhân còn đang tại tiền, nhất là Ba, Ông Nội, người bạn đường, và các em, các cháu được tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ,

phiên nào đoạn diệt, và thân tâm thường an lạc, sớm được hưởng cảnh quả phước như ý nguyện.

Xin thành kính hồi hướng quả phước báu này đến Chư Diêm Vương, đến tất cả chúng sanh trong ba giới, bốn loài, và cho con sớm được hưởng cảnh quả phước như ý nguyện mong cầu điều nhau cả thầy.

Kính nhờ Ân Đức Tam Bảo gia hộ cho Sư phước thọ tăng trưởng, tiếp tục hoằng dương Phật Pháp, và chí nguyện sớm được viên thành. Tất cả hàng Xuất Gia, Tại Gia, những bậc thiện hữu hộ trì Tam Bảo đang trên con đường tu tập với Chánh Pháp sớm được giải thoát viên thành sở nguyện.

Nguyện cho những ai hữu duyên với quyển sách này, thấu hiểu lời dạy của Đức Phật, phát lòng tu tập, nguyện cầu giải thoát. Xin nguyện sám hối với Sư, bạn học, và những người hữu duyên về những điểm không được mạch lạc, rõ ràng qua văn tự và cách trình bày. Kính mong Sư và các bạn đạo hoan hỷ Anumodana với Diệu Giác để cùng nhau hưởng Phước báu!!

Thành Kính, Diệu Giác

Tháng 8 Năm 2011

Vài Nét Về Vị Sư Khã Kính Pasàdo Sán Nhiên



Rời miền nắng ấm Cali, Sư đến và mang suối nguồn Pháp Bảo tươi ấm và tưới mát chúng con, những người nơi miền giá lạnh và nóng bức. Duyên gì thì chúng con chưa được rõ chỉ biết mình có đủ phước đủ duyên được gặp Sư và hưởng được Pháp Bảo mà Sư mang đến.

Cư ngụ tại Tâm Pháp Thiền Viện chỉ khoảng hơn một năm, Sư đã đem lại một sức sống mạnh mẽ, sôi động với Pháp Học và Pháp Hành làm cho Tâm Pháp chuyển mình từ một ngôi Thiền Viện heo lánh, ít người lui tới đã trở thành một nơi có đầy đủ hình ảnh của Tam Bảo mà những người con của Đức Phật đang khao khát mong chờ.

Hơn thế nữa Sư đã vượt qua mọi khó khăn, đem lòng bi mẫn và trí tuệ hết tâm trao truyền, giảng dạy Giáo Pháp thậm thâm vi diệu của Đức Phật cho chúng con khắp các vùng Virginia, Maryland và Hoa Thịnh Đốn. Đến với Sư, chúng con lúc nào cũng

được nhắc nhở tu tập, thấm nhuần Giáo Pháp, trau dồi Ba La Mật để Giải Thoát và Đạo Quả Níp Bàn, mục đích cao thượng và rốt ráo của người tu. Như một người Cha, Sư đã dạy chúng con Phật Pháp mà còn tỉ mỉ uốn nắn chúng con trong từng lời nói, hành động, và ý nghĩ. Tất cả những điều dạy bảo đó cũng không ngoài mục đích cho chúng con rèn luyện, tu tập, sửa Thân, sửa Tâm để đến Níp Bàn và vô hữu lý khúc sự sinh tử khổ đau trong Tam Giới.

Phật Pháp nhiệm mầu và Sư đã hóa độ cho nhiều vị đi vào đường xuất gia tìm cầu giải thoát. Chúng con ai cũng nôn nao, trông mong vào mỗi cuối tuần để được vân tập về Tâm Pháp Thiền Viện, nương nhờ vào sự dạy bảo, chỉ dẫn của Sư mà tiến tu. Hôm nay chúng con nhận được sự giảng dạy, chuyển tải vô cùng thâm thúy của Sư về Vô Tỷ Pháp Tạng, Bộ Thứ Bảy Mahàpatthana - Đại Phát Thủ, càng thấu được sự thâm thâm vi diệu của Giáo Pháp nên lòng không ngừng xúc động, tri ân, và đánh lễ công đức sâu dày của Sư đã cho chúng con. Đây cũng là duyên cho cuốn sách được ấn tống.

Với tất cả lòng thành kính, chúng con cúi đầu tri ân và đánh lễ Sư. Nguyên kính mong Ân Đức của Tam Bảo gia hộ cho Sư phúc thọ tăng trưởng, chí nguyện sớm viên thành. Chúng con cũng xin được

thành kính, hoan hỷ duyệt ý, Anumodana với công đức vô lượng của Sư.

Thành kính
Tháng 8, Năm 2011
Tâm Pháp Thiền Viện

Mục Lục

1. Ý NGHĨA TÊN GỌI CỦA BỘ KINH PHÁT THỨ.....	3
2. XUẤT XỨ CỦA BỘ KINH PHÁT THỨ.....	3
3. THỜI GIAN CỦA BỘ KINH PHÁT THỨ.....	4
4. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BỘ ĐẠI PHÁT THỨ.....	5
5. CÓ 6 NHÓM PHÁT THỨ.....	10
Tóm Tắt Phần I.....	20
GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC 24 – 47 DUYÊN.....	25
1. Nhân Duyên.....	25
2. Cảnh Duyên.....	27
3. Trường Duyên.....	31
4. Vô Gián Duyên.....	36
5. Đẳng Vô Gián Duyên.....	36
6. Câu Sanh Duyên.....	38
7. Hổ Tương Duyên.....	41
8. Y Chi Duyên.....	46
9. Cận Y Duyên.....	49
10. Tiền Sanh Duyên.....	51
11. Hậu Sanh Duyên.....	56
12. Trùng Dục Duyên.....	58
13. Nghiệp Duyên.....	63
14. Dị Thục Quả Duyên.....	66
15. Vật Thục Duyên.....	68

16.	Quyền Duyên.....	72
17.	Thiền Na Duyên.....	78
18.	Đồ Đạo Duyên.....	83
19.	Tương Ứng Duyên.....	89
20.	Bất Tương Ứng Duyên.....	92
21.	Hiện Hữu Duyên.....	99
24.	Bất Ly Duyên.....	103
22.	Vô Hữu Duyên.....	105
23.	Ly Khứ Duyên.....	105
	ÔN TẬP PHẦN II.....	109
	Bảng Tóm Lược 24 – 47 Duyên.....	117
	VẬN DỤNG DUYÊN VÀO TỨ ĐẾ.....	126
1.	Khổ Đế.....	127
2.	Tập Đế.....	128
3.	Diệt Đế.....	131
	GIỚI THIỆU PHÁP NĂNG DUYÊN PHÁP SỞ DUYÊN TRONG 24 DUYÊN.....	139
1.	Danh Làm Năng Duyên – Danh Làm Sở Duyên.....	139
2.	Danh Làm Năng Duyên – Sắc Làm Sở Duyên.....	142
3.	Danh Làm Năng Duyên – Danh Sắc Làm Sở Duyên.....	143
4.	Sắc Làm Năng Duyên – Sắc Làm Sở Duyên.....	148
5.	Sắc Làm Năng Duyên – Danh Làm Sở Duyên.....	151
6.	Danh Sắc Làm Năng Duyên – Danh Làm Sở Duyên.....	161

7.	Danh Sắc làm Năng Duyên - Danh Sắc làm Sở Duyên.....	163
8.	Danh Sắc làm Năng Duyên - Danh Làm Sở Duyên.....	168
9.	Mãnh Lực Duyên Đến Luân Hồi Và Giải Thoát.....	174
	SỐ LƯỢNG GIỐNG (JATI) TRONG 24 – 47 DUYÊN.....	192
1.	Giống Câu Sanh.....	198
2.	Giống Cảnh.....	205
3.	Giống Vô Glán.....	209
4.	Giống Vật Tiền Sinh.....	214
5.	Giống Hậu Sanh.....	221
6.	Giống Vật Thực.....	226
7.	Giống Sắc Mạng.....	227
8.	Giống Thường Cận Y.....	228
9.	Giống Dị Thời Nghiệp.....	232
	GIỚI THIỆU VỀ THỜI TRONG 24 – 47 DUYÊN.....	237
1.	Thời Hiện Tại.....	237
2.	Thời Quá Khứ.....	242
3.	Cả Ba Thời.....	244
4.	Ba Thời Và Ngoại Thời.....	246
	TÓM TẮT TRẠNG THÁI MÃNH LỰC GIÚP DỠ ỨNG HỘ.....	248
1.	Mãnh Lực Xuất Sinh.....	248
2.	Mãnh Lực Bảo Hộ.....	249
3.	Mãnh Lực Xuất Sinh Và Bảo Hộ.....	249

GIỚI THIỆU PHẦN ĐỊA GIỚI TRONG 24 – 47

DUYÊN.....254

1. Cõi Nhất Uẩn.....254

2. Cõi Tứ Uẩn.....255

3. Cõi Ngũ Uẩn.....255

4. Phi Mạng Quyền.....256

1. Biến Hành Duyên.....259

GIỚI THIỆU NĂM ĐÔI DUYÊN TRONG 24 – 47

DUYÊN.....267

1. Nghĩa Lý Đồng Nhau.....267

2. Âm Thính Đồng Nhau.....268

3. Nghịch Thời Với Nhau.....268

4. Dị Dạng Với Nhau.....270

5. Nhân Quả Liên Quan.....273

1. Việc Bi Mẫn.....277

2. Hạnh Nguyện Tinh Tấn Ba La Mật.....278

3. Hạnh Nguyện Hành Xà Ba La Mật.....280

4. Pháp Chấp Giữ.....281

5. Pháp Xà Thi.....285

6. Tình Gia Đình - Tình Xuất Gia.....286

7. Bài Tập - Bảo Tháp Vàng.....289

8. Pháp Quả Vô Kỳ.....292

GIỚI THIỆU

Cuốn sách giới thiệu tóm lược Bộ Mahapatthàna Đại Phát Thù, được trình bày qua sự giảng dạy của Nhà Sư Sán Nhiên trong khóa học Phát Thù, Tháng 6, 2011 tại Tâm Pháp Thiện Viện. Cuốn sách ghi lại bài học và được ấn tống bởi những vị thiện hữu với mục đích tri ân sự chuyển tải và giảng dạy thâm thúy của Nhà Sư và để chia sẻ với các bạn cùng học tạo sự hỗ trợ trong Pháp Học và Pháp Hành.

Sách được trình bày theo những phần như sau:

Phần I - Giới thiệu về xuất xứ và nội dung chính của Bộ Kinh Đại Phát Thù

Phần II - Giới thiệu tóm lược về mãnh lực của 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần III - Giới thiệu Pháp Năng Duyên và Pháp Sở Duyên trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần IV - Giới thiệu về Giống trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần V - Giới thiệu về Thời trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần VI - Giới thiệu về Địa Giới trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần VII - Giới thiệu về Biên Hành Duyên trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần VIII - Giới thiệu về Đôi Duyên trong 24 Duyên theo nghĩa hẹp hay 47 Duyên theo nghĩa rộng.

Phần IX - Ví Dụ và Bài Tập Ứng Dụng.

PHẦN I

XUẤT XỨ VÀ NỘI DUNG BỘ KINH ĐẠI PHÁT THỨ

XUẤT XỨ VÀ NỘI DUNG BỘ KINH PHÁT THỨ

1. Ý NGHĨA TÊN GỌI CỦA BỘ KINH PHÁT THỨ

Phân tích từ ngữ Patthàna – Phát Thứ

- Pat: Là điều đầu tiên
- Thàna: Là vị trí, nền tảng, nguồn gốc, hay cơ sở
- Patthàna – Phát Thứ: Là nguồn gốc, cơ sở, nền tảng hay vị trí đầu tiên của tất cả các Pháp (Pháp Hiệp Thế, Tục Đế, Chân Đế, Siêu Thế). Đại Phát Thứ là cao siêu, thậm thâm, vi diệu.

2. XUẤT XỨ CỦA BỘ KINH PHÁT THỨ

Kinh Đại Phát Thứ là Bộ Kinh thứ bảy của Tạng Vô Tỷ Pháp. Vô Tỷ Pháp Tạng có tất cả 7 Bộ, 6 Bộ đầu diễn giải và kết hợp tất cả các Pháp dẫn dắt đến Bộ Thứ 7, là Bộ Đại Phát Thứ đúc kết tất cả cốt lõi và tinh hoa yếu lược của Phật Pháp. Kinh Phát Thứ bao chứa tất cả cốt lõi của Vô Tỷ Pháp Tạng, là nơi của Bậc Trí Toàn Giác tiến hành đi lại suy ngẫm chiêm nghiệm tất cả các Pháp. Tạng Vô Tỷ Pháp là yếu mạch của Giáo Pháp bao gồm 42,000 Pháp Uẩn thuộc trong 84,000 Pháp Uẩn của Đức Phật. Kinh Tạng bao

gồm 21,000 Pháp Uẩn và Luật Tạng bao gồm 21,000 Pháp Uẩn. Vô Tỷ Pháp Tạng bao gồm 7 Bộ:

- (1) Bộ Pháp Tụ
- (2) Bộ Phân Tích
- (3) Bộ Nguyên Chất Ngữ
- (4) Bộ Nhân Chế Định
- (5) Bộ Ngữ Tông
- (6) Bộ Song Đối
- (7) Bộ Phát Thủ

3. THỜI GIAN CỦA BỘ KINH PHÁT THỦ

Do báo hiếu cho Thiên Mẫu là Hoàng Hậu Maya, vào Hạ thứ bảy Đức Phật thuyết giảng Vô Tỷ Pháp Tạng để độ cho Mẹ và Chư Thiên. Sau khi Đức Phật giảng Vô Tỷ Pháp Tạng ở Đạo Lợi Thiên thì có 800 triệu Chư Thiên được chứng đắc Sơ Đạo, Sơ Quả (Thất Lai). Đây là thời gian mà Đức Phật độ nhiều chúng sanh nhất trong 45 năm mà Ngài hóa độ chúng sanh. Đức Phật không thuyết giảng Vô Tỷ Pháp Tạng cho nhân loại. Đức Phật chỉ trùng tuyên Vô Tỷ Pháp cho Ngài Xá Lợi Phất sau khi thuyết giảng cho Chư Thiên ở cung Trời Đạo Lợi. Đức Phật trùng tuyên Vô Tỷ Pháp cho Ngài Xá Lợi Phất theo Mẫu Đề như trong Bộ Pháp Tụ. Ví dụ, một trong những mẫu đề là Mẫu Tam Đề có 3 Pháp là:

- Pháp Thiện do Nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si làm mãnh lực.
- Pháp Bất Thiện là do Nhân Tham, Sân, Si làm mãnh lực.
- Pháp Vô Ký do nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Ngài Xá Lợi Phất (danh hiệu là Tướng Quân Pháp Vương) với trí tuệ siêu việt đã kết tập những lời trùng tuyên của Đức Phật thành Tạng Vô Tỷ Pháp. Khi Ngài Xá Lợi Phất thuyết giảng Vô Tỷ Pháp cho các vị Tỳ Khưu thì có 500 vị chứng đắc Quả Vị A La Hán. Thế mới biết là năng lực của Vô Tỷ Pháp Tạng rất vi diệu đến con đường giải thoát Níp Bàn.

Nhờ ơn của Đức Phật và Ngài Xá Lợi Phất mà ngày nay chúng ta có Tạng Vô Tỷ Pháp, chỉ cho chúng ta thấy rõ nguồn gốc và vị trí của các Pháp chung quanh ta, các Pháp trong ta, và các Pháp đưa ta đến thành đạt Đạo Quả Níp Bàn.

4. NỘI DUNG CHÍNH CỦA BỘ ĐẠI PHÁT THỦ

Kinh Đại Phát Thủ có 3 nội dung chính

- (1) Nội Dung Thứ Nhất: *Trình bày các loại Duyên*. Có 24 Duyên được trình bày và sắp xếp theo thứ tự theo thực tính, mãnh lực, và tầm quan trọng của

tùng Duyên. 24 Duyên này làm mãnh lực, năng lực ảnh hưởng, và tạo tác sự xuất sinh của các pháp (Duyên sinh ra các Pháp) - gọi là Duyên Sinh. Mãnh lực làm liên hệ của các Pháp - gọi là Duyên Hệ; và mãnh lực bảo trì hay bảo hộ cho các Pháp được tồn tại - gọi là Duyên Bảo Hộ. Theo như các Bộ Chú Giải thì có 47 Duyên giảng giải theo nghĩa rộng của 24 Duyên. Duyên là Paccaya.

Ví Du

- Người Mẹ là mãnh lực xuất sinh hay duyên xuất sinh cho người con ra đời.
- Người Mẹ và con có mãnh lực Duyên liên hệ với nhau trong tình Mẫu Tử.
- Người Mẹ có mãnh lực bảo hộ cho con được vuông tròn lớn khôn.

**** Do đâu mà có các Pháp? Do mãnh lực Duyên (duyên sinh, duyên hệ, duyên bảo hộ) mà có các Pháp.**

(2) Nội Dung Thứ Nhì: Trình bày hay phân tích Pháp. Trình bày Thực Tính Pháp theo 24 Duyên. Thực Tính Pháp (Sabhava dhamma) là đặc tính riêng, thực tính hiện hữu của Pháp, và không thay đổi theo thời gian.

Ví Du

- Pháp Thiện: là việc tốt, điều hay, và sự tịnh hảo.
- Thực tính của Pháp Thiện: là sự phối hợp của Tâm Thiện và Tâm Sở Tịnh Hào, với ba Nhân: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.
- Pháp Thiện có thể thay đổi qua các việc làm, hành động Thiện khác nhau như (xả thí, cúng dường, tu tâm, sửa tánh, hành thiền, v.v.) nhưng tất cả các việc Thiện ấy đều có Thực Tính Pháp là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si của Tâm Thiện và Tâm Sở Tịnh Hào.

Ghi Nhớ

Con người có thực tính gì? Con người có thực tính tham, sân, si hay vô tham, vô sân, vô si. Hai người gặp nhau hay tiếp xúc với nhau không phải do ngẫu nhiên mà do thực tính của hai người cùng với mãnh lực của Duyên Sinh, Duyên Hệ, và Duyên Bảo Hộ.

(3) Nội Dung Thứ Ba: Sự tiến hành và đi lại trong Pháp của Bậc Trí Toàn Giác (gọi là *Trí Tuệ Đức Phật*).

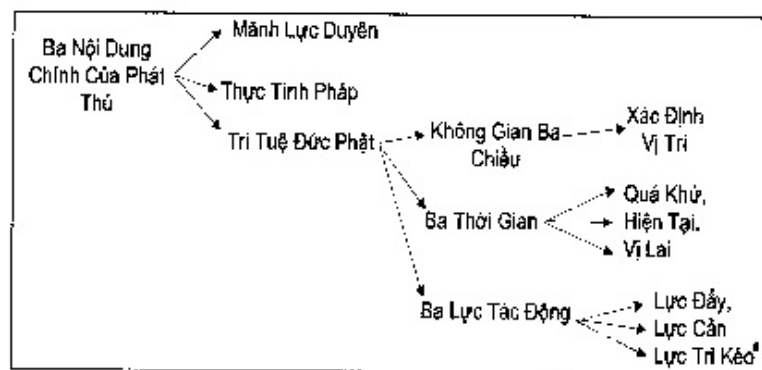
Bậc Trí Toàn Giác suy nghĩ cái chi và Ngài dùng trí tuệ để làm điều gì?

Đức Phật dùng trí tuệ thấy rõ thực tính và thực tướng của mọi Pháp trong thế gian và cho chúng ta biết là

con người, hay các Pháp chịu sự chi phối, tác động, và ảnh hưởng bởi ba điều là:

- Ba Chiều không gian
- Ba thời gian (thời quá khứ, thời hiện tại, và thời vị lai)
- Ba tác động lực là: lực đẩy, lực ngăn cản, và lực trì kéo

Sự kết hợp của ba chiều không gian, ba thời gian, và ba tác động lực tạo ra một sự vận hành, hoại diệt, và sinh ra không ngừng nghỉ – và đó là Vô Thường. Đó cũng là một sự luân hồi. Con người và các Pháp trong thế gian luôn chịu ảnh hưởng và thay đổi theo sự vận hành, hoại diệt, và sinh lại này.



Như thế nào mà nói là Bậc Trí Toàn Giác tiến hành, hay đi lại trong các Pháp? Sự tiến hành, đi lại của Bậc Toàn Giác là sự chiêm nghiệm, suy ngẫm, và thấu triệt các Pháp, thực tính của các Pháp, và sự ảnh

hưởng chi phối đến các Pháp do ba chiều không gian, thời gian, và lực tác động. Sau khi thấu triệt về các Pháp, Bậc Trí Toàn Giác khai thuyết các Pháp cho chúng sanh.

Con người dùng trí thức (kiến thức) để nhìn vào mọi việc nên không thấy được bản chất thật (thực tính) của thế gian và không thấy được con người cũng như vạn vật luôn chịu sự tác động ảnh hưởng của ba chiều không gian, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai), và ba lực tác động (đẩy, cản, trì kéo) mà vận hành, hoại, diệt, sinh lại không ngừng nghỉ tạo ra một vòng luân hồi. Ngay khi ta đang nói một điều gì, làm một điều gì, nghĩ một điều gì ta cũng bị một sự đẩy, cản, và trì kéo.

Biết được như thế ta sẽ nhận thấy được thực tính của Pháp và bẻ gãy cái vòng tròn luân hồi bởi con đường Đạo.

Trong mỗi điều Pháp, khi theo mãnh lực từ nơi Duyên, thì làm mãnh lực cho rất nhiều Duyên. Và trong từng mỗi loại Duyên cũng có nhiều chi Pháp sai khác nhau.

Ghi Nhớ ✕

1. Tìm thấy mãnh lực Duyên tác động
2. Mau lẹ tìm thấy thực tính Pháp của Duyên

3. Dùng Tri Tuệ Đức Phật để xử dụng hay bề gãy Duyên đó.

5. CÓ 6 NHÓM PHÁT THÚ

1. Tam Đề Phát Thú: Có 22 Tam Đề trong nhóm Tam Đề Phát Thú. Mỗi Mẫu Đề của Nhóm Tam Đề có 3 Pháp. Tam Đề Phát Thú có $(22 \times 3 = 66)$ Pháp).
 - a. Ví dụ: Mẫu Đề Tam của Tam Đề Phát Thú thứ nhất là Pháp Bất Thiện, Pháp Thiện, Pháp Vô Ký.
2. Nhị Đề Phát Thú: Có 100 Nhị Đề trong nhóm Nhị Đề Phát Thú. Mỗi Nhị Đề có 2 Pháp. Nhị Đề Phát Thú có $(100 \times 2 = 200)$ Pháp).
 - a. Ví Dụ: Mẫu Đề Tam của Nhị Đề Phát Thú thứ nhất là Pháp Nhân (Pháp hữu nhân), Pháp Phi Nhân
3. Nhị Đề Tam Đề Phát Thú: Đưa 22 Tam Đề vào trong 100 Nhị Đề. Nhóm này có tất cả là $(66 \times 200 = 13,200)$ Pháp).
 - a. Ví Dụ: Mẫu Đề Tam của Nhị Đề Tam Đề Phát Thú thứ nhất là
4. Tam Đề Nhị Đề Phát Thú: Đưa Nhị Đề vào trong 22 Tam Đề. Nhóm này có tất cả là $(200 \times 66 = 13,200)$ Pháp)

5. Tam Đề Tam Đề Phát Thú: Đưa 22 Tam Đề lồng trong 22 Tam Đề. Nhóm này có tất cả là $(66 \times 66 = 4,356)$ Pháp)
6. Nhị Đề Nhị Đề: Đưa 100 Nhị Đề lồng trong 100 Nhị Đề. Nhóm này có tất cả là $(200 \times 200 = 40,000)$ Pháp).

Mỗi nhóm Phát Thú có (4) Phần: Thuận, Nghịch, Thuận Nghịch, và Nghịch Thuận. Do đó tổng số Pháp của mỗi nhóm tăng lên 4 lần. Ví dụ, Nhóm Tam Đề Phát Thú sẽ có tổng số Pháp là $(3 \times 22 \times 4)$ hay (66×4) .

Ví Dụ

Ứng dụng của các phần Thuận, Nghịch, Thuận Nghịch và Nghịch Thuận

- (1) Thuận = đơn tính, Sáng
- (2) Nghịch = đơn tính, Tối
- (3) Thuận Nghịch = đa tính, từ Sáng đi vào Tối (trở thành Tối). Khi được thuận thì dễ bị dính vào, khó ra và khó thấy sự thật hay thực tính của Pháp nên Thuận trở thành Nghịch
- (4) Nghịch Thuận = đa tính, từ Tối đi ra Sáng (trở thành Sáng).

Ghi Nhớ

- Một người đang từ Thuận sang Nghịch và từ Nghịch sang Thuận rất nhanh và dễ dàng.
- Vậy vì sao đi từ Thuận sang Nghịch và từ Nghịch sang Thuận?
- Đó là do mãnh lực Duyên (Duyên Sinh, Duyên Hệ, Duyên Bảo Hộ)

Áp dụng 4 Pháp (Thuận, Nghịch, Thuận Nghịch, Nghịch Thuận) vào Tứ Đế

Tứ Đế

- Khô: Là Pháp Thuận (1)
- Tập: Là Pháp Nghịch (2)
- Diệt: Là Pháp Thuận Nghịch (3)
- Đạo: Là Pháp Nghịch Thuận (4)

Áp dụng Pháp Thuận Nghịch vào hành thiền.

Khi hành thiền có 3 cái điên đảo:

- Kiến điên đảo
- Tưởng điên đảo
- Thức điên đảo

Ba cái điên đảo này là Pháp Nghịch (2) và Pháp Thuận Nghịch (3). Pháp Nghịch là vì kiến điên đảo, tưởng điên đảo, thức điên đảo là ba Pháp nghịch trong khi hành thiền. Khi hành thiền kiến thức ta khởi sinh

và cho rằng ta đang hành đúng và hiểu biết sáng suốt nhưng đó là cái Thuận của Hiệp Thế để đưa đến cái Nghịch cho Siêu Thế (Đạo Quả).

Ghi Nhớ Trong cuộc đời ta có những trường hợp như sau:

- Có người sinh ra được thuận duyên và đi xuyên suốt trên con đường thuận duyên
- Có người sinh ra bị nghịch duyên và đi xuyên suốt trên con đường nghịch duyên
- Có người sinh ra được thuận duyên nhưng không biết khôn khéo để trở thành nghịch
- Có người bị nghịch duyên nhưng được sự giúp đỡ và trở thành thuận duyên

Mỗi trường hợp đều là một Pháp. Đã là một Pháp thì sẽ có thực tính (đặc tính) của Pháp ấy và sẽ bị tác động bởi ba chiều không gian, ba thời gian, và ba lực tác động để hành, hoại, diệt, và sinh theo một vòng luân hồi như Đức Phật đã cho chúng ta thấy qua trí tuệ của Ngài. Vì thế chúng ta phải thận trọng, cẩn thận nhìn thấu thực tính Pháp mà xoay chuyển và giải quyết vấn đề theo Tri Tuệ Đức Phật.

Bốn trường hợp đó là bốn con đường đi (gọi là 4 đường Đạo) gồm 2 Chánh (2 Sáng) và 2 Tà (2 Tối).

Trên con đường tu tập phải xem xét lại những điều sau:

- Con đường ta đi là con đường nào?
- Con đường ta đi đúng hay sai theo thực tính Pháp?
- Con đường ta đi có đủ duyên hay không?
- Con đường ta đi theo Trí Tuệ Đức Phật thì ra sao?

Liên Quan và Tương Tác Qua Duyên

(1) Tương Tác là một sự hỗ trợ nhưng bị xáo trộn.

Ví Du

- Pháp Thiện tương tác Pháp Bất Thiện: Làm một việc thiện xả thí cho một người nghèo nhưng bị tương tác giằng co giữa “cho” hay “không cho”
- Muốn được giải thoát Níp Bàn mà nan giải tương tác giữa việc xuất gia hay ở lại tại gia
- Muốn đắc Đạo Quả nhưng tương tác với cái khổ và giằng co trong khi hành thiền

(2) Liên Quan: Chuyển sự tương tác thành sự liên quan

Ví Du

- Pháp thiện liên quan Pháp Thiện: Vì muốn làm một việc thiện nên xả thí
- Vì muốn được giải thoát Níp Bàn nên xuất gia tu tập
- Vì muốn được thoát khổ nên tu tập để đạt Đạo Quả

Tất cả những Pháp ấy điều do mãnh lực duyên tác động.

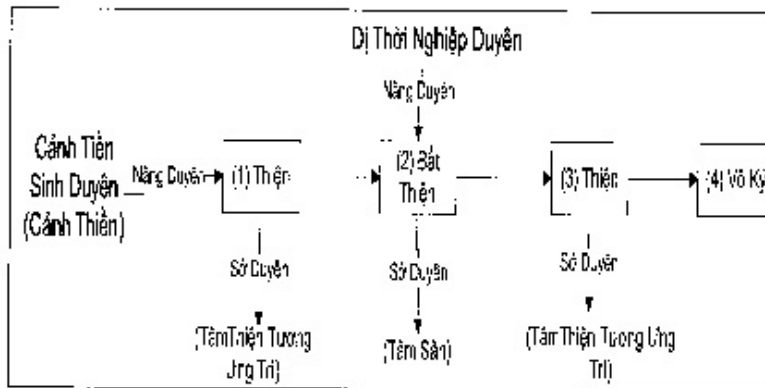
Ghi Nhớ

*****Liên quan là cách nhìn sáng suốt hơn tương tác. Tu tập để có trí tuệ để thấy được sự liên quan thay vì thấy sự tương tác. Sự liên quan là do nắm được Pháp và thấy được Pháp.**

Bà Loại Tương Pháp:

1. Pháp Năng Duyên – Là Pháp làm thành Nhân
2. Pháp Sở Duyên – Là Pháp làm thành Quả
3. Pháp Địch Duyên – Là Pháp ngoài Quả (Có khi là Nhân, đối nghịch với Sở Duyên)

Ví Du Ứng dụng Pháp Năng Duyên, Sở Duyên, và 3 Nội Dung của Phát Thủ qua tiến trình của Tâm trong khi ngồi thiền.



- Tại sao có Tâm Tương Ứng Trí?
- Tại sao có Tâm Sân?
- Tạo sao lại có Tâm Tương Ứng Trí trở lại?

Ta trả lời được cho những câu hỏi trên qua Phát Thụ Bước (1) Thiện: Lúc vào ngôi thiền thì có Tâm Thiện Tương Ứng Trí là Pháp Sở do Cảnh thiện quán là Pháp Năng Duyên làm duyên cho Tâm Thiện Tương Ứng Trí sinh khởi do bởi Cảnh Tiên Sinh Duyên. Ở đây không nói đến phóng dật (là Pháp Địch Duyên). Khi hành thiền phải biết Pháp nào sinh khởi và là Năng Duyên hay Sở Duyên. Ở đây Cảnh Tiên Sinh Duyên là Pháp Năng Duyên trợ sanh sự Chánh Niệm. Khi nắm được Duyên (Năng hay Sở) thì thấy được Pháp và nắm được thực tính của Pháp. Và khi đó thấy được Trí Tuệ Đức Phật sinh lên - thấy được nguyên nhân và nền tảng của Pháp.

Trong bước (1) ta có:

- Duyên: Có Cảnh Tiên Sinh Duyên là Năng Duyên (Nhân) và Tâm Thiện Tương Ứng Trí là Sở Duyên (Quả). Pháp là Cảnh Thiện Tương Ứng Trí
- Thực Tính Pháp: Nền tảng của Pháp - Thấy thực tính của Pháp là Thiện
- Trí Tuệ Đức Phật: Không gian 3 chiều, ba thời gian (Quá Khứ, Hiện Tại, và Vị Lai), và 3 lực tác động (đẩy, ngăn cản, và trì kéo) tác động qua hành, hoại, diệt, sinh (Vô Thường)

Được (2) chuyển từ Tâm Thiện qua Tâm Bất Thiện - đi từ Pháp Thuận đến Pháp Nghịch do nghiệp trở sinh hiện bày qua Dị Thời Nghiệp Duyên. Tâm Sân (Bất Thiện) sinh khởi là Pháp Sở Duyên (quả) do bởi Dị Thời Nghiệp Duyên (Năng Duyên). Áp dụng 3 Nội Dung của Phát Thụ vào bước (2) như sau

- Duyên: Dị Thời Nghiệp Duyên là mãnh lực làm Tâm thay đổi từ Thiện sang Bất Thiện
- Thực Tính Pháp: Là Pháp Bất Thiện (do Tham, Sân, và Si mà có)
- Trí Tuệ Đức Phật: Tâm Sân sinh là do tác ý không muốn ngồi thiền nữa vì đau nhức nên sinh Sân

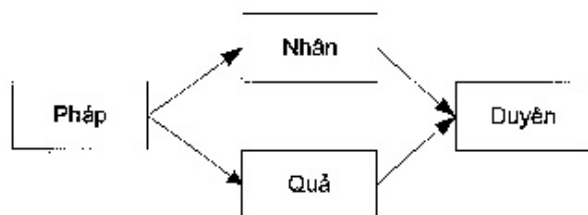
Ghi Nhớ

- Khi đi từ Pháp Thuận qua Nghịch là từ Sáng đến tối, phải cẩn thận để thấy được mãnh lực của

Năng Duyên hay Sở Duyên tác động không phải do ngẫu nhiên.

- Bất cứ trường hợp nào cũng luôn có duyên (Năng Duyên hay Sở Duyên). Khi thấy được như thế là thấy được Tri Tuệ Đức Phật.

Do 3 loại Tướng Pháp (Năng, Sở, Địch) cho thấy được sự tương quan của Nhân, Quả, và Duyên trong các Pháp



**** Nắm được ba loại tướng Pháp thì có căn bản để nhìn thấy và biết được Pháp. Phân biệt được Pháp là gốc (Nhân) hay ngọn (Quả). Trong gốc hay ngọn đó có một mãnh lực duyên tác động.**

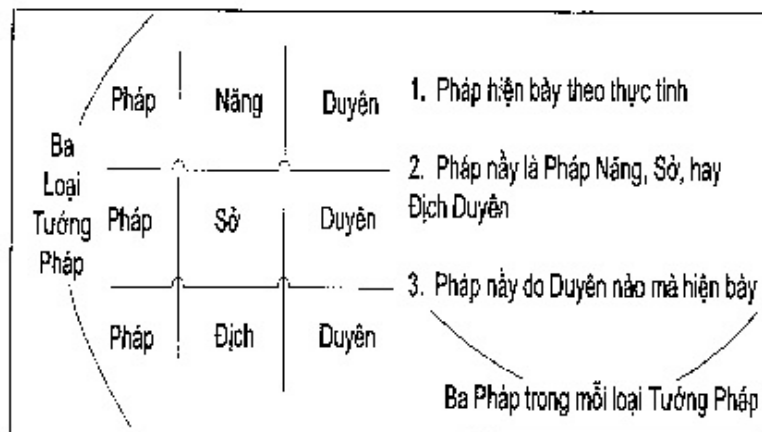
Khi một Pháp đang hiện bày ta phải suy xét những điều sau:

- Pháp nào ta đang nhận?
- Pháp này là Nhân hay Quả?
- Bởi Duyên gì mà có Pháp này?

Ghi Nhớ

Tất cả các Pháp hiện hữu trên đời đều có 3 Tướng Pháp là Pháp Năng Duyên, Pháp Sở Duyên, và Pháp Địch Duyên. Và trong mỗi Tướng Pháp, mỗi Năng Duyên, Sở Duyên, hay Địch Duyên đều có 3 Pháp hiện bày là:

- Pháp hiện bày theo Thực Tính
- Nhân của Pháp hiện bày
- Duyên làm cho Pháp hiện bày



VÍ DỤ Sự la mắng của người là một Pháp bất thiện, là Pháp Sở Duyên (Quả) sinh khởi hiện bày do bởi mãnh lực của Nghiệp Duyên (là Nhân).

Người	La Mắng	Người
Năng Duyên	Pháp Bất Thiện	Sở Duyên

Ta không nên làm Người Năng Duyên trong trường hợp này vì tạo Nhân Bất Thiện. Làm Người Sở Duyên (Quá) là để trả nghiệp, và tu tập diệt phiền não.

Ghi Nhớ

**** Ta không nên tạo Pháp Năng Duyên (la mắng người) vì sẽ tạo nhân bất thiện. Ta làm người Sở Duyên và ghi nhận sự la mắng để trả nghiệp và tu tập diệt trừ phiền não.**

Tóm Tắt Phần I

Ba Nội Dung Chính Của Phát Thú	
(1) Duyên	<p>Mãnh lực hay năng lực giúp đỡ, ủng hộ làm duyên cho các Pháp hiện bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Duyên làm phận sự sinh khởi các Pháp - Gọi là Duyên Sinh. • Duyên làm phận sự liên hệ các Pháp - Gọi là Duyên Hệ. • Duyên làm phận sự bảo hộ các

	<p>Pháp - Gọi là Duyên Bảo Hộ.</p> <p>Không phải duyên nào cũng làm hết ba chức năng. Có Duyên làm phận sự xuất sinh nhưng không bảo hộ.</p>
(2) Thực Tính Pháp	<p>Đặc tính hay tính chất thật và riêng của Pháp mà không thay đổi theo thời gian.</p>
(3) Trí Tuệ Đức Phật	<p>Không gian ba chiều: Xác định vị trí của ta</p> <p>Ba thời gian: Quá khứ, hiện tại, vị lai</p> <p>Ba lực tác động: Lực đẩy, lực cản, lực trì kéo</p> <p>Mọi Pháp đều chịu ảnh hưởng, tác động của không gian ba chiều, ba thời gian, ba lực tác động trong sự vận hành, hoại, diệt, sinh không ngừng nghỉ trong một vòng luân hồi. Vô Thường, Vô Ngã.</p>
Bôn Phân Pháp	
Pháp Thuận	Sáng: Tu - Thuận để tu, thấy Khổ

	(Khô Đê) để tu tập.
Pháp Nghịch	Tối: Diệt - Nghịch để diệt. Thấy nghịch (Tập Đê) để diệt giặc lòng.
Pháp Thuận Nghịch	Tối: Tu Diệt - Thuận để tu và tu để Diệt (Diệt Đê) những điều nghịch.
Pháp Nghịch Thuận	Sáng: Diệt Đạt - Nghịch là để diệt và diệt để đạt đến Đạo Quả (Đạo Đê). (Tối ra Sáng)
Ba Tướng Pháp	
Pháp Năng	Pháp làm thành Nhân
Pháp Sở	Pháp làm thành Quả
Pháp Địch	Pháp ngược với Pháp Quả. Có khi là Pháp Nhân
Ba Yếu Tố Của Mỗi Tướng Pháp	
Thực Tính của Pháp	Pháp đang hiện qua thực tính Pháp
Pháp là Năng hay Sở	Pháp này là Nhân hay Quả.
Duyên nào làm cho Pháp hiện bày	Do mãnh lực Duyên nào đưa đến sự hiện bày của Pháp này.

PHẦN II

GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC 24 DUYÊN

GIỚI THIỆU TÓM LƯỢC 24 – 47 DUYÊN

Duyên là nội dung chính yếu trong ba nội dung của Phát Thủ (Duyên, Thực Tính Pháp, và Trí Tuệ Đức Phật). Có 24 Duyên theo nghĩa hẹp và 47 Duyên theo sự giải rộng của các Bộ Chú Giải. Đây là phần liệt kê của 24 - 47 Duyên với định nghĩa và tóm lược phần chính yếu. Qua Trí Tuệ Đức Phật, Ngài sắp xếp thứ tự của 24 Duyên này theo tầm quan trọng và mãnh lực của từng Duyên.

**** Không phải do con người tạo ra sự sắp xếp thứ tự của 24 Duyên.**

1. Nhân Duyên

Tại sao Đức Phật đặt Nhân Duyên là Duyên thứ nhất trên hết tất cả 23 Duyên kia? Đức Phật sắp Nhân Duyên vào hàng đầu của 24 Duyên vì sự quan trọng của mãnh lực Duyên này và muốn nói lên 6 hoặc 9 nhân trong tất cả các Pháp (Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, hay Pháp Vô Ký). 6 hoặc 9 nhân tương ứng này làm duyên cho các Pháp tương ứng với nó.

Ví Dụ

- Pháp Thiện có Nhân tương ứng là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

- Pháp Bất Thiện có Nhân tương ứng là Tham, Sân, Si.
- Pháp Vô Ký có Nhân tương ứng là Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

Nhân Duyên là Pháp ủng hộ giúp đỡ, làm mạnh lực tạo thành nhân cho các Pháp. Nhân Duyên là duyên chính yếu mở đầu cho 24 Duyên và bao gồm 23 Duyên kia. Tất cả 23 Duyên kia cũng kết hợp với Nhân Duyên.

- Chúng sanh hiện hữu trong đời là do nguyên nhân nào?
- Nguyên nhân nào chúng sanh hiện bày là một chúng sanh đang hiện bày, ví dụ thú vật, con người, con người trí tuệ, hay Chư Thiên trong các cõi Trời?
- → Đó là do Nhân Duyên.

Thế gian có câu “Không ai học được chữ ngờ”. Nhân gian bị đứng lại với chữ “ngờ” vì không giải đáp được, nhưng Đại Phát Thú giải đáp được chữ “Ngờ”.

Ví Du

- Nguyên nhân nào bạn hành thiện (Thiền Na Duyên – Duyên 17)
- Nguyên nhân nào bạn hành Đạo (Đồ Đạo Duyên – Duyên 18)

- Nguyên nhân nào bạn hiện hữu (Hiện Hữu Duyên – Duyên 21)

Nội Dung Phát Thú qua Nhân Duyên

- (1) Nhân Duyên – Mạnh lực của 6 nhân giúp đỡ ủng hộ cấp Pháp tương ứng với (6) nhân này
- (2) Thực tính Pháp – Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện, Pháp Vô Ký
- (3) Trí Tuệ Đức Phật – Ba chiều không gian, ba thời gian, và ba tác động làm cho mọi Pháp điều hành, hoại, diệt, sinh trở lại. Đây là Tướng Vô Thường

**** Tất cả các Pháp ngay cả đến sự hiện hữu của ta đều là do Nhân Duyên. Do đó Nhân Duyên rất quan trọng.**

2. Cảnh Duyên

Cảnh Duyên là mạnh lực giúp đỡ ủng hộ do làm thành Cảnh.

Không phải ngẫu nhiên mà Đức Phật đặt Cảnh Duyên lên hàng thứ nhì trong 24 Duyên. Ngài thấy được Cảnh Duyên quan trọng thứ nhì trong 24 Duyên vì Cảnh Duyên chi phối con người rất mạnh mẽ sau Nhân Duyên cho nên Đức Phật đặt Cảnh Duyên vào hàng thứ nhì.

Cảnh là đối tượng của Tâm thức và khi có Cảnh thì Tâm mãi miết chạy theo Cảnh như con bò chạy theo cỏ (Gocara), không có một cái tôi/ta nào trong đó.

Thông thường ta nói có 6 Cảnh là Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, Pháp hay 21 Cảnh (Cảnh Tổng Hợp – Chương 3 của Abhidhammattha Sangaha – Tổng Hợp Nội Dung Vô Tỷ Pháp) ví dụ Cảnh nội phần, Cảnh ngoại phần, Cảnh tam thời, Cảnh ngoại thời, Cảnh chế định, Cảnh Siêu Lý, Cảnh Níp Bàn và v.v. Đối với 6 Căn con người đã bị điên đảo, đến 21 Cảnh thì con người càng bị đảo điên hơn nữa. Cảnh thì có Cảnh mạnh, Cảnh yếu, Cảnh tốt Cảnh xấu tùy theo Tâm thức của mỗi chúng sanh.

Ví Du

Một người Nam khi đói bụng thì nghĩ đến Cảnh vật thực, nhưng thấy một người Nữ đi qua, Tâm chạy theo người Nữ và quên đi đói bụng, hay vật thực. Thì Cảnh người Nữ là Cảnh mạnh (hay còn gọi là Cảnh Trưởng trong phân Trưởng Duyên).

Suy Ngẫm

**** Ta sợ Cảnh hay ta sợ không chế ngự được Tâm Thức của ta khi đối diện với Cảnh.**

**** Cha mẹ sợ con bị cám dỗ bởi thế gian hay sợ Cảnh thế gian cám dỗ con.**

Đứng trước nghịch cảnh (ví dụ muốn đi chùa tu học mà có nhiều chuyện xảy ra) và một Cảnh cám dỗ. Ta thấy Cảnh nào vừa lòng? Con người chạy theo và vừa lòng với Cảnh theo hai phương diện là Tư Duy Duyệt Ý và Thực Tính Duyệt Ý.

- **Thực Tính Duyệt Ý:** Là sự hài lòng với Cảnh do bởi bản chất của Cảnh theo thực tính Pháp phổ thông của Cảnh đối với mọi người một cách khách quan.
- **Tư Duy Duyệt Ý:** Là sự hài lòng với Cảnh theo sự tư duy riêng của mỗi người do suy nghĩ, tình cảm, trí tuệ hay lý trí. Sự tư duy này qua hai khía cạnh trí tuệ nhiều hơn hay tình cảm nhiều hơn. Người nặng về tình cảm thì tư duy Cảnh theo tình cảm của chính họ.

Nên cẩn thận vì Cảnh Duyên rất quan trọng. Cảnh bao trùm tất cả và chung quanh ta. Ở nhà cũng có Cảnh, đến chùa cũng có Cảnh, đi làm cũng có Cảnh và ngồi thiền cũng có Cảnh. Vậy thì ta sẽ chọn cảnh theo Tư Duy Duyệt Ý hay Thực Tính Duyệt Ý? Câu trả lời là chúng ta sẽ chọn Cảnh theo Phát Thú. Điều này có nghĩa là áp dụng ba nội dung của Phát Thú khi ta chọn Cảnh và giải quyết vấn đề.

(1) Duyên: Cảnh Duyên

- (2) Thực Tính Pháp: Thấy được thực tính Pháp của Cảnh (tốt, xấu, thiện, bất thiện)
- (3) Trí Tuệ Đức Phật: Thấy được sự tác động của ba chiều không gian, ba thời gian, ba lực tác động, đẩy, cản, tri kéo. Ba tác động này làm cho mọi Pháp luôn vận hành, hoại, diệt, và sinh lại không ngừng nghỉ tạo thành một vòng luân hồi. Đức Phật cho thấy con đường Đạo để bẻ gãy sự luân hồi này.

Ghi Nhớ

**** Đứng trước Cảnh Duyên, người tu tập phải nhìn Cảnh theo Phát Thú tức là dùng Trí Tuệ Đức Phật (không gian ba chiều, ba thời gian, và ba lực tác động - mọi Pháp đều vận hành, hoại diệt, và sinh lại - Vô Thường) để xem xét được thực tính Pháp của Cảnh. Từ đó biết tác ý khôn khéo dùng Cảnh làm mãnh lực giúp đỡ ủng hộ sự tu tập, hay diệt trừ và không bắt Cảnh.**

Người mạnh về tư duy duyệt ý thì một mình đơn độc mà đi. Người này phải nên cẩn thận và có trí tuệ mạnh vì nếu không có đủ trí tuệ sẽ bị chi phối bởi trí thức của riêng mình và lệ thuộc vào Cảnh tư duy của mình. Người theo về thực tính duyệt ý thì có bè bạn cùng đi vì họ theo thực tính phổ thông của Pháp mà nhiều người biết đến.

Đức Phật đi từ Thực Tính Duyệt Ý đến Tư Duy Duyệt Ý và rồi đến Thực Tính phổ thông Pháp với tất cả chúng sanh. Từ thực tính Pháp, Đức Phật ra đi để chọn Tư Duy Duyệt Ý, đạt được Quả Vị Tối Thượng, Ngài trở về lại thực tính Pháp đến với tất cả chúng sanh. Đó là Phát Thú nội dung thứ hai.

**** Rút tĩa từ điều này Học Giả phải đi như vậy. Đến với Pháp phải thấy thực tính trước, sau đó rút ra tư duy cho chính mình, đạt kết quả để thấy được thực tính vận Pháp.**

3. Trường Duyên

Trường Duyên là mãnh lực giúp đỡ ủng hộ cho làm thành trường.

Tại sao Đức Phật đặt Trường Duyên vào hàng thứ ba? Ta phải đặt câu hỏi để thấy được giá trị của Duyên mà ứng dụng đúng đắn vào Pháp học và Pháp hành.

Đức Phật đi qua đi lại trong Trường Duyên và cho chúng ta thấy đây là Duyên quan trọng thứ ba trong 24 Duyên. Vì trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày có Cảnh ta muốn đạt được, muốn tiến đến đó là do Trường Duyên. Khi nào ta có Trường Duyên là ta muốn có sự thay đổi.

Trường Duyên lúc nào cũng là yếu tố thúc đẩy cho chính mình để vượt qua ba lực tác động đẩy, cản, trì kéo tùy theo các Pháp Thiện hay Bất Thiện.

Ví Dụ Trường Duyên là yếu tố mạnh mẽ thúc đẩy cho sự tu tập để đạt đến Cảnh Níp Bàn.

Ứng dụng của Trường Duyên trong các Pháp tương ứng theo Trí Tuệ Đức Phật:

- (a) Trước ba tác động (Đẩy, Cản, Trì Kéo) Trường Duyên kết hợp với Đẩy → thắng được Cản, và vượt qua được sự Trì Kéo. Trong trường hợp này ta đi đến tiến bộ. Ứng dụng trường hợp này trong Pháp Hành và sự tu tập của mình thì được Trường Duyên ủng hộ cho ta tiến tới trong việc tu tập.
- (b) Trường Duyên kết hợp với Cản → thắng được Đẩy và ở lại với Trì Kéo thì ta bị thụt lùi.

Tại sao ta dùng trường hợp (a) tiến bộ? Vì thấy được thực tính của Pháp là Pháp Thiện, hay Pháp Bất Thiện, Pháp Hiệp Thế, hay Pháp Siêu Thế và biết ứng dụng Trường Duyên cho nên được tiến bộ trong việc tu tập và Pháp Hành.

- Trường Duyên tạo mãnh lực tốt nếu ta thấy được thực tính của Pháp là Tốt.

- Trường Duyên tạo mãnh lực xấu nếu ta thấy được thực tính của Pháp là Thiện hay Bất Thiện.
- Biết dùng Trường Duyên với đúng thực tính Pháp thì phải thấy được thực tính của Pháp theo Trí Tuệ Đức Phật.

Ghi Nhớ

- *Ta phải biết khai thác Trường Duyên vì đứng ở góc độ nào ta cũng bị kẹt. Ta muốn tu tập để giải thoát nhưng bị cản trở bởi giặc lòng và những cám dỗ trì kéo ta lại. Do đó phải biết dùng Trường Duyên để đẩy ta đi đến.*
- *Muốn biết dùng Trường Duyên một cách hữu ích thì phải biết Phát Thú - Thấy thực tính Pháp và Trí Tuệ Đức Phật.*

Trường Duyên bao gồm hai Duyên:

- **Câu Sinh Trường Duyên:** Là mãnh lực giúp đỡ Pháp đồng cùng sanh với Tâm Thức (Danh). Câu Sinh Trường được dùng với Tư Duy Duyệt Ý.
- **Cảnh Trường:** Là mãnh lực giúp đỡ do thành Cảnh Trường là đối tượng của Tâm Thức (Sắc). Cảnh Trường gồm có Tứ Trường xử dụng 4 Tâm Sở là Dục, Cản, Tâm, Thâm (Tứ Như Ý Túc trong 37 Phẩm Trợ Đạo). Cảnh Trường có hai loại

- (1) Thực Tính Duyệt Ý: Hải lòng với thực tính thuần theo tính cách phổ thông không có tính cách riêng tư (tính cách khách quan và tiêu cực). Thực Tính Duyệt Ý chỉ nhìn thực tướng chứ không nhìn thực tính Pháp.
- (2) Tư duy diệt ý: Hải lòng với Cảnh theo sở thích của mình (theo cảm tính hay trí tuệ của con người) (có tính cách chủ quan và tích cực). Người có Tư Duy Duyệt Ý dùng trí tuệ nhìn thực tính Pháp.

Ghi Nhớ

- Giữa hai Duyên, Câu Sinh Trưởng và Cảnh Trưởng Duyên thì ta chọn cái nào? Câu trả lời phải là Phát Thủ, tức là phải thấy được thực tính Pháp của Cảnh đang hiện bày và dùng Trí Tuệ Đức Phật qua ba chiều không gian, thời gian, lực tác động mà giải quyết Cảnh nào ta nên chọn.
- Trong cuộc sống hằng ngày cũng như trong đời sống tu tập, khi Trưởng Duyên đến (một điều gì đó đến và thôi tức ta phải làm – đó là Trưởng Duyên) ta phải cẩn thận và thận trọng tìm thấy thực tính Pháp trước rồi mới hành động theo chiều thuận lợi của Trưởng Duyên.

Ứng Dụng Phát Thủ

- (1) Phải có Tư Duy Duyệt Ý của mình để nhìn thấy được thực tính của Pháp (Chân thật tính của Pháp)
- (2) Từ đó nhận chân được thực tính Pháp trong đời sống
- (3) Rồi nhìn bên ngoài tất cả với Thực Tính Duyệt Ý thấy các Pháp trong thế gian
- (4) Và rồi dùng Trí Tuệ Đức Phật để giải quyết các vấn đề
- (5) Dùng Trí Tuệ Đức Phật phát sinh trí tuệ cho mình và trở về tăng trưởng Tư Duy Duyệt Ý, thấy rõ chân thật thực tính Pháp trong phần (1). Vì thế đây là một vòng hỗ trợ cho nhau.

Ví Du

1. Thái Tử Siddhattha tu với 5 Anh Em Ngài Kiều Trần Như theo thực tính Pháp (Pháp Tướng)
2. Trở về tư duy của mình và tìm được thực tính duyệt ý qua sự giác ngộ
3. Nhìn lại thực tính duyệt ý để độ chúng sanh
4. Trí Tuệ Đức Phật

Ta áp dụng Trí Tuệ Đức Phật vào bước (1). Tư duy dùng Trí Tuệ Đức Phật để xây dựng và phát triển trí tuệ tư duy cho mình. Và dùng tư duy trí tuệ để thấy được thực tính của Pháp, và rồi có thực tính duyệt ý. Ta phải thấy rõ đặc tính riêng của Pháp (đặc tính riêng hay đặc tính bên trong) rồi mới kết luận tính

chất chung của Pháp (Thực Tướng hay là đặc tính chung của Pháp).

Suy Ngẫm

- *Người sống an phận không dám chịu thử thách thì không nên dùng Trường Duyên*
- *Người dám chịu thử thách, chuẩn bị ra biển cả thì đón nhận Trường Duyên.*

4. Vô Giác Duyên

Vô Giác Duyên là mãnh lực giúp đỡ ủng hộ do nối tiếp nhau không gián đoạn.

5. Đẳng Vô Giác Duyên

Cũng giống như Vô Giác Duyên nhưng có mãnh lực mạnh hơn và liên tục hơn.

Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên tương tự với cùng một nội dung, một ý nghĩa và Đẳng là liên tục hơn, mạnh mẽ hơn.

Ví Du

- Từng hạt mưa rơi nối tiếp liên tục trong một cơn mưa là Vô Giác Duyên.

- Từng hạt mưa rơi nối tiếp liên tục nhau qua một cơn mưa nhỏ đến cơn mưa lớn là Đẳng Vô Giác Duyên.

Đòng Tâm thức thì không gián đoạn, Tâm trước nối liền với Tâm sau, sinh diệt liên tục không ngừng nghỉ. Khi nào có Tâm Tử của Bạc Vô Sinh, hay nhập Thiền Duyệt (Diệt Thọ Tướng Thiền Định), hay ở Cõi Trời Vô Tướng mới có sự gián đoạn của Tâm Thức.

Do sự không gián đoạn của dòng Tâm Thức như thế nên có hai điều lợi và bất lợi.

- Khi ta tác ý khôn khéo nghĩ đến việc Thiện thì tạo nghiệp Thiện vô cùng tận.
- Cũng như vậy, khi ta nghĩ đến việc Bất Thiện, dòng Tâm Thức sẽ tạo nghiệp Bất Thiện vô cùng tận.
- → *Phải biết tác ý khôn khéo trong sự tu tập, dùng Vô Giác Duyên và Đẳng Vô Giác Duyên tạo dòng nghiệp lực tốt, thiện để đưa đến Đạo Quả Níp Bàn.*

“Trước tiên ta tạo thói quen và sau thì thói quen tạo lại ta” là do bởi mãnh lực của Vô Giác Duyên và cứ tiếp tục diễn biến liên tục như vậy gọi là Đẳng Vô Giác Duyên.

Suy Ngẫm

**** Đức Phật dùng Đấng Vô Giác Duyên để nhân mạnh thêm về dòng Tâm Thức của con người không gián đoạn vì thế luân hồi mãi không ngừng nghỉ.**

Mỗi khi thấy hiện tượng Vô Giác Duyên hiện bày, Học Giả phải biết Phát Thú khởi sanh do bởi ba Duyên trước (Nhân Duyên, Cảnh Duyên, và Trường Duyên):

- Có khi là Trường Duyên đang tác động làm hiện bày Vô Giác Duyên
- Có khi là Cảnh Duyên đang tác động, lôi kéo Tâm Thức bắt lấy Cảnh Vô Giác
- Có khi là Nhân Duyên đang ủng hộ và giúp đỡ cho việc hiện bày Vô Giác.

Khi đó ta phải biết áp dụng 3 nội dung của Phát Thú để xử trí vấn đề: Dùng Trí Tuệ Đức Phật, không gian ba chiều, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai), và ba lực tác động (đẩy, cản trì kéo) để nhìn thấy thực tính Pháp và sự ảnh hưởng tác động hiện bày qua Vô Giác Duyên.

6. Câu Sanh Duyên

Câu Sanh Duyên là mảnh lực giúp đỡ ủng hộ cho đồng cùng sanh với nhau.

Ví dụ: Tâm và Tâm Sở là do mảnh lực của Câu Sanh Duyên. Câu Sanh Duyên là cùng sanh với nhau nhưng chưa đi đến sự diệt. Nếu đã đến sự diệt thì không còn Câu Sanh Duyên.

Tất cả cùng làm chung với nhau thì có Câu Sanh Duyên. Khi có Câu Sanh Duyên thì có hai trường hợp (1) cộng trú cộng nghiệp và (2) bất cộng trú nhưng cộng nghiệp

- Cộng trú cộng nghiệp – Câu Sanh Nghiệp
- Bất cộng trú cộng nghiệp – Câu Sanh Nghiệp

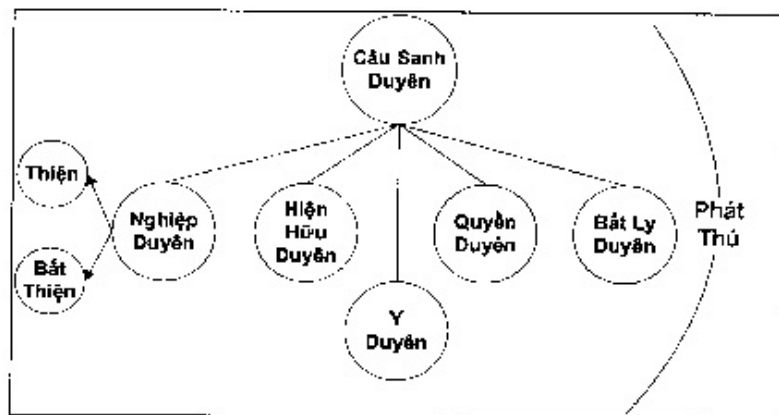
Ví Du Hai vị Thầy dạy ở hai nơi khác nhau là Bất Cộng Trú nhưng cộng nghiệp. Hai vị Thầy dạy cùng một nơi thì cộng trú cộng nghiệp.

Trong các trường hợp khác gồm có

- Cộng trú bất cộng nghiệp - Dị Thời Nghiệp
- Bất cộng trú bất cộng nghiệp - Dị Thời Nghiệp

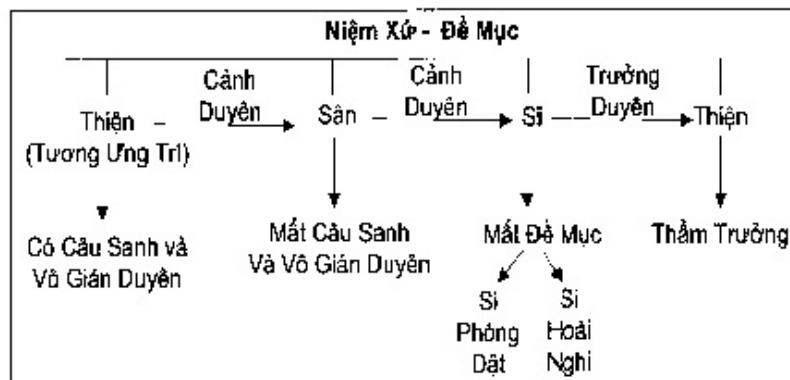
Câu Sanh là cùng sinh ra với nhau nên dễ dàng đi đến cộng nghiệp với nhau (Câu Sanh Nghiệp - thiện hay bất thiện), nương tựa vào nhau (Câu Sanh Y), cùng nhau hiện hữu (Câu Sanh Hiện Hữu), làm cho có quyền hiện hữu và bất ly (Câu Sanh Hiện Hữu / Bất Ly).

Đây là sự liên kết các Duyên với nhau qua sự duyên sinh, duyên hệ, và duyên bảo hộ mà Đức Phật cho chúng ta thấy qua Phát Thụ.



Ví Du Trong Thiên Tứ Niệm Xứ

- Khi hành thiện Niệm Xứ, hành giả khấn khít với đề mục và có Thiện tương ưng trí là do có mãnh lực của Câu Sanh Duyên và Vô Gian Duyên.
- Khi Cảnh Duyên đến, hành giả đánh mất Câu Sanh Duyên và Vô Gian Duyên vì mãnh lực Duyên này không đủ mạnh, hành giả rơi vào trạng thái Sân.
- Và như thế hành giả đánh mất đề mục do Cảnh Duyên lôi kéo, sinh phóng dật hay hoài nghi.
- Muốn trở lại Tâm thiện thì cần phải có Trưởng Duyên (Thẩm Trưởng) để tư duy. Nếu còn thích thú và thấy sự lợi ích của việc hành thiện thì hành giả tiếp tục và quay trở về Tâm thiện.



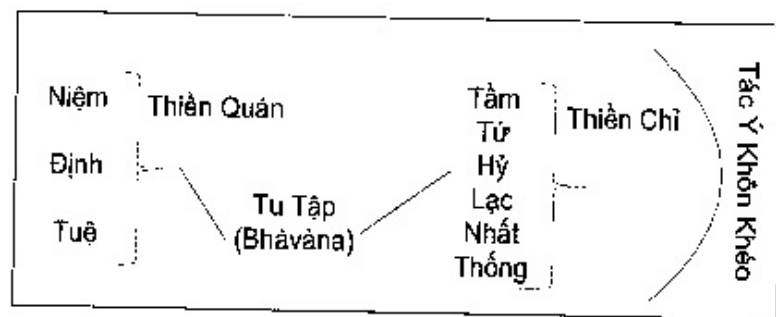
7. HỖ TƯƠNG DUYÊN

Pháp giúp đỡ ủng hộ, hay sự hỗ trợ và tương ưng lẫn nhau.

Ví Du

- Kết bạn với nhau để làm việc tốt là HỖ Tương Duyên.
- Hay kết bạn với nhau để làm việc xấu cũng là HỖ Tương Duyên.

Khi hành thiện hay trong sự tu tập biết tác ý khôn khéo, nương vào Niệm, Định, Tuệ (Thiền Quán), hay Tâm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất Thống (Thiền Chi) chứng đắc Đạo Quả hay các tầng thiền là do năng lực ủng hộ, hỗ trợ của HỖ Tương Duyên.



Ghi Nhớ

**** Tác Ý khôn khéo là một Pháp Thiện để tu sửa chuyển đổi bất thiện thành thiện.**

Hồ Tương Duyên sẽ có lợi khi ta làm việc thiện và sẽ bất lợi khi ta làm việc Bất Thiện. Vì trong việc làm Bất Thiện mà có sự giúp đỡ của Hồ Tương Duyên thì việc Bất Thiện sẽ mau thành tựu và sẽ tạo nghiệp lực bất thiện.

Con người khi mất đi Trí Tuệ Đức Phật thì muôn ngàn cảnh duyên sẽ đến với chúng ta cho ta tạo bất thiện nghiệp. Cho nên nói duyên là vốn, là tài sản của chúng sanh.

- Duyên tạo ra ta hay ta tạo ra Duyên? Câu trả lời phải là Phát Thú!
- Khi ta ngồi thiền ta có mọi điều kiện và có Hồ Tương Duyên thì ta có thuận lợi để đạt đến Đạo Quả không? Câu trả lời phải là Phát Thú!

- Có nhiều người đến hỗ trợ và giúp đỡ ta thì có thuận không? Câu trả lời phải là Phát Thú!

**** Tại sao đó là Phát Thú - Chúng ta cần sự hỗ trợ của Hồ Tương Duyên nhưng phải nhìn Pháp qua Phát Thú thấy được thực tính Pháp là thiện, bất thiện, chế định, siêu lý, và v.v. Phải biết tác ý khôn khéo để thấy được thực tính Pháp và thấy được Trí Tuệ Đức Phật để biết sự lợi hay bất lợi của Hồ Tương Duyên.**

Do đó luôn luôn áp dụng (3) Nội Dung của Phát Thú trong mọi Pháp:

- (1) Biết được Duyên: Hồ Tương Duyên
- (2) Thấy được Thực Tính Pháp
- (3) Xử dụng Trí Tuệ Đức Phật (tác động của 3 chiều không gian, 3 thời, 3 lực đẩy cản tri kéo luôn vận hành, hoại, diệt, và sinh đến Pháp đang hiện bày) để thấy được điều lợi, hay bất lợi, liên quan hay tương tạp, thuận hay nghịch, nhân hay quả của Hồ Tương Duyên trong các Pháp đang hiện bày. Và từ đó biết giải quyết Pháp ra sao.

Ghi Nhớ

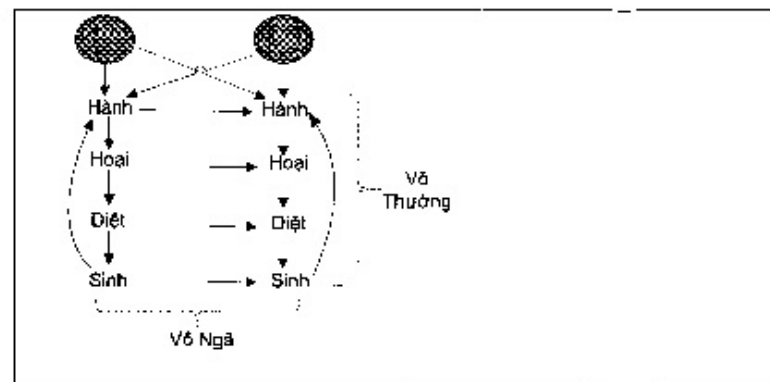
- Ta phải tạo duyên – Ta biết tác ý tạo sự hiện bày của duyên theo chiều lợi

- *Duyên có sẵn trong ta – Ta có mặt ở đây là do Duyên. Tác ý khôn khéo và ý thức được Duyên hiện bày*
- *Ta phải nắm bắt Duyên - Biết dùng Duyên qua tác ý khôn khéo theo chiều lợi*
- *Không có tùy duyên – không để mãnh lực duyên đưa đẩy ta vào chiều bất lợi và làm việc bất thiện*

Khai Triển Về Hành Hoại Diệt Sinh:

Khi hai người sống gần nhau thì có những ảnh hưởng và tác động lẫn nhau qua Phát Thú. Sự hành hoại diệt sinh trong các Pháp của mỗi người qua mãnh lực xuất sinh, liên hệ, và bảo hộ của Duyên. Và hai người có thể trở nên giống nhau qua sự liên quan và tách rời nhau do sự liên quan và tương tạp.

Hành Hoại Diệt Sinh – Vô Thường, Vô Ngã	
Người A:	Người B:



- Hành (hành động tạo tác) của A thay đổi theo Hành của B.

- Do đó hành của A hoại diệt

- Hành của B sinh khởi trong người A. Để rồi tiếp tục một vòng hành, hoại, diệt, sinh (luân hồi) không ngừng nghỉ - Vô Thường.

- Tất cả do mãnh lực của Duyên xuất sinh, liên hệ, và bảo hộ và tác động của ba chiều không gian, ba thời gian, và ba lực tác động chứ không có

Hành (hành động tạo tác) của B thay đổi theo Hành của A.

- Do đó hành của A hoại diệt

- Hành của A sinh khởi trong người B. Để rồi tiếp tục một vòng hành, hoại, diệt, sinh (luân hồi) không ngừng nghỉ - Vô Thường.

- Tất cả do mãnh lực của Duyên xuất sinh, liên hệ, và bảo hộ và tác động của ba chiều không gian, ba thời gian, và ba lực tác động

một bản ngã nào làm chủ - Vô Ngã.	chứ không có một bản ngã nào làm chủ - Vô Ngã.
--------------------------------------	--

8. Y Chi Duyên

Y Chi Duyên là Pháp giúp đỡ ủng hộ cho sự nương nhờ, nương dựa. Con người sống trên đời luôn có Pháp nương nhờ. Có Pháp nương nhờ ta cần đến và có những Pháp nương nhờ ta không nên cần đến. Nương nhờ vào Pháp ta phải biết đó là Pháp Thiện hay Pháp Bất Thiện. Nếu không cẩn thận nương nhờ vào Pháp bất thiện ta sẽ trở thành bất thiện. Khi nương nhờ vào Y Chi Duyên phải nên nhớ câu “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”.

Ví Du

- Một em bé có Pháp Y Chi làm duyên nương nhờ vào Cha Mẹ.
- Nhưng câu hỏi là do đâu mà đứa bé lại có Y Chi Duyên để nương nhờ vào Cha Mẹ?
- → Do nghiệp duyên của đứa bé mà nó có Y Chi Duyên để nương nhờ vào Cha Mẹ. Cho nên đứa bé được sinh ra là do nghiệp duyên của nó.

Có ba duyên trong Y Chi Duyên:

- Câu Sanh Y Duyên: Đồng cùng sanh và nương nhờ với nhau
- Vật Tiền Sinh Y Duyên: Vật (Thần kinh – Căn) sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Thức. Hay là Thần kinh Nhãn sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Nhãn Thức theo mãnh lực của Vật Tiền Sinh Y Duyên.
- Cảnh Tiền Sinh Duyên: Cảnh Sắc sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Thức (Nhãn Thức) theo mãnh lực của Cảnh Tiền Sinh Y Duyên.

Ví Du

Người mù thì không có thần kinh mắt (không có Nhãn Căn) cho nên không có sự nương nhờ vào thần kinh Nhãn. Do đó người mù không có Vật Tiền Sinh Y Duyên.

Ghi Nhớ

- Câu Sanh Y Duyên khác với Hổ Tương Duyên.
- Câu Sanh Y Duyên là đồng cùng sanh và nương nhờ với nhau nhưng không giúp đỡ nhau.
- Hổ Tương Duyên là có giúp đỡ lẫn nhau (có tính chất cô động, đúng thời đúng Pháp)
- Câu Sanh Duyên khác với Câu Sanh Y Duyên.

- Câu Sanh Duyên là đồng cùng sanh nhưng không nương nhờ. Câu Sanh Y Duyên là đồng cùng sanh và có sự nương nhờ.

Ở gần nhau, y chi với nhau nhưng không bị nhiễm tính nhau (tùy theo tính tốt hay xấu) đó là Phát Thú. Phát Thú là phải hiểu thực tính Pháp qua mãnh lực của Duyên trên hai phương diện, lợi và bất lợi và phải biết áp dụng Trí Tuệ Đức Phật để thấy sự vận hành, hoại, diệt, và sinh qua tác động của không gian ba chiều, ba thời gian, và ba lực đẩy, cản, và trì kéo đến các Pháp hiện bày.

Thấy mãnh lực Duyên, phải hiểu được Phát Thú của Duyên. Nếu không hiểu Phát Thú sẽ bị lôi cuốn, ảnh hưởng, làm mất mình trong Duyên.

Ví Du

- Đi chung xe nhưng ta không nhiễm tính của người lái xe là hiểu Phát Thú. Nếu đi chung xe với nhau mà bị nhiễm tính của người lái xe thì ta chỉ có Y Chi Duyên (nương nhờ) mà không hiểu Phát Thú của Y Chi Duyên.
- “Y Pháp bất y Nhân” cũng là Phát Thú!

9. Cận Y Duyên

Cận là sự gần gũi, Y là nương nhờ. Cận Y Duyên là sự nương nhờ mạnh mẽ, mạnh liệt, dữ dội hơn là Y Chi Duyên.

Ví Du Con người nương nhờ mãnh liệt vào hơi thở, tâm tánh. Thói quen, tập khí là Cận Y Duyên của con người.

Cận Y Duyên có 3 Duyên:

- Cảnh Cận Y Duyên: Cũng giống như Cảnh Trường Duyên (qua Thực Tính Duyệt Y hay Tư Duy Duyệt Ý)
- Vô Gian Cận Y: Sự nương nhờ không gián đoạn.
- Thường Cận Y: Nương nhờ thường xuyên và mãnh liệt

**** Trong ba duyên này, mãnh lực Thường Cận Y tác động gây tương tác đến chúng ta mạnh mẽ nhất hơn Cảnh Cận Y và Vô Gian Cận Y.**

Mỗi người đều có đặc tính của một Cận Y Duyên và khó thoát ra được Cận Y Duyên.

Ví Du

- “Trước ta tạo thói quen, sau thói quen tạo ta” – là mãnh lực tác động của Thường Cận Y

- “Đánh chết cái nết cũng không chữa” là một ví dụ do tác động của Cận Y Duyên.
- Môi trường và sự sống cũng là một Thường Cận Y Duyên của ta. Môi trường tu tập và sự tu tập thường xuyên là Thường Cận Y của người Phật Tử

Do Thường Cận Y Duyên mà ta làm đi làm lại những hành động và tạo thành một thói quen và rồi ta sống trong cái thói quen đó. Rồi do một thói quen ta lập đi lập lại những hành động khác và tạo những thói quen khác không ngừng nghĩ và cũng không thể vượt ra khỏi thói quen.

Do mãnh lực của Thường Cận Y Duyên mà tạo ra Nghiệp Duyên, Địch Thời Nghiệp, liên tục không gián đoạn. Có hai trường hợp Thường Cận Y

- (1) Thuần Thường Cận Y – Cư trần bất nhiễm trần.
Tạo thuần nghiệp, nghiệp chỉ đơn tính (biệt nghiệp) của mình không bị nhiễm bởi Cảnh chung quanh.
- (2) Hỗn hợp Thường Cận Y – Cư trần tất nhiễm trần.
Tạo hỗn hợp nghiệp, nghiệp tạo bởi tác động của Cảnh, của hội chúng (cộng nghiệp)

Ta chọn Thuần Thường Cận Y hay Hỗn hợp Thường Cận Y? Câu trả lời phải là Phát Thú!

Mãnh lực của Cận Y Duyên ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến cuộc sống chúng ta rất nhiều nên phải thận trọng và nhìn Duyên qua Phát Thú và biết tác ý khôn khéo thấy thực tính Pháp và dùng mãnh lực duyên hỗ trợ cho thiện nghiệp. Nếu không biết Phát Thú sẽ bị Cận Y Duyên chi phối. Ba mãnh lực của Cận Y Duyên rất quan trọng nên cần chú ý.

Phát Thú

- (1) Duyên: Thấy mãnh lực Cận Y Duyên và sự hiện bày của Cận Y Duyên
- (2) Thực Tính Pháp: Tác ý khôn khéo thấy thực tính của Pháp đang hiện bày
- (3) Xử dụng Trí Tuệ Đức Phật thấy được lực đẩy, cản, trì kéo và tác động của Cận Y Duyên trong quá khứ, hiện tại, vị lai và vị trí của ta trong Pháp hiện bày để thấy được điều lợi hay bất lợi của Cận Y Duyên mà giải quyết Pháp.

Ghi Nhớ

**** RA KHỎI PHÁT THÚ LÀ ĐÁNH MẮT VỊ TRÍ CỦA MÌNH.**

10. Tiền Sanh Duyên

Mãnh lực của Pháp sinh ra trước làm duyên cho Pháp sinh sau.

Ví Dụ

- Đức Phật là Tiền Sanh Duyên cho Phật Tử
- Người trước làm sai làm cho người sau ảnh hưởng.
- Người Cha là Tiền Sanh Duyên cho người Con sinh ra. Nhưng chưa hẳn Cha làm Thầy Giáo thì người con làm Thầy Giáo theo Tiền Sinh Duyên của người Cha.

Tuy là Tiền Sanh Duyên làm mạnh lực cho vật sinh sau nhưng phải biết áp dụng Phát Thú để thấy được thực tính Pháp và xem Tiền Sanh Duyên đó cần phải có, hay không, và có lợi hay bất lợi cho ta.

Trong cuộc sống hằng ngày luôn có mặt của Tiền Sanh Duyên. Thói quen trước làm duyên cho thói quen sau. Một thói quen còn khó ra khỏi đưng nói chi đến nhiều thói quen. Nhưng mà hãy suy ngẫm và nhìn vào câu này để làm yếu tố thấy rõ ảnh hưởng của Tiền Sinh Duyên.

Suy ngẫm và chiêm nghiệm

**** Không sợ thói quen mà sợ tánh ta thường tạo ra thói quen.**

Tánh thường hay tạo thói quen không bao giờ biết dừng lại và không biết đủ. Tánh thường tạo thói quen là do mạnh lực của Thường Cận Y Duyên. Tâm

(Tham, Sân, Si) của Tánh là không bao giờ hải lòng, bất toại nguyện và không biết ảnh hưởng, tác động của một thói quen do đó từ một thói quen này ta sinh ra thói quen khác không ngừng nghỉ.

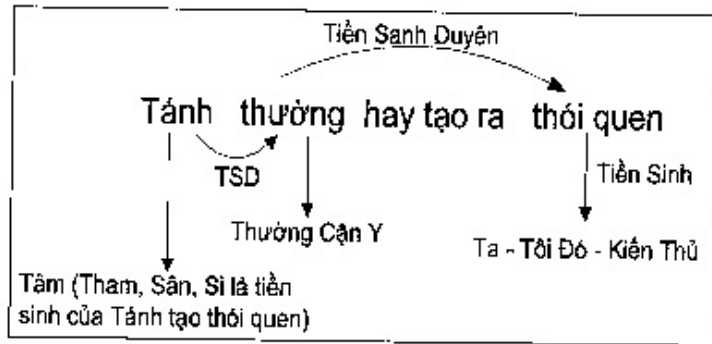
Hằng ngày khi mở mắt ra việc trước tiên ta làm là làm một thói quen. Tùy theo mỗi người, thói quen khác nhau. Nhưng phải tập cho mình một thói quen lợi lạc. Ví dụ trước khi ngủ nên niệm Tam Bảo, Giới, rã Tâm Từ, và Quán sự chết hay Vô Thường.

Ghi Nhớ

- *Khi làm việc theo thói quen thì không có một bản ngã nhưng ta đặt ta vào cái thói quen và nghĩ đó là ta. Khi thay đổi thói quen là thay đổi được cái ta. Mà thay đổi được cái ta là không có cái ta hay của ta. Chỉ do Tiền Sinh Duyên hiện bày – Đó là Phát Thú.*
- *Mỗi Duyên đều có hai mặt: Thiện và Bất Thiện. Cho nên phải nhận định Duyên qua Phát Thú để không bị ảnh hưởng của Duyên theo chiều hướng Bất Thiện.*

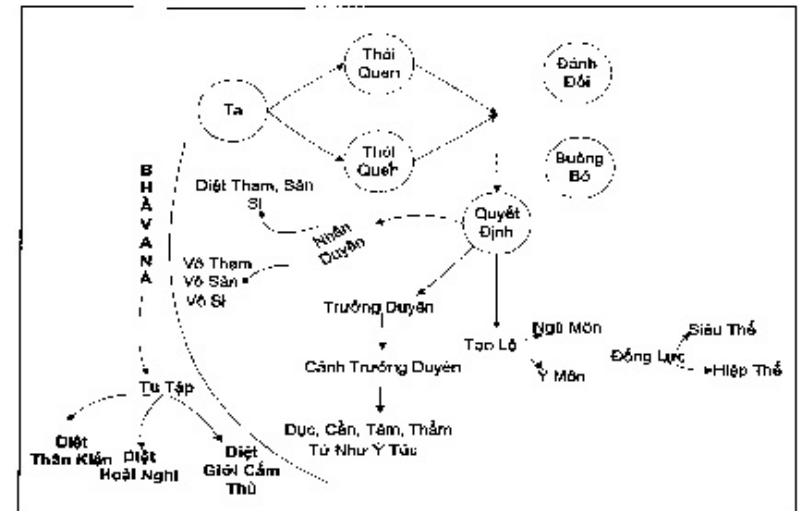
Ví dụ

Ngồi thiền, học bài, đi chợ, và làm mọi việc do bởi Tiền Sinh Duyên và Thường Cận Y Duyên. Thường Cận Y Duyên làm mạnh lực tạo Tiền Sinh Duyên.



Suy Ngẫm

- Thói quen ta không chịu bỏ, chỉ chịu đánh đổi với cái thói quen khác. Khi đánh đổi thì bỏ thói quen cũ tạo thói quen mới - vẫn còn cái ta (cái ta mới) do bởi mãnh lực mới.
- Buông bỏ là Vô Ngã.



Ghi Nhớ Áp Dụng Phát Thủ vào Con Đường Tu Tập

1. Khi nghĩ là **rỗng không** thì ta lại tìm cái lấp vào là còn có cái Ngã
2. Khi nghĩ là **không có chi cả** thì thấy được rằng không có chi để ta nắm giữ - Vô Ngã.
3. Tu tập là dùng Nhân Duyên Vô Tham, Vô Sân, Vô Si để diệt Tham, Sân Si
4. Dùng Trưởng Duyên với Cảnh Trường (Tứ Trường): Dục, Cần, Tâm Thâm (cũng là Tứ Như Ý Túc).

Tiên Sanh Duyên có hai Duyên là

- **Vật Tiên Sinh:** Là Căn hay thần kinh có trước làm mãnh lực cho Tâm Thức sanh khởi để biết được Cảnh.

- **Cảnh Tiền Sinh:** Cảnh sinh trước làm duyên cho Tâm Thức sinh khởi.

Đây là mãnh lực trong quá khứ tạo hiện tại. Khi Tâm Thức biết Cảnh do chạng lại trong quá khứ thì đó là điên đảo. Nên Chánh Niệm trong hiện tại để thấy thực tính Pháp. Đó là Phát Thú!

Trong Vipassana có 3 loại Tâm, Kiến, Tương điên đảo do chạng lại quá khứ.

Ghi Nhớ

**** Khi rời Phát Thú là đánh mất vị trí của mình. Chánh niệm tỉnh giác và hiện tại.**

11. Hậu Sanh Duyên

Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của cái sau làm duyên cho cái hiện tại.

Ví Du: Người mẹ lo cho con trước khi con sinh ra là Hậu Sanh Duyên. Người con chưa sinh là Hậu Sanh Duyên của người mẹ.

- Con người ta luôn nghĩ về cái quá khứ và lo cho cái tương lai nên chúng ta đánh mất cái hiện tại. Ta nên biết suy ngẫm vì không có Hiện Tại Duyên mà chỉ có Tiền Sinh Duyên (Quá Khứ) và Hậu Sanh Duyên (Vị Lai). Qua đó ta thấy rằng con

người bị chi phối bởi mãnh lực của quá khứ và tương lai mà đánh mất mình trong hiện tại.

- Cuộc sống con người cứ mãi lo cho tương lai, lo một cách chu toàn và chu đáo và không bao giờ dừng lại. Mãnh lực của Duyên này xem thì nhẹ như tơ lụa nhưng bao trùm chúng ta không thoát ra được.
- Người còn Tiền Sanh Duyên và Hậu Sanh Duyên là còn lo cho việc tái tục (luân hồi). Luân hồi là luôn luôn có sẵn không phải tìm cầu cũng sẽ có. Làm sao để ta thoát khỏi ra hai mãnh lực của Duyên này?
- Tiền Sanh và Hậu Sanh là hai cái lưới bao trùm, không ché, chi phối chúng ta trong cái vòng của luân hồi. Căn thân vòng luân hồi trong Hậu Sanh Duyên. Đánh mất cái gốc của chúng ta là hiện tại thì ta có Tiền Sinh Duyên và Hậu Sanh Duyên.

Suy Ngẫm

**** Ta sợ hãi khi nhìn thấy một sự thật. Hay ta sợ hãi cho chính ta khi biết được ta đang che giấu một sự thật.**

**** Ta sợ hãi sự luân hồi hay ta sợ hãi rằng ta không bẻ gãy được mãnh lực của Hậu Sanh Duyên và Tiền Sinh Duyên dẫn ta đi luân hồi.**

Ta bè cái Duyên để tạo ra hành động chứ không phải ta bị chi phối bởi hành động.

“Như Lai đã dừng lại!”

***Dừng ở đây là ngăn chặn, diệt trừ mọi duyên làm mãnh lực tạo ra hành động chứ không phải dừng mọi hành động.*

Hậu Sanh Duyên. Tâm nên nghĩ hiện tại thì không lo quá khứ (Tiền Sinh Duyên) hay vị lai (Hậu Sanh Duyên). Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, quá khứ thì đã qua, tương lai thì chưa đến, hãy an trú trong hiện tại.

Mãnh lực của Hậu Sanh Duyên và Tiền Sanh Duyên tác động đến chúng ta rất nhiều theo truyền thống, và một cách rất vi tế. Mãnh lực của những Duyên này âm thầm ảnh hưởng sự luân hồi của con người mà ta không hay biết. Khi biết được tác động của Hậu Sanh Duyên và Tiền Sanh Duyên nhưng chúng ta cũng khó vượt ra mãnh lực của các Duyên này để thoát ra khỏi luân hồi.

12. Trùng Dục Duyên

Trùng Dục Duyên là mãnh lực lập đi lập lại để được hưởng lại nhiều lần.

- Con người chưa thỏa mãn với những gì được hưởng, và không dừng lại để được hưởng, và do đó muốn lập đi lập lại để dừng lại hay hưởng lại là do mãnh lực của Trùng Dục Duyên.
- Ta không ra khỏi mãnh lực này hay ta làm việc theo một thói quen để hưởng lại những gì ta có? Ai sẽ bè được mãnh lực duyên này?
- Phải biết tác ý khôn khéo trong Trùng Dục Duyên cho việc thiện tạo nhân đến Đạo Quả Níp Bàn. Không biết hưởng về giải thoát Níp Bàn thì làm các việc thiện để được hưởng hạnh phúc trong đời cũng do mãnh lực của Trùng Dục Duyên lôi kéo để muốn hưởng lấy.
- Trùng Dục Duyên làm mãnh lực cho cả việc Thiện và việc Bất Thiện nếu ta không biết tác ý khôn khéo. Vì không biết sợ hãi mãnh lực của Trùng Dục Duyên mà ta đi đến luân hồi.

Không ai không ưa thích ái dục, thích hưởng ái dục cho nên không ngừng bị khống chế bởi Trùng Dục Duyên để được hưởng ái dục. Nên con người nuôi dưỡng Trùng Dục Duyên và biện luận cho những điều ta làm để hưởng lại ái dục chứ không nhìn lại để thấy được bản chất thật của ta, ngũ ngầm nuôi dưỡng Trùng Dục Duyên chứ chưa giám buông bỏ, vượt qua sự cám dỗ để thoát ra khỏi vòng luân hồi.

Ta sẵn sàng lên án hay chống lại những ai đến phá Trùng Dục Duyên của ta. Ta bình thành bản ngã của ta qua mãnh lực của Trùng Dục Duyên. Vì thế ta rơi vào những trường hợp sau đây mà không dám đổi diện.

- Nghe để mà nghe
- Học để mà học
- Hành để mà nói ☺
- → Chứ không nghe, học, hành để chúng nghiệm giải thoát!!

****Như thế ta có vượt ra khỏi Trùng Dục Duyên không?**

- Phải nhìn thấy Phát Thủ của Trùng Dục Duyên và dùng Câu Sanh Trường để tiêu diệt, bẻ gãy Trùng Dục trong chiều hướng bất thiện. Dùng Duyên này để bẻ gãy Duyên kia do đó là Vô Ngã không có một bản ngã tôi/ta trong đó.
- **Con người là một Phát Thủ!** Mọi sự việc, Duyên, Pháp điều phải dùng Trí Tuệ Đức Phật để thấy được điều lợi cho việc tu tập đưa đến Níp Bàn hay điều bất lợi đưa đến luân hồi.
- Nên dùng Trùng Dục Duyên để tu tập cho những điều sau:
 - Dùng Thiện đánh đối Bất Thiện
 - Lấy tu tập để đánh đối thói quen, tập khí.

- Tạo Phước báu của tu tập làm vốn để đánh đối Hiệp Thế
- Lấy cái Hiệp Thế (của Chân Đế) đánh đối cái sai lầm của Tục Đế
- Thấy Sai lầm của Tục Đế chịu đánh đối Phạm thành Thánh.

Khi nói đến Hiệp Thế.

- Ta dùng tâm tiếp xúc Cảnh
- Cảnh có thực tướng Khổ, Vô Thường, Vô Ngã
- Và Cảnh thì có Cảnh nội và Cảnh ngoại.
- Cho dù Cảnh nội hay Cảnh ngoại cũng không ra khỏi Vô Thường, Khổ, Vô Ngã. Mà ta tưởng xưa nay nó là Thường (sai lầm của Tục Đế) và muốn giữ lấy.

Trong mỗi sự đánh đối phải có **buông bỏ** Tiền Sinh Duyên và Hậu Sanh Duyên để không lập lại chứ không phải thay đổi một thói quen này thành một thói quen khác.

Ghi Nhớ

**** Tâm thì luôn bắt Cảnh, Cảnh thì có Cảnh nội phần và Cảnh ngoại phần. Dù là nội Cảnh hay ngoại Cảnh cũng không vượt ra khỏi Vô Thường, Khổ, Vô Ngã.**

Mở rộng thêm:

Môn (Dvāra) là cửa để vào và ra. Chúng ta luôn luôn phải thấy hai chiều của vấn đề. Không nên hạn chế khả năng của mình ở một chiều (đi vào hoặc đi ra). Ta phải thấy được và biết được sự vào và ra ở các cửa của mình (Nhân, Nhi, Tỳ, Thiệt, Thân, Thức) và phải biết mình đã mở cửa nào và phải đóng cửa nào. Khi đóng cửa là ta không muốn có Hậu Sanh Duyên. Phát Thú!

**** Muốn đánh đổi buồng bỏ theo kiến thức của ta hay dùng Trí Tuệ Đức Phật để đánh đổi và buồng bỏ? Đánh đổi và buồng bỏ theo Trí Tuệ Đức Phật.**

Ghi Nhớ

Dùng những câu hỏi và trả lời sau đây để thấy được sự tác động của Trùng Dục Duyên

- Hỏi: Tại sao chúng ta làm việc thiện?
- Trả Lời: Làm việc thiện để được tốt hơn
- Hỏi: Tốt hơn để làm gì?
- Trả Lời: Đề hưởng những cái tốt đẹp

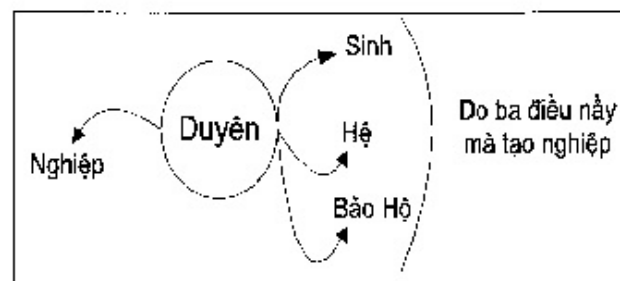
Đó là cả một sự Trùng Dục Duyên mà không vượt ra khỏi do ái dục, để quay lại và lập lại để trùng dục lại → tạo một vòng luân hồi không giải thoát!

Cho đến những người chứng được thiên cũng do muốn hưởng lấy, bị chi phối bởi Trùng Dục Duyên mà không được giải thoát.

13. Nghiệp Duyên

Mãnh lực của Nghiệp Duyên là để thọ nghiệp báo.

Ai giải đáp được nghiệp? Ai tạo nghiệp. Phát Thú giải đáp được việc này.



- Hành động tạo tác từng sát na Tâm thì trả quả hành động cũng theo từng sát na Tâm.
- Cái nghiệp là vì nội tâm xáo trộn bởi ngoại Cảnh. Tuy ngoại Cảnh chỉ là ngoại Cảnh nhưng do Nghiệp Duyên tác động mà tạo nghiệp.
- Nghiệp Duyên (là gốc – Chân Đắc Hiệp Thế) tạo ra mãnh lực để hành động nghiệp lực (là ngọn - Tục Đắc), cho ra một nghiệp báo (là ngọn - Tục Đắc).

- Nghiệp Duyên đưa đẩy ta tạo một hành động (Nghiệp).

Phát Thú của Nghiệp Duyên

- Duyên: Nghiệp Duyên
- Thực tính Pháp của Nghiệp Duyên
- Trí Tuệ Đức Phật - Để vượt ra khỏi nghiệp

Suy Ngẫm

- *Có khi nào ta tạo nghiệp một mình không?*
- *Không thể nói một mình ta tạo nghiệp. Phải có một lý do. Lý do là mãnh lực Nghiệp Duyên.*

Nghiệp Duyên có hai Duyên

- Câu Sanh Nghiệp: Nghiệp mà có Quả trở sanh liền
- Dị Thời Nghiệp: Nghiệp mà có Quả trở sanh trong thời gian sai khác với nghiệp đã tạo.

Có nhiều yếu tố thúc đẩy, lôi kéo để tạo thành một hành động.

Thân lời ý luôn làm theo mãnh lực của Nghiệp Duyên. Nghiệp Duyên tạo nghiệp lực để hưởng nghiệp báo.

- Hiện báo nghiệp (do Câu Sanh Nghiệp Duyên)
- Hậu Báo nghiệp (do Dị Thời Nghiệp Duyên)
- Hậu hậu báo nghiệp (do Dị Thời Nghiệp Duyên)

Nói về Tuổi thọ và Nghiệp (Hiện báo nghiệp, Hậu báo nghiệp, Hậu Hậu báo nghiệp). Nghiệp báo làm cho con người ưu tư phiền não và làm giảm đi tuổi thọ của con người do phiền não, khổ đau.

- Trong đời ta có nhiều mãnh lực dẫn dắt, lôi kéo rất vi tế. Ta luôn chịu tác động, khống chế bởi mãnh lực của Duyên. Khi đạt được Lưu Tận Thông mới thoát khỏi mãnh lực Duyên.
- Duyên sẽ làm cho ta dính mắc vào, rồi Duyên lấy đi những gì ta dính mắc, để cho ta hụt hẫng, đau khổ, và chờ đợi một Duyên khác đến. Khi Nghiệp Duyên đến thì ta không chống lại được, không dừng lại được.

Ghi Nhớ

Ta làm việc theo thói quen mà không biết được do sự thúc đẩy, ảnh hưởng của mãnh lực của Thường Cận Y Duyên → tạo tác cho một Dị Thời Nghiệp (Nghiệp Duyên).

Thường Cận Y Duyên = Dị Thời Nghiệp Duyên

Ví Du

- Sau một giấc ngủ ngon thì bạn làm gì?
- Do Thường Cận Y Duyên làm cho ta mở mắt thức dậy

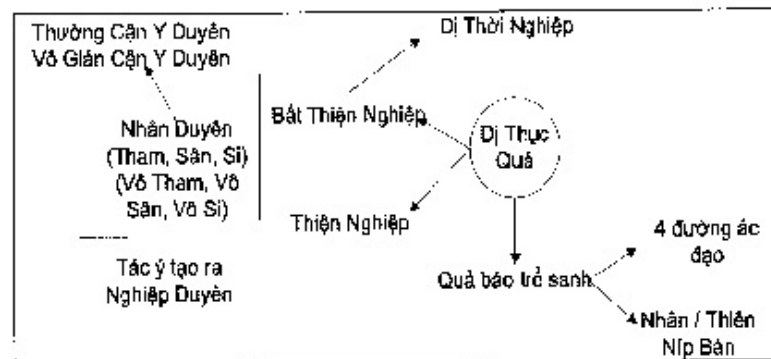
- Và cũng do **Thường Cận Y Duyên** ta làm những động tác kế tiếp (bước xuống giường, đi đến...) theo một thói quen
- Tất cả các hành động tạo tác đó là do mãnh lực **Duyên**
- → Đó là **Vô Ngã!**

14. **Đị Thục Quả Duyên**

Đị Thục Quả (**Vipāka**) là mãnh lực của Quả chín mùi trở sanh do một Đị Thời Nghiệp sai khác thời gian. Đị Thục Quả khác với Quả Duyên (Đạo Quả - Phala)

Với mãnh lực của Đị Thục Quả Duyên thì Quả báo trở sanh của một Bất Thiện Nghiệp hay một Thiện Nghiệp tạo tác do Nhân Duyên với nhân tương ứng là vô tham, vô sân, vô si hay tham, sân, si.

- Với Duyên nào ta làm việc BT hay làm việc Thiện?
- Do Nhân Duyên – Tham, Sân, Si là nhân đưa đến Bất Thiện nghiệp.
- Vô Tham, Vô Sân, Vô Si là nhân đưa đến Thiện nghiệp.



Làm việc Bất Thiện do mãnh lực Nhân Duyên. Tạo Bất Thiện nghiệp do mãnh lực Đị Thời Nghiệp Duyên. Quả trở sanh từ Bất Thiện nghiệp do mãnh lực Đị Thục Quả.

Với mãnh lực của Đị Thục Quả Duyên thì quả báo trở sanh và ta phải đón nhận. Nếu là quả trở sanh của Bất Thiện nghiệp thì chịu bốn đường ác đạo. Nếu là quả báo trở sanh do Thiện nghiệp thì được quả Nhân / Thiên hay Níp Bàn.

Quả trở sanh cũng chịu mãnh lực của nó mà trở sanh chứ ta không biết được và không định được khi nào nó trở sanh. Hay khi tạo nghiệp ta cũng không kiểm soát được ta mà chịu ảnh hưởng bởi một mãnh lực Duyên. Con người hoàn toàn bị khống chế bởi Duyên. Khi trả quả ta cũng trả quả tương ứng với hành động chứ không phải do ta quyết định trả bao nhiêu và trả như thế nào – Hoàn toàn Vô Ngã!

Khi ta không đồng ý với mãnh lực Duyên này thì ta phải tạo ra hay thay đổi một cái Duyên mới. Nhưng tạo ra hay thay đổi là cũng do mãnh lực.

Tác ý tạo ra nghiệp (là do Nhân Duyên). Nghiệp (hành động) ta thường xuyên làm là do Thường Cận Y Duyên và Vô Giác Cận Y Duyên. Chúng ta bị chuỗi mãnh lực Duyên (không có chủ động của ta) tạo ra một dòng tư tưởng – Vô Ngã. Một dòng tư tưởng luôn bị thay đổi bởi nhiều mãnh lực Duyên (Vô Ngã) tạo ra (Vô Thường).

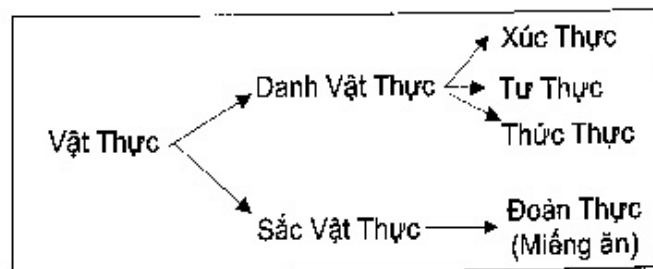
15. Vật Thực Duyên

Vật Thực Duyên có hai duyên là Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực. Con người không ngừng nghỉ ăn (cả hai Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực).

Vật thực có 4 (Tứ Thực) chia làm 2:

- Danh Vật Thực: Xúc Thực, Tư Thực, và Thức Thực.
- Sắc Thực: Đoàn Thực (miếng ăn)

Miếng ăn là từng miếng ăn đê vào miệng (là Đoàn Thực chứ không phải là Sắc Vật Thực). Sắc Vật Thực là tất cả các món ăn trên bàn ăn.



Xúc Thực: Xúc thực là sự thấy, tiếp xúc với Cảnh. Nhãn thức xúc thực Cảnh Sắc đưa đến Thức Thực. Nhi thức xúc thực Cảnh Thinh.

Tư Thực: Suy tư trong Cảnh Pháp dùng Tư Thực. Tư Thực tiến cao lên đến Tư Tuệ. Dùng Thu, Chế, Diệt trong Tư Thực để thấy Vô Thường.

Thức Thực: Món ăn của Tâm Thức. Hương lấy Cảnh Sắc do Nhãn thức đưa vào.

Thấy (xúc thực) như (Tư Thực) Thấy (Thức Thực).

Đứng bên ngoài nhìn vào Vật Thực thì không thấy vật thực ngon nhưng mãnh lực Vật Thực Duyên làm cho vật thực ngon. Vật thực không lôi cuốn nhưng mãnh lực của Vật Thực Duyên lôi cuốn. Có người bị lôi cuốn bởi Sắc Vật Thực Duyên và có người bị lôi cuốn bởi Danh Vật Thực Duyên.

Ghi Nhớ

- **Ba thứ mà con người không bao giờ biết đủ - Ái Dục, Ăn, Ngủ.**

Khi ta thấy thi là Cảnh Duyên → Cảnh trở thành Cảnh Trường Duyên → Cảnh Cận Y Duyên → Vật Thực Duyên (Xúc, Tư, Thực với Cảnh). Hợp tác của các Duyên này gọi là Hiệp Lực Duyên. Phải biết dùng Thu, Chế, Diệt để điều phục Vật Thực Duyên.

- Thấy Cảnh là Vị Ngọt (Cảnh Trường Duyên) - Phải biết sợ hãi vị ngọt
- Nguy Hiểm (là một Vật Thực Duyên đang chờ) - phải diệt để giải thoát
- Thoát Ly (phải dùng Câu Sanh Trường [Dục, Cần, Tâm, Thâm - Tứ Như Ý Túc])

Đó là Phát Thú! Và phải biết cảnh tình ta.

Mỗi người đều bị một mãnh lực cảm dỗ của Vật Thực Duyên. Bậc Thánh có Vật Thực Duyên nhưng tác ý khôn khéo để độ chúng sanh để trả hay cho chúng sanh, xúc thực với chúng sanh, rồi tư duy, và giúp thức thực của chúng sanh không biết đủ.

Trong cuộc sống hằng ngày ta bị lôi cuốn bởi Vật Thực Duyên.

Ngồi trước bàn ăn với các thức ăn thì - Sắc Vật Thực lôi cuốn hay là mãnh lực của Danh Vật Thực đang thúc đẩy bắt vào Sắc Vật Thực Duyên?

- Có người do Sắc Vật Thực lôi cuốn và ngồi xuống ăn liền - Thực tính duyệt ý
- Có người thì chọn lựa thức ăn thích hợp rồi mới ăn (Danh Vật Thực duyên lôi cuốn) – Tư duy duyệt ý
- → Dùng Phát Thú!!

Suy Ngẫm

****Không sợ Sắc Vật Thực hay Danh Vật Thực mà sợ ta không nhìn ra Phát Thú và thấy sự đẩy, cần, trì kéo của Vật Thực lôi kéo ảnh hưởng mà không ra khỏi sự tham đắm vào Sắc Vật Thực → bị chi phối ảnh hưởng bởi Vật Thực Duyên.**

Ghi Nhớ

Phải luôn thực tập thu thức, chế ngự, và diệt trừ để điều phục sự cảm dỗ của Vật Thực Duyên.

Vật Thực Duyên có khi kết hợp với Trùng Dụng Duyên và Vô Gián Duyên thành một hiệp lực để cảm dỗ, lôi kéo con người mãi trong vòng sinh tử luân hồi.

16. Quyền Duyên

Quyền Duyên là mãnh lực tạo quyền lực, khả năng của Duyên. Tại sao chúng ta chịu mãnh lực của Duyên do gì? Do Quyền Duyên.

Ví Du

- Quyền Duyên của Nhà Sư là Nhân Nại.
- Quyền Duyên của đứa bé là tiếng khóc

Tâm Nhân Thức có Cảnh Sắc làm Quyền Duyên.

- (1) Tâm Nhân Thức có quyền nhìn thấy Cảnh Sắc?
- (2) Hay Cảnh Sắc có quyền lôi cuốn Tâm Nhân Thức?
- (3) Cái nào là Quyền?

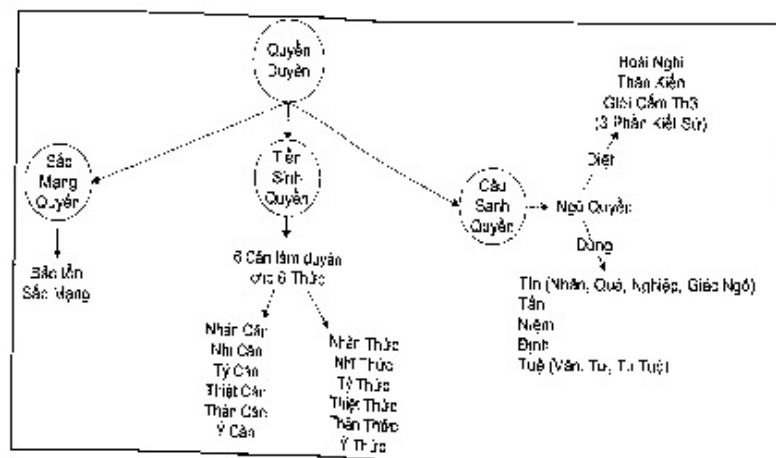
Câu hỏi chưa đủ ý nghĩa để trả lời. (1) Tâm nhân thức có quyền nhìn thấy Cảnh, Quyền gì? Phải cẩn thận với câu hỏi trước khi trả lời hay phải đặt câu hỏi lại để tìm đủ yếu tố.

Tâm nhân thức muốn nhìn Cảnh Sắc phải có đủ 4 nhân sinh ra tâm nhân thức mới có quyền nhìn Cảnh Sắc (Có thân kinh nhãn, ánh sáng, có môi trường, và có tác ý nhìn không). Nhưng mà Cảnh Sắc này là Cảnh Sắc nào, ta có quyền nhìn hay không và Cảnh Sắc là Cảnh ở quá khứ, hiện tại, hay vị lai (còn tồn tại, đã qua, hay còn chưa đến).

Quyền Duyên có 3 Duyên: Câu Sanh Quyền, Tiền Sinh Quyền, Sắc Mạng Quyền Duyên.

- (1) Câu Sanh Quyền: Mãnh lực tác động làm cho một Pháp có quyền lực (quyền năng) trong các Pháp cùng sanh với nhau. Người Trưởng Lốp cùng đến lớp học nhưng có quyền lãnh đạo thì là Câu Sanh Quyền Duyên.
- (2) Tiền Sinh Quyền Duyên: Mãnh lực sinh trước có khả năng chi phối hay quyền lực đến với Pháp. Người anh Cả trong gia đình có quyền lãnh đạo gia đình là có Tiền Sanh Quyền Duyên. Nếu anh Cả có khả năng lãnh đạo mới có Tiền Sanh Quyền Duyên, nếu không có khả năng lãnh đạo thì chỉ Tiền Sanh Duyên thôi (Sinh ra trước).
- (3) Sắc Mạng Quyền Duyên: Mãnh lực có khả năng duy trì Sắc Pháp còn được tồn tại chưa hoại diệt. Tâm thức còn thì Sắc Pháp còn. Không có Tâm Thức, Sắc Pháp hoại diệt. Tâm Thức nương vào thân kinh ở khắp nơi của Thân, phần nào của Thân không có Tâm Thức thì Sắc sẽ bị hoại diệt. Ví dụ như một ngón tay bị tật không có cảm giác. Tâm Sở Mạng Quyền có khả năng duy trì mạng sống của Danh Pháp. Người đang ngủ khác người chết do Tâm Sở Mạng Quyền.

Phải biết khai thác Quyền Năng để đạt đến Níp Bàn. Quyền Năng có Sở Trường (Năng lực mạnh), Sở Đoàn (Năng Lực yếu).



Ứng dụng của Câu Sanh Quyền Duyên

Câu Sanh Quyền Duyên tương đương với Ngũ Quyền (Tin, Tân, Niệm, Định, Tuệ). Phải biết khai thác Câu Sanh Quyền để đưa đến Đạo Quả (37 Phần Trợ Đạo).

- Tin Quyền: Là Tứ Chánh Tín. Tin vào **Nhân**, tin và **Quả**, tin **chúng sanh có nghiệp riêng**, và tin vào **Trí Tuệ Đức Phật**. Có niềm tin mới tinh tấn, nỗ lực tu tập được. Khi có tin ta có tấn quyền
- Tân Quyền: Là Tứ Chánh Căn. Việc Thiện chưa sinh làm cho sinh khởi. Việc thiện đã sinh khởi thì phát triển thêm. Việc Bất Thiện chưa làm dừng

làm cho sinh khởi. Việc Bất Thiện đã sinh khởi thì diệt trừ.

- Niệm Quyền: Là sự ghi nhớ mãnh liệt
- Định Quyền: Là sự chú tâm mãnh liệt
- Tuệ Quyền: Là Văn Tuệ, Tư Tuệ, và Trì Tuệ (Tam Vô Lậu Học)

Câu Sanh Quyền là mãnh lực cần phải biết khai thác để làm mãnh lực cho Ngũ Quyền (Nội Phần, năng lực) tăng trưởng đạo tâm để diệt được 3 hạ phần kiết sử - Hoài Nghi, Thân Kiến (do tiến tu niệm định không có chấp vào vấn đề nào cả), Giới Cẩm Thủ.

Ứng Dụng của Tiên Sinh Quyền Duyên

Tiên Sinh Quyền Duyên là mãnh lực chi phối sự tu tập.

6 Căn (Ngoại Phần) – Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý làm nơi nương nhờ cho Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức có thể chạy theo Cảnh làm mất đi năng lực đi đến tu tập Đạo Quả. Không có Căn thì không có Tâm Thức sinh khởi được. Với Tâm nương vào Căn, bắt được Cảnh Sắc hiện bày. Thu thúc, chế ngự, và diệt trừ là cách tu tập.

Ứng Dụng của Sắc Mạng Quyền Duyên

Là mãnh lực của Sắc Mạng Quyền để gìn giữ nuôi dưỡng cho các Sắc Pháp được tồn tại mà chưa hoại diệt. Sắc Pháp có, còn Sắc Mạng Quyền Duyên thì Sắc Pháp còn tồn tại.

Ghi Nhớ

- *Hỏi: Ta có Câu Sanh Quyền Duyên mà tại sao ta chưa được tu tập đến Đạo Quả?*
- *Trả lời: Ta không biết khai thác mãnh lực của Quyền Duyên và không thấy được Níp Bàn, Giải Thoát là Cảnh Trường Duyên của mình. Ta dùng Ái Dục làm Trường Duyên nên không khai thác đủ Câu Sanh Quyền Duyên để đến thành tựu. Phải khai thác Câu Sanh Trường Duyên (Dục, Cần, Tâm, Thám) để được Giải Thoát, thành tựu Níp Bàn.*

Tu Tập: Sửa đổi để biết khai thác, sửa đổi để biết dùng Duyên.

- Khai thác Câu Sanh Quyền Duyên với Tín Quyền để diệt Hoài Nghi
- Khai thác Câu Sanh Quyền Duyên với Tấn Quyền để diệt Thân Kiến
- Khai thác Câu Sanh Quyền Duyên với Niệm Quyền để diệt mọi chấp thủ, mọi dính mắc (Thân Kiến)

- Câu Sanh Quyền Duyên với Định Quyền tu tập sẽ diệt 3 hạ phân kiết sử
- Câu Sanh Quyền Duyên với Tuệ Quyền tu tập để chứng đắc Sơ Đạo, Sơ Quả.

Ngũ Tịnh Chư Thiên là Cõi Trời cho Bạc Anahàm (Bát Lai).

- Vô Phiền – do Tín mạnh
- Vô Nhiệt – do Tấn mạnh
- Thiện Hiện – do Niệm mạnh
- Thiện Kiến – do Định mạnh
- Sắc Cứu Cánh – do Tuệ mạnh

Người có Tín mạnh tu tập đạt Anahàm đến Cõi Trời Ngũ Tịnh Vô Phiền và tiếp tục tu tập đến các tầng trời kế.

Suy Ngẫm

Cuộc sống chúng ta bị chi phối bởi mãnh lực Duyên trong tất cả Lời, Thân, Ý. Chúng ta không cưỡng lại được mãnh lực của Duyên cho nên khi làm Bất Thiện mà không hay biết và không dùng được. Không có khả năng kiểm soát con người của ta. Có lúc chúng ta không dùng lại và không biết đủ.

Ý làm theo ý của nó và ta làm theo ý của nó, và nó điều khiển ta. Ý là thành phần yếu tố của ta mà ta lại

bị lệ thuộc → cho nên ý không phải của ta vì nếu là của mình thì nó phải nghe mình.

Do Tiền Sinh Quyền → dẫn đến Sắc Mạng Quyền → tạo ra ta.

Một hành giả khi ngồi thiền cũng tạo Bất Thiện nghiệp do Sân. Ba thời ta luôn luôn bị chi phối (quá khú ta lo, hiện tại - giữ lấy, lo cho vị lai). Và rồi ta còn bị chi phối bởi Cảnh ngoại thời.

Hỏi: Làm sao để tìm ra mãnh lực Duyên?

Trả Lời: Tìm ra Duyên gì ảnh hưởng, chi phối ta trong mọi hành động.

17. Thiền Na Duyên

Thiền Na Duyên là mãnh lực của sự chú tâm và thâm thị, chăm chú vào đối tượng và diệt trừ Pháp nghịch. Muốn có Thiền Na Duyên phải dày công phu tu tập.

Sự gặt hái, kết quả của Thiền Na là:

- Tướng của Thiền Định – Vô Thường, Khổ Đau, Vô Ngã
- Cảnh của Thiền Định – Níp Bàn, Giải Thoát

Nếu không biết Tướng (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã) và Cảnh của Thiền Na thì không tu tập được.

Hành Giả hành thiền phải biết dùng Phát Thủ trong đề mục và các triền cái, phóng dật sinh khởi. Muốn có Duyên của Thiền Na phải dày công phu để được mãnh lực của Duyên.

**** Phát Thủ là phải biết nắm dùng Pháp khi Pháp nào đến đúng thời.**

- Khi nào thấy Pháp ta nắm được Pháp
- Đề mục sinh ra trước, phiền não sinh sau.
- Phiền não sinh ra trước đánh đổ đề mục thì đây là do mãnh lực của Tiền Sinh Quyền Duyên. Nếu ta giải quyết theo thói quen thì đây là một Thường Cận Y Duyên.

Ngồi Thiền, Hành Giả có những thói quen hiện bày như sau.

Dùng cách tu tập trình bày để diệt thói quen.

<i>Hiện Bày Của Thói Quen Qua Duyên</i>	<i>Tu Tập Diệt Thói Quen Qua Duyên</i>
1. Đề mục hay phiền não không qua được là do Tiền Sinh Quyền	1. Câu Sinh Quyền dùng mãnh lực của Ngũ Quyền để tu tập chế ngự Tiền

X

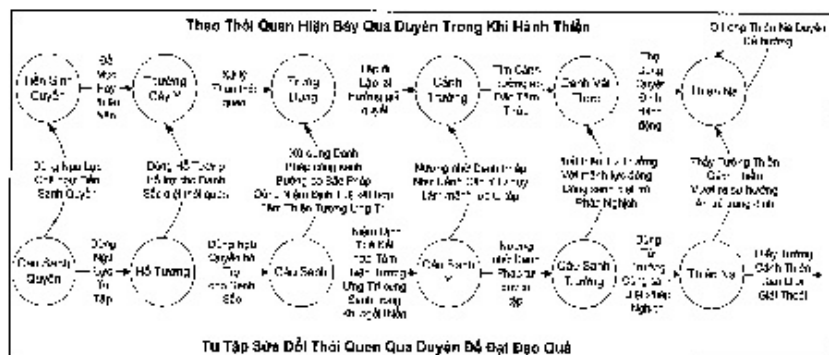
Duyên (mãnh lực sinh trước có khả năng không chế Hành Giả).	Sanh Quyền Duyên. Hồ Tương Duyên với mãnh lực hỗ trợ giúp đỡ Danh và Sắc kết hợp thành một.
2. Giải quyết Thường Cận Y Duyên trước Cảnh hiện bày. Hành Giả hành động theo mãnh lực của thói quen do Thường Cận Y Duyên. Thường Cận Y Duyên sẽ tạo một Dị Thời Nghiệp và sẽ có một Dị Thục Quả. Niu kéo không Đạo Quả được.	2. Hồ Tương Duyên với mãnh lực hỗ trợ giúp đỡ Danh và Sắc kết hợp thành một.
3. Hành Giả hành động lập lại để tìm hướng giải quyết do mãnh lực của Trùng Dụng Duyên.	3. Câu Sanh Duyên tận dụng mãnh lực của Danh Pháp đồng cùng sanh với nhau (buông bỏ dần Sắc Pháp). Niệm, Định, Tuệ kết hợp với Tâm Thiện Tương Ứng Trí.
4. Cảnh Trường Duyên	4. Câu Sanh Y Duyên

có mãnh lực áp đảo Tâm Thức Hành Giả theo Tư Duy Duyệt Ý.	nương nhờ vào Danh Pháp. Cảnh Cận Y xử dụng đối tượng Tư Duy Duyệt Ý làm mãnh lực tu tập.
5. Lúc đó Hành Giả muốn thọ dụng quyết định của mãnh lực hành động do Danh Vật Thực.	5. Câu Sanh Trường Duyên phát triển Tứ Trường (Đục, Cận, Tâm, Thâm) với mãnh lực đồng cùng sanh với Danh Pháp để diệt trừ đối tượng Pháp Nghịch.
6. Hương Cảnh và ở trong Thiên Na Duyên.	6. Do Thiên Na Duyên chúng được thiên (thấy Cảnh Thiên Định và Tướng Thiên Định).

Ghi Nhớ

- Khi nói hoặc nghĩ “tôi đi tu” thì có sự phát triển của Thiên Chí và Quán (đang làm chưa được quả)
- Khi nói hoặc nghĩ “tôi đi hành thiên” thì có Thiên Na Duyên hỗ trợ, có Cảnh và Tướng thiên định

- Khi nói hoặc nghĩ “tôi đi hành đạo” thì có **Đồ Đạo Duyên** hỗ trợ.



Mãnh lực Duyên tác động theo sự tác ý cho nên không được khinh xuất khi dùng lời và tác ý. Vì thế nên nói hoặc nghĩ là đi hành đạo.

Ghi Nhớ

**** Đời sống của tôi là chuỗi ngày dài “Hành Đạo” để làm đầy Ba La Mật để đến Đạo Quả. Nghĩ như thế thì sẽ có một hiệp lực Duyên của (Tu Tập + Hành Thiện + Đồ Đạo Duyên) hỗ trợ.**

Sơ Đạo / Sơ Quả (Thất Lai) sinh lại 7 lần do Tâm Đạo chưa kiên cố cho nên vẫn còn có Tâm tạo nghiệp. Sinh lại để tiếp tục hành Đạo. Nếu Tâm Đạo mạnh sẽ thành Đạo trước 7 đời.

- **Hỏi:** Tại sao nói rằng cứ một sát na Tâm ta hành thiện là một sát na Tâm ta xa lìa vòng luân hồi?
- **Trả Lời:** Mỗi một sát na Tâm mà ta an trú với Tâm Tương Ứng Trí là ta xa lìa **Bất Thiện** và vì thế xa lìa luân hồi.

18. Đồ Đạo Duyên

Duyên nào mà có mãnh lực tu tập để có Tâm Đạo cao thì là Đồ Đạo Duyên. Đồ Đạo Duyên là mãnh lực của con đường đầy ta đi đến sáng suốt (Chánh Đạo), mà cũng có mãnh lực dẫn đến mê mờ đi sai (hành Đạo sai đường – Tà Đạo).

- **Hỏi:** Chân lý của con đường ở đâu mà có? Ai tạo ra con đường?
- **Trả Lời:** Con người
- **Hỏi:** Ai tạo ra con người?
- **Trả Lời:** Phát Thủ (Duyên, Thực Tính Pháp, Trí Tuệ Đức Phật).
- Con người là một Phát Thủ. Thấu rõ Phát Thủ trên con người ta thì ta sẽ thấu rõ thực tính các Pháp.

Con người đi trong ba cõi, Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới là do Trùng Dục Duyên. Trùng Dục Duyên dẫn ta đi trong ba cõi chứ không thoát ra khỏi

vì chưa có con đường, Đồ Đạo Duyên, hay Đồ Đạo Duyên bị sai lệch.

- Hỏi: Tại sao ta có con Đường mà ta đi đụng nhau, hoặc đi sai, đi lạc?
- Trả Lời: Khi đi mà không thấy Khô, Vô Thường, Vô Ngã mà thấy Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì phải xem xét lại Con Đường.

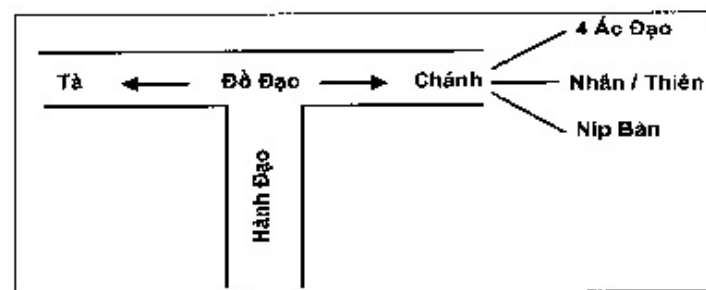
Ghi Nhớ

*****Muốn biết con đường Chánh của Đồ Đạo Duyên phải qua Phát Thú!***

Phát Thú: Con người thấy được thực tính Pháp, chiêm nghiệm Pháp và đi đúng con đường thì có Chánh Đạo theo Trí Tuệ Đức Phật. Lấy Trí Tuệ Đức Phật mà hành Đạo vượt qua Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới – Tam Giới như Hòa Trạch) theo mãnh lực của Trùng Dục Duyên. Phải có Chánh Kiến và Chánh Tư Duy. Nếu đi đúng Đường thì Trùng Dục Duyên sẽ hỗ trợ cho con đường đúng.

Ghi Nhớ

***** Hành Đạo mà không có hướng đi của con đường tu tập coi chừng rơi vào 4 đường ác đạo. Nên cẩn thận.***



Đồ Đạo Duyên là mãnh lực tại ngã ba đường chứ không phải trên con đường hành đạo. Hành Đạo đưa ta đến Đồ Đạo (Ngã ba đường – Tà, Hành Đạo, Chánh). Đồ Đạo Duyên đón nhận tại ngã ba đường để quyết định đến Chánh hay Tà. Khi quyết định quẹo phải thì đi đến con đường Chánh. Nhưng trên con đường đi, ta đi sai lệch, hành đạo sai lệch (tham, tà kiến, không thấy hoài nghi, thân kiến, giới cấm thủ) sẽ đi vào 4 đường ác đạo, hay chỉ được quả Nhân / Thiên (Người / Trời). Con đường rớt ráo của Đồ Đạo là Níp Bàn, Giải thoát ra khỏi Tam Giới.

Thiền Na Duyên cũng là mãnh lực Duyên tại ngã ba đường, quyết định Chánh Thiền hay Tà Thiền.

*****Vậy thì khi nào ta biết được tu có Đồ Đạo Duyên tốt đẹp? Phải dựa vào thực tính Pháp hay Phát Thú qua ba nội dung:***

- (1) Đồ Đạo Duyên
- (2) Thực Tính Pháp

(3) Trí Tuệ Đức Phật

- **Hỏi:** Tại sao ta có con đường, có kỹ thuật, có đường hướng tu tập mà không giải thoát?
- **Trả Lời:** Vì bị mãnh lực Duyên chi phối hay Phát Thú - ảnh hưởng của 3 thời (quá khứ, hiện tại, vị lai), ba chiều không gian, và ba tác lực thúc đẩy, ngăn cản, trì kéo.
- **Hỏi:** Tại sao ta có mặt ở đây? do Nhân Duyên
- **Trả Lời:** Nhân nào? Đồ Đạo Duyên (đi sai đường)

Nguyên nhân nào đưa ta đến thế gian này? Tìm ra nguyên nhân thì ta sẽ thấy được lối ra và thoát ra. Nhưng mà khi tìm ra được nguyên nhân chúng ta có ra được không? và chúng ta có muốn ra hay không? Ta thấy con chuột đang quay theo một chiếc bóng tròn trong lồng, ta lo sợ cho con chuột chóng mặt hay nó đang vui thích trong chiếc lồng tròn đó!

Đức Phật đến với đời chỉ cho chúng ta thấy Khổ, Vô Thường, Vô Ngã nhưng chúng ta có thấy không! hay không muốn thấy vì nghĩ đời là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, và bám giữ và ở trong đó. Tất cả đó là do mãnh lực của Đồ Đạo Duyên, con đường của chúng ta đang đi.

Đồ Đạo Duyên là mãnh lực đang khống chế con người. Đi theo sự dẫn dắt của Đồ Đạo Duyên (Tà Đạo) hay là chúng sanh biết được để vượt ra khỏi (dùng Ba La Mật) mãnh lực (Chánh Đạo) của Đồ Đạo Duyên!

Khi hành đạo ta vẫn chịu ảnh hưởng của Đồ Đạo Duyên đạt được Cảnh Thiên Định và Tướng Thiên Định đưa đến giải thoát.

Hành Đạo mà bị khống chế của Đồ Đạo Duyên là do Trùng Dụng Duyên (hưởng lại những lợi dưỡng mà không tiến tu được). Hành Đạo mà không bị sự khống chế bởi Đồ Đạo Duyên là do Ba La Mật đưa đến giải thoát.

Tu (hành đạo chân chánh) là sẽ có phước báu, nhưng không cẩn thận thì sẽ ở lại trong phước báu hữu lậu này mà luân hồi trong 3 giới, không giải thoát do ảnh hưởng của Trùng Dụng Duyên.

Đồ Đạo Duyên có 9 Chi Đạo (9 Pháp hay 9 Tâm Sờ) dẫn đi 3 ngã

1. Tuệ
 2. Tâm (Chánh Tư Duy)
 3. Chánh Ngữ
 4. Chánh Mạng
 5. Chánh Nghiệp
- } → Ba Ngăn Trì Phẫn

6. Căn: Tâm Sở Căn (Tán)
7. Niệm: Tâm Sở Niệm
8. Nhất Thống (Chánh Định)
9. Tà Kiến

- (4) Chi Đạo (Tâm, Căn, Nhất Thống, Tà Kiến) Bất Thiện phối hợp 12 Tâm Sở Bất Thiện dẫn đến 4 đường ác đạo
- (8) Chi Đạo (trừ Tà Kiến) Thiện phối hợp Tâm Sở Tịnh Hảo Hữu Nhân dẫn đến Thiện Thú Nhân / Thiên.
- (8) Chi Đạo (trừ Tà Kiến) Thiện phối hợp Tâm Siêu Thế dẫn đến Đạo Quả Níp Bàn.

Trong 3 ngã đường đi, Dị Thời Nghiệp Duyên hay Thường Cận Y Duyên chi phối ta chọn ngã đi nào khi đứng ở ngã ba đường (Đồ Đạo Duyên). Dị Thời Nghiệp Duyên và Thường Cận Y Duyên ảnh hưởng ta đi sai đường tu tập. Dùng Câu Sanh Trường Duyên (Dục, Căn, Tâm, Thâm) và Câu Sanh Quyền Duyên (Ngũ Quyền, Ngũ Lực: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) giúp ta vượt ra.

Sự ảnh hưởng này đến những người tu tập sai đường, mà không thấy không biết, hay vì tri kiến cố chấp không vượt ra.

Ghi Nhớ

**** Phải cẩn trọng trong Đồ Đạo Duyên.** Tâm cầu và tác ý khôn khéo với Ba La Mật để vượt ra khỏi không chế của Đồ Đạo Duyên. Có được ý thức và đi đúng đường và Tâm Đạo đến Đạo Quả do ảnh hưởng Dị Thời Nghiệp và Thường Cận Y Duyên.

19. Tương Ứng Duyên

Tương Ứng Duyên là mãnh lực hòa trộn, kết hợp, giúp đỡ nhau làm nên một Pháp.

Tương ứng như Tâm và Tâm Sở có Tứ đồng với nhau:

- Đồng sanh,
- Đồng diệt,
- Đồng biết một Cảnh,
- Đồng nương một Căn (thần kinh).

Tâm Nhãn Thức phối hợp Tâm Sở Biến Hành để biết Cảnh Sắc. Tâm Nhãn Thức và Tâm Sở Biến Hành đồng sanh, đồng diệt, đồng nương vào thần kinh Nhân để biết Cảnh Sắc. → Tương Ứng Duyên.

Có lúc ta tương ứng kết hợp được và có lúc ta không tương ứng kết hợp được. Khi không có kết hợp được, không hòa trộn được thì có Bất Tương Ứng Duyên.

Trên con đường tu tập ta cũng cần Tương Ứng Duyên. Khi cần thì sẽ có hai trường hợp:

- (1) Khi cần và có được: Thì lại có hai hướng - Hữu ích và bất lợi
- (2) Khi cần mà không có được. Thì có trở ngại cho ta không? Cầu bất đắc - cho ta thấy được Khổ Đế.

Nếu ta không có được Tương Ứng Duyên thì chúng ta làm sao? **Phát Thú!!!!**

Suy Ngẫm

- *Có được thì hữu ích hay bất lợi.*
- *Không có được thì có nan giải hay dễ dàng.*
- *Có được hay không có được là do Di Thời Nghiệp - Phải nhìn vào nghiệp của ta!*

Tương Ứng Duyên cũng có nhiều mặt nên phải dùng Phát Thú để nhìn thực tính Pháp và biết được Pháp theo chiều lợi hay bất lợi. Không nên khinh xuất mà nhận lấy Tương Ứng Duyên mau lẹ để rồi tạo nghiệp.

Tương Ứng Duyên nếu phối hợp với Tâm Thiện thì có hữu ích. Tương Ứng Duyên nếu phối hợp với Tâm Bất Thiện thì sẽ bất lợi.

Ghi Nhớ

Làm sao để biết được cái nào là hữu ích, cái nào là bất lợi vì vàng, thau lẫn lộn?

Phải biết Phát Thú, biết Thực Tính Pháp và dùng Trí Tuệ Đức Phật để nhận diện sự bất lợi hay hữu ích và giải quyết vấn đề.

Khi Tương Ứng Duyên (một mãnh lực duyên) hỗ trợ đến, ta phải thận trọng coi ta có phước báu gì, hay Duyên gì mà ta được sự hỗ trợ này. Không hoài nghi vào người hay vật tương ứng duyên mà phải nhìn vào Phát Thú trong ta. Phải coi cái Tâm của mình là Tâm Bất Thiện (tham) hay Tâm Thiện khi đón Cảnh vì đây có thể tạo ra Di Thời Nghiệp (trong hiện tại).

Trên đường hành Đạo ta có mãnh lực Tương Ứng Duyên giúp đỡ hỗ trợ hay không? Chưa có và cần có vì ta đang tu tập. Ta chỉ cần Tương Ứng Thiện (Tâm Thiện và Cảnh tốt) không cần Tương Ứng Bất Thiện.

Khi ta hành thiền một mình tất cả Cảnh trong ba thời sẽ đến với ta thì ta sẽ chọn Cảnh nào và dùng Tâm nào?

- Tâm xáo trộn vì không có mãnh lực Tương Ứng Thiện.

- Khi có mãnh lực Tương Ứng Duyên Thiện thì sẽ có Tâm Thiện sẽ nắm bắt Cảnh tốt.
- Thân muốn ngồi thiền nhưng Tâm không muốn thì có Phóng Dật.

Tu tập

- Thu thúc 6 Căn: Nhân, Nhi, Tỳ, Thiệt, Thân, Ý
- Chế ngự: Tam độc – Tham, Sân, Si
- Diệt trừ:
 - Diệt 3 hạ phần kiết sử (Hoài nghi, Thân Kiến, Giới Cẩm Thủ)
 - Giảm 2 hạ phần kiết sử (Tham thô, Sân thô)
 - Diệt 2 hạ phần kiết sử (Tham vi tế, Sân vi tế)
 - Chấm dứt 5 thượng phần kiết sử (Ái sắc, ái vô sắc giới, phóng dật, ngã mạn, vô minh)

20. Bất Tương Ứng Duyên

Bất Tương Ứng Duyên là mãnh lực làm cho không hòa trộn, không kết hợp, không chung thành một khối.

Ví Dụ Tâm muốn ngồi thiền mà thân không muốn - Bất Tương Ứng

Có hai loại Bất Tương Ứng – Đây không phải là Duyên

- Hư Vô Bất Tương Ứng – Tâm không kết hợp với Tâm Sở. Là Tiền Sinh Duyên thuộc Pháp Năng (Nhân). Tâm Bất Tương Ứng Kiến là Tâm không có Tà Kiến phối hợp. Tâm Bất Tương Ứng Trí là Tâm không có Trí Tuệ.
- Phân Cách Bất Tương Ứng – Phân biệt tánh cách không hòa hợp được. Ví dụ như nước với lửa, nước với dầu.

Tâm đòi hỏi Tánh (tính)

Ba La Mật vượt ra khỏi Tâm Hiệp Thế và Tánh Hiệp Thế.

Ứng Dụng khi hành thiền

- Khi ngồi thiền thì sẽ có Tâm, Tánh hiện bày chỉ có Ba La Mật giúp vượt ra khỏi Tâm Tánh.
- Tâm Tham Sân Si và Tánh Tham Sân Si là Hiệp Thế. Ba La Mật giải quyết Tham Sân Si giúp ta ra khỏi Hiệp Thế. Dùng Ba La Mật để dạy cái Tâm, Tánh.
- Phải hỏi - Muốn giải thoát không? Muốn ra khỏi vòng Hiệp Thế không? Muốn thì Tâm Tánh phải bỏ Tham Sân Si. Đây là Trí Tuệ Ba La Mật.

Suy Ngẫm

- Khi ta có khả năng dạy Tâm và Tánh thì ta không có mặt ở đây. Nếu ta ở đây thì ta không dạy được Tâm Tánh.
- Tâm Tánh không phải của Ta cho nên phải dùng Ba La Mật.
- Đó là thấy được Hiệp Thế Chân Đế → sửa sai lầm của Tục Đế → thì bỏ Phàm thành Thánh.
- Tâm Bất Tương Ứng, Tánh Bất Tương Ứng là hai gánh nặng trong cuộc đời con người này.

Khi ngồi thiền có mấy loại Hành Giả? Có hai loại Hành Giả:

1. Tịnh Quán Trí Giả - Trực diện cái khổ trước trong môi trường cuộc sống.
2. Chỉ Quán Trí Giả - Thấy Vô Thường (rã tan của Danh Sắc) khi hành thiền Quán trong môi trường thiền.

Phải thấy Khổ trước (thật sự Khổ) mới thấy được Vô Thường. Đức Phật nói về Khổ trước. Ta phải Tịnh Quán Trí Giả trước mới thật sự đến và thấy được Chi Quán Trí Giả. Nền tảng của Tịnh Quán Trí Giả là Ba La Mật.

Bất Tương Ứng Duyên có 4 Duyên:

- (1) Câu Sinh Bất Tương Ứng Duyên - Thiện Nghiệp và Bất Thiện Nghiệp sinh ra với ta. Con người ta muôn dạng muôn hình.
- (2) Vật Tiền Sinh Duyên - Khi con người tạo ra tài vật rồi không chịu xa rời thì Khổ. Đây là Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng.
- (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Duyên - Vật tạo ra Cảnh rồi Cảnh bất tương ứng với ta.
- (4) Hậu Sinh Bất Tương Ứng Duyên - Ajattasattu A Xa Thế là Hậu Sinh Bất Tương Ứng với Cha.

Suy Ngẫm

- Ta đang làm việc, tạo mọi việc để Hậu Sinh Bất Tương Ứng đó là do (1) (2) (3) (4). Ta đang cứ mang một khối bất tương ứng trong người của ta (Đất Nước Gió Lửa là một khối bất tương ứng).
- Có cũng khổ - không có cũng khổ. Vậy ta chọn cái khổ nào? Phải ứng dụng Phát Thú!!!

**** Thấy thực tính Pháp nằm trong Bất Tương Ứng để thấy rằng ta còn chưa diệt hết và cần phải tu tập.**

- Ta có tánh Thiện trong lúc ta thực hiện việc Bất Thiện!
- Ta có tánh Bất Thiện trong lúc ta thực hiện việc Thiện!

Ví Dụ Cho ra 5 đồng đến người nghèo để:

- (1) Diệt tính bòn xén! - Tương Ứng.
- (2) Hối tiếc việc đã cho! - Bất Tương Ứng. Hối tiếc là Bất Tương Ứng và Câu Sanh với Bất Tương Ứng mới.
- (3) Tội nghiệp người nghèo! – Tương Ứng. Tội nghiệp người nghèo là Tương Ứng – Tương Ứng có giống nghèo trong ta.

Ví Dụ Tu tập Tâm Từ để:

- (1) Diệt Tâm Sân - Bất Tương Ứng và Tương Ứng.
- (2) Lo sợ Tâm Sân đang có và đã tạo - Bất Tương Ứng.
- (3) Tội nghiệp cho chính mình – Tương Ứng.

Khi ta làm việc Thiện mà có lực cản thì ta biết là mình còn Bất Thiện để diệt trừ.

Ví Dụ Đang làm việc thiện có một lực cản ta cần phải biết.

- (1) Còn phải diệt trừ (cản phải im lặng) / sát trừ phiền não
- (2) Chưa hết trọn vẹn (để được trọn vẹn) / Tâm Đạo
- (3) Đang tu tập (để được viên thành) / Đạo Quả Níp Bàn

Thực tính Pháp nằm trong Bất Tương Ứng Duyên để thấy ta còn chưa diệt hết và cần phải tu tập. Dùng

Tâm Đạo (2) để sát trừ phiền não (1) và Đạo Quả Níp Bàn (3).

Ứng Dụng khi Hành Thiện

Khi ngồi thiền có Sân nổi lên thì phải lấy Tương Ứng đẩy Bất Tương Ứng Duyên chứ không lấy Tâm Thiện đẩy Tâm Bất Thiện. Nếu còn Bất Tương Ứng Duyên thì Tâm Sân sẽ nổi lên hoài! Diệt Bất Tương Ứng Duyên.

Nếu không thấy được Bất Tương Ứng Duyên và Tương Ứng Duyên thì hành thiện chỉ dùng lại Trùng Dụng Duyên lập đi lập lại mà không giải thoát Níp Bàn được.

Suy Ngẫm

*****Cuộc sống là một sự thúc đẩy và trì cản. Phải dùng nó mà nhìn thấy bản chất của Pháp. Có mãnh lực đang không chế phải nhìn thấy được bản chất của thực tính Pháp!****

Ta muốn tu nhưng có:

- Suy nghĩ cản lại – Pháp Bất Tương Ứng hiện bày trong ta
- Hay có một người cản lại
- → Thì nhìn thấy thực tính Pháp như thế nào? Ta gieo giống nào thì bây giờ có quả ấy. Ta có một

Dị Thời Nghiệp đến với ta thì ta phải cần một Câu Snab Nghiệp (Ba La Mật) đến với ta để giải quyết Dị Thời Nghiệp.

Tương Ứng cũng có hai mặt

- Hữu ích - Người giúp ta mà không cần vụ lợi
- Bất lợi - Người giúp ta mà cần vụ lợi

Ví Du Ta có một khối tương ứng và bất tương ứng

Thành Phần	Tương Ứng	Bất Tương Ứng
Đất	Mềm	Cứng
Nước	Chảy ra	Quén Tụ
Lửa	Nóng / Lạnh	Nóng / Lạnh
Gió	Lay động	Căng phồng
Tâm	Thiện - Xả Thí	Bất Thiện - Lận Sắt xen lên

Ghi Nhớ

Có sự đối nghịch trong con người của chúng ta do đó mà có. Do ta đem vào. Nơi nào có là nơi đó đã có hạt giống. Không nuôi dưỡng thì sẽ không sinh ra.

Tương ứng đây → ← Bất tương ứng cần. Trì kéo ở hiện hữu.

21. Hiện Hữu Duyên

Hiện Hữu Duyên hay còn gọi là Hiện Sinh Duyên là những gì đang xảy ra trong hiện tại. Tuổi thọ và Nghiệp lực là hai ví dụ của Hiện Hữu Duyên. Hai Pháp này luôn đẩy (1) và cần (2) với nhau.

(1) → Đẩy

(2) ← Cần

Ví Du

- Muốn có (là Tiền Sinh Duyên): Muốn ngồi thiền
- Đang có (là Hiện Hữu Duyên): Đang ngồi thiền
- Ra đi (là Hậu Sanh Duyên): Nghĩ đến xả thiền/đắc thiền

Khi chúng ta ở trong hiện tại, nghĩ đến Hậu Sinh Duyên là phi thời. Đang ở trong hiện tại chúng ta nghĩ đến quá khứ là phi thời. Vậy là ta không làm việc Hiện Hữu Duyên đúng thời.

- (1) Chuyện quá khứ (Kiến diên đảo) thúc đẩy ta, và chuyện vị lai cản ngăn ta (Kiến diên đảo).
- (2) Chuyện quá khứ đang cản ngăn ta (Tuồng diên đảo), và vị lai đang lôi kéo thúc đẩy ta (Tuồng diên đảo).

Cả hai điều là diên đảo. Phải sống trong hiện tại, phải biết được mãnh lực của Hiện Hữu Duyên, phải biết xử dụng mãnh lực Hiện Hữu Duyên.

Ví Du

Đang trong hiện tại một người giàu có 4 trạng thái:

- (1) Bị không chế
- (2) Bị áp đảo
- (3) Hường lầy
- (4) Đón nhận

Ví Du Con có Cha Mẹ còn đang hiện tiền thì có lợi, bất lợi, vui thích hay bất vui thích?

- (1) Thấy đó là lợi ích
- (2) Thấy đó là bất lợi
- (3) Thấy không thích
- (4) Thấy vui thích hạnh phúc

Do suy nghĩ của người con mà có những điều (1), (2), (3), hay (4) sẽ xảy ra. Nên do thế ta không thể nói một chiều theo tư kiến của chúng ta. Phải nhìn qua Phát Thú!

Ví Du

Phật Tử khi có những điều dưới đây thì có lợi, bất lợi, vui thích, hay bất vui thích?

- (1) Đức Phật còn hiện hữu
- (2) Pháp Bảo
- (3) Đường Tu
- (4) Đường Đạo

Bốn điều trên có thể xảy ra nên phải dùng Phát Thú, dùng thực tính Pháp để thấy rõ vấn đề! Một người Phật Tử do tác động của 3 chiều không gian, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai) và ba lực (đẩy, cản, trì kéo) mà sẽ thấy 4 điều trên là có lợi, bất lợi, vui thích, hay không vui thích. Ví dụ khi một vị Tỷ Kheo mà bị Đức Phật rầy quở vì không giữ giới luật thì có thể không vui thích khi có Đức Phật hiện hữu.

Hiện Hữu Duyên có (6) Duyên gồm 2 Duyên ở Thời Quá Khứ, 3 Duyên ở Thời Hiện Tại, và 1 Duyên ở Thời Vị Lai.

- (1) Vật Tiền Sanh Hiện Hữu – Quá khứ (1)
- (2) Cảnh Tiền Sanh Hiện Hữu - Quá khứ (2)
- (3) Câu Sanh Hiện Hữu - Hiện tại (3)
- (4) Vật Thực Hiện Hữu - Hiện tại (Xúc, Tư, Thực) (4)
- (5) Quyền Hiện Hữu - Hiện tại (5)
- (6) Hậu Sanh Hiện Hữu - Vị lai (6)

Ví Du

Hiện Hữu Duyên		
2 Quá Khứ - (1) (2)	3 Hiện Tại - (3) (4) (5)	1 Vị Lai - (6)
Vì có thân kinh và bị chi phối bởi Cảnh trong quá khứ.	Cho nên con người được hiện hữu.	Để có con người tục sinh trở lại trong vị lai.
	Con người Quyết định để hưởng lấy.	
	Và thọ dụng không ngừng	
Thu thúc 6 Căn để không bị chi phối bởi Cảnh Trần.	→ Do Quyền và Vật Thực Hiện Hữu, chế ngự Tham, Sân, Si.	→ Diệt 10 phần Kiết Sừ

Suy Ngẫm

****Con người là một Pháp, nắm vững thực tính Pháp, sẽ giải bày được mọi Pháp.**

Gambhira!! Thâm Thâm Vi Diệu!

24. Bất Ly Duyên

Ghi Chú

Ở đây Duyên 24 không phải là ghi sai số thứ tự, từ số 21 lại nhảy đến 24. Nhưng tác ý là giữ đúng số thứ tự của Bất Ly duyên (duyên thứ 24) đi theo cặp với Hiện Hữu. Nhưng vì lý do gì mà Đức Phật không sắp Duyên này và Duyên thứ (22) theo thứ tự sau Hiện Hữu Duyên? Bất Ly Duyên là duyên cuối cùng trong 24 Duyên và được trình theo số thứ tự của nó trong bài học này. Tuy là có cùng cấu trúc và là một cặp với Hiện Hữu Duyên nhưng Đức Phật lại sắp duyên này vào hàng cuối cùng sau Vô Hữu và Ly Khứ Duyên để nhấn mạnh tầm quan trọng của sự chấp thủ trong con người.

Nội dung và cấu trúc giống như Hiện Hữu Duyên. Có Hiện Hữu Duyên thì không chia rời ra khỏi Bất Ly Duyên. Từ Hiện Hữu đi đến Bất Ly (không muốn mất đi, xa rời hoặc chia lìa) và từ Bất Ly đi đến muốn hiện hữu. Vì thế hai Duyên này hỗ tương và luôn đi chung với nhau để kéo con người ở lại trong đời và không giải thoát. Hiện Hữu là có vô minh, và Bất Ly là có chấp thủ.

Thực tính Pháp không bị chi phối bởi ba thời và ba lực tác động.

Ví dụ

- Pháp Thiện ở Quá Khứ - Tâm Nhân Thức biết Cảnh Sắc
- Pháp Thiện ở Hiện Tại - Tâm Nhân Thức biết Cảnh Sắc
- Pháp Thiện ở Vị Lai - Tâm Nhân Thức biết Cảnh Sắc

Nhưng người hành thực tính Pháp thay đổi theo ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai) và bị tác động theo ba lực (đẩy, cản, trì kéo). Quả báo của người hành thực tính Pháp sẽ tạo nghiệp lực khác nhau trong 3 thời.

Ví Dụ

Dị Thời Nghiệp khác Dị Thục Quả. Một nghiệp bất thiện cho quả khác nhau trong 3 thời.

Suy Ngẫm

*** Không sợ con người thay đổi, chỉ sợ mãnh lực áp đảo, tác động để làm con người thay đổi.*

Hiện Hữu Duyên là mãnh lực ở hiện tại cũng bị tác động cho nên ở đây cho thấy không có ta - Vô Ngã.

22. Vô Hữu Duyên

Vô Hữu Duyên là mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho Pháp không còn hiện hữu. Vô Hữu là khi đã không còn hiện hữu.

23. Ly Khứ Duyên

Ly Khứ Duyên là mãnh lực giúp đỡ ủng hộ làm thành người đã ra đi, lìa khỏi.

Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có cùng cấu trúc nội dung, và luôn đi chung và hỗ trợ cho nhau. Khi nói đến Vô Hữu Ly Khứ là đã ra đi rồi và còn để lại một cái gì đó.

1. Tử Thần không thấy mà gây ảnh hưởng đến con người.
2. Đức Phật viên tịch Níp Bàn (ra đi không trở lại) gây ảnh hưởng đến con người.

Người không thấy thực tính Pháp của Vô Hữu nơi Đức Phật viên tịch Níp Bàn mà không tu thì sẽ bị khống chế bởi Vô Hữu Duyên của Tử Thần (sinh tử luân hồi).

Hai điều (Vô Hữu Duyên) của Đức Phật để lại cho con người là:

- (1) Giáo Pháp của Đức Phật

(2) *Sự viên tịch của Đức Phật cho ta thấy sự Vô Ngã.* Người không thấy được Vô Hữu Duyên không thấy được Vô Ngã là nô lệ của Từ Thân (sinh tử và sinh tử mãi).

Giáo Pháp của Đức Phật là để lại mãnh lực của Vô Hữu Duyên để cho chúng ta thấy một sự Vô Ngã mà lo tu tập.

Ví Du:

- Tâm Sinh do Hiện Hữu / Bất Ly Duyên
- Tâm Diệt do Vô Hữu / Ly Khứ
- → *Sinh cũng do mãnh lực Duyên. Diệt cũng do mãnh lực Duyên. Không có tôi ta - Vô Ngã!*
- Thân hoại do Hiện Hữu / Bất Ly
- Thân diệt do Vô Hữu / Ly Khứ
- → *Sinh cũng do mãnh lực Duyên. Diệt cũng do mãnh lực Duyên. Không có tôi, ta – Vô Ngã!*

Suy Ngẫm

Hành thiền Vipassana để thấy Pháp sanh diệt hay thấy thực tướng và thực tính Pháp Sanh Diệt!

1. Thấy Pháp sanh diệt là thấy Pháp của Pháp hiện bày (là thuần theo Pháp phổ thông)
2. Thấy thực tướng Pháp sanh diệt là thấy thực tính Pháp. Đây là Phát Thú!

Ví Du Thấy Tâm sanh diệt khi ngồi thiền.

- Theo dõi một dòng tâm thức trong khi ngồi thiền.
- Tâm thiện → Tâm thiện → Tâm sân (bất thiện) → Tâm sân (bất thiện) → Tâm phóng dật (bất thiện) → hoài nghi (bất thiện) → hôn trầm (bất thiện) → chánh niệm (thiện) → chánh niệm (thiện).
- Thấy Pháp sanh diệt từ thiện qua bất thiện và đến thiện, tưởng là có chánh niệm thấy được sự sanh diệt của Tâm. Nhưng nếu chánh niệm thì không để Tâm thiện diệt và sanh Tâm bất thiện!
- Lúc đó hành giả chỉ thấy Pháp sanh diệt mà không thấy được thực tính của Pháp sanh diệt là do sự đẩy của bất thiện, cản trở, trì kéo tác động vào Tâm thiện do nhân Tham và Sân gây ra. Đây là do mãnh lực làm sinh (Hiện Hữu Bất Ly) hay diệt (Vô Hữu Ly Khứ). Đây là Phát Thú!

Thấy Vô Thường là Chỉ Quán Trí Giả. Thấy Khô, Vô Ngã là Tịnh Quán Trí Giả.

Ví Du Thân hoại diệt khi ngồi thiền.

Theo dõi một dòng thay đổi hoại diệt của Thân trong khi ngồi thiền.

Thân êm ái → êm ái → tê cứng (khó chịu) → tê cứng (khó chịu) → đau nhức (khó chịu).

Mãnh lực nào làm hành giả đi từ êm ái đến tê cứng?

Tịnh Quán Trí Giả thấy thực tướng của Khổ → Vô Thường → Vô Ngã.

Chi Quán Trí Giả thấy Vô Thường trước → Khổ → Vô Ngã.

Tịnh Quán Trí Giả thấy Khổ nên hành thiền, tu tập (Chỉ Quán Trí Giả) và thấy được sự Vô Thường. Và chứng ngộ được Vô Ngã.

Đức Phật khi nhìn Pháp, thâm thấu qua Pháp để thấy được thực tính Pháp, và rồi nhìn thấy mọi Pháp theo thực tính Phát Thú!

**** Con người ta nhìn thấy Pháp của ta để rồi nhìn thấy thực tính mọi Pháp!**

ÔN TẬP PHẦN II

Khi nói đến Vô Hữu Ly Khứ là chỉ nói đến sự ra đi chưa nói đến quả gặt hái. Trong kiếp con người chúng ta không ngừng tạo và gặt hái mỗi phút giây.

- Tạo nhiều, trả ít thì còn lo nhiều và luân hồi.
- Tạo ít, trả nhiều thì còn luân hồi Nhân Thiên.
- Không tạo thì là Thánh.
- Trả và cho là bậc Vô Sinh.

Hạnh Phúc Hiệp Thế	Hạnh Phúc Siêu Thế
• Sống có nghề nghiệp	• Có kiến thức Phát Thú
• Có sở hữu	• Biết được thực tính
• Không thiếu nợ	• Có Trí Tuệ Đức Phật
• Không khiên trách	• Giải thoát
	** Đây là con đường tu tập phải đi

Con đường chúng ta đi sẽ được hạnh phúc do biết đón nhận, vận dụng mãnh lực Duyên để làm cho đường đi

ngăn lại và tiến gần đến giải thoát. Cần nên biết tác ý khôn khéo.

- Tác ý khôn khéo vận dụng Trí Tuệ Đức Phật, biết vận dụng mãnh lực Duyên vì Duyên luôn luôn có hai chiều tác động, lợi và bất lợi. Phải biết vận dụng cái lợi của Duyên.
- Vô Hữu Ly Khứ Duyên làm mãnh lực cho học sinh quay lại lớp học để ôn bài, và khai triển thêm bài học vì bài giảng quá vi diệu.

Ghi Nhớ

Học hỏi lấy Trí Tuệ Đức Phật để tu tập giải thoát chứ không phải giữ Trí Tuệ Đức Phật để bám víu và nghĩ là mình có rồi và không lo tu tập giải thoát.

- Khi ta có là ta không chịu rời
- Khi ta không có gì cả thì ta mới buông đi
- Khi nào thấy không có Danh Sắc hiện hữu mới thoát ly được.

Suy Ngẫm

Đến với đời ta có nghiệp và quả. Đứng giữa nghiệp và quả con người phân vân chọn lựa giữa Vô Hữu Ly Khứ hay Hiện Hữu Bất Ly. Chọn Hiện Hữu Bất Ly thì ta có tất cả, để rồi mất tất cả không có gì.

Chọn Vô Hữu Ly Khứ thì không có gì cả để rồi không còn mất gì nữa! Phát Thú!

Khảo đảo, thử thách là Pháp Nghịch theo hai trường hợp:

- Nghịch (đơn tính)
- Nghịch → Thuận (đa tính)

Hỏi: Khi nào hay làm sao biết được khảo đảo, thử thách là đơn tính hay là đa tính?

Trả lời: Là do nhìn vào con người mình là người đơn tính hay là người đa tính.

Người đơn tính thì khi trả hết nghịch thì hết nghịch. Còn người đa tính thì cố gắng chuyển nghịch thành thuận nhưng vì đa tính có thể chưa đến thuận thì đã chết rồi mà còn tạo thêm nghịch vì đa tính.

Khi khảo đảo đến mà là nghiệp quả thì phải rất thận trọng đừng khinh xuất, nghĩ là thử thách. Phải thận trọng để giải quyết cho hết nghiệp mà không tạo thêm nghiệp mới.

Khi khảo đảo là thử thách thì tạo điều kiện để tu tập thêm; hay phải bỏ không cần phải vượt qua.

Cách nhìn khảo đảo là nghiệp quả hay thử thách

- Khi nghiệp quả đến hay trở sanh thì đến và đo theo ta hoài đến khi nào ta trả hay giải quyết nó mới thôi.
- Thử thách chỉ đến vài lần (7 ngày, 7 tháng, hoặc 7 năm sẽ ra đi) và khi ta làm xong thì không còn thử thách nữa.

Nghiệp quả trở sanh hiện bày qua hai trạng thái

- (1) Nghiệp đã vay thì tới, và phải trả (Dị Thời Nghiệp Duyên)
- (2) Với việc trả phải nghĩ không tạo ra nghiệp mới nữa (Câu Sanh Nghiệp Duyên)

Thử thách đến rất éo le và cần quyết lòng vượt qua hay là bỏ qua.

Không cần phải đối diện và quyết lòng vượt qua từng mỗi thử thách, cần phải bỏ qua vì thử thách không đáng để đối diện. ***Nếu là Ba La Mật thì phải quyết lòng vượt qua!***

Đừng dùng Ba La Mật lạc hướng chỉ chú tâm đến thực hiện Ba La Mật của mình không vì thử thách của Ba La Mật khác mà gãy Ba La Mật của mình.

Ghi Nhớ

- *Khảo đảo hay thử thách khác với nghiệp báo, nghiệp quả.*

- *Ba La Mật bỏ qua thì gãy. Không vượt qua thì không đẩy lên.*

Pháp Khoe Khoang

- Thực tính Pháp là Pháp Bất Thiện
- Trí tuệ Đức Phật: Tu là đẩy, khoe là cản con đường tu, trì kéo ta ở lại trong đời.

Chúng ta còn là phàm vi chúng ta là một Pháp, mà không thấy thực tính Pháp theo Trí Tuệ Đức Phật qua sự hành, hoại, diệt, sinh, vô thường tác động bởi không gian ba chiều, ba thời gian và ba lực đẩy, cản, trì kéo.

Ví Dụ Pháp Giới

Thực Tính Pháp là Thiện theo 2 loại

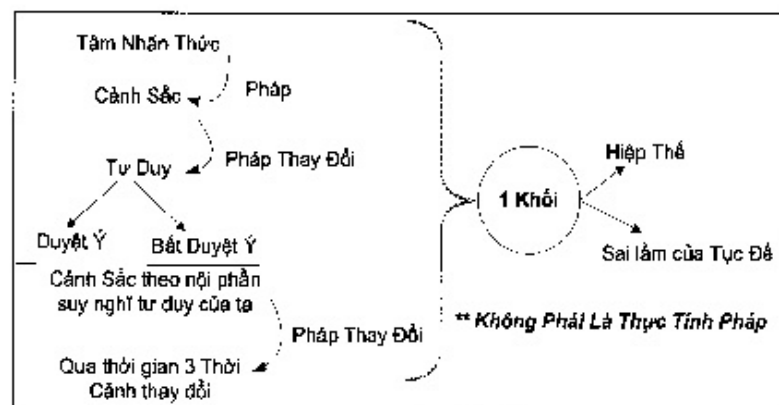
- Thiện - Hữu Lậu: Nhân Thiên
- Thiện Siêu Thế: Giải Thoát

Ví Dụ Sắc

Tâm Nhân Thức tiếp thu Cảnh Sắc là một Pháp. Pháp thì thay đổi nhưng thực tính Pháp thì không thay đổi.

Tư duy Pháp - Tư duy là một Pháp. Tư duy theo Cảnh và duyệt ý hay bất duyệt ý với Cảnh Sắc theo nội phần của ta. Pháp thay đổi.

Thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai thì Pháp thay đổi. Ở đây vẫn chưa nói đến Tâm Nhãn Thức thay đổi. Kết nối hết tất cả lại ta thấy được một khối. Thấy một khối là thấy theo Hiệp Thế. Đó là sai lầm của Tục Đê.



Vì ta thấy tất cả là một khối nên bám giữ và nghĩ là thường cho nên đó là sai lầm của Tục Đê.

**** Giữ Cảnh Sắc là do Quyền Hiện Hữu Duyên. Nếu không muốn giữ thì Vô Hữu Ly Khứ. Thấy thực tính vô thường. Đây là sự thật của thực tính Pháp.**

Ví Du Hành Thiên Quán

- Cần quán sát Danh và Sắc.
- Danh Pháp thì sanh diệt theo thực tính của Danh Pháp
- Sắc Pháp thì hoại diệt theo thực tính của Sắc Pháp.

Khi Sắc Pháp hoại diệt ta không thấy sự hoại diệt của Pháp.

- Nhìn Pháp để thấy thực tính Pháp
- Nhìn thấy thực tính Pháp để thấy sự bất lực của Pháp do bởi Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Với mãnh lực của 2 duyên này, thực tính Pháp hiện bày qua Thiên Quán với Danh, Sắc, Vô Thường và hiệp lực Duyên với Vô Ngã.

Quyền Hiện Hữu Duyên giữ Cảnh Sắc nhưng định luật vô thường sẽ làm cho Cảnh Sắc không tồn tại do Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên. Nhưng ta không sáng suốt cứ bám giữ, không thấy được thực tính vô thường, bám giữ và hình thành bản ngã chứ không thấy vô ngã thực tính!

Làm một việc thiện nào đó (xả thí, trì giới, tu thiền) có được Chư Tăng chứng minh và thọ ký. Nên Chư Tăng chúc phúc và thọ ký thì quả phước báu sẽ đến với người. Khi đó thì Chư Thiên hoan hỷ, gia hộ và giúp đỡ cho người làm phước để được thêm phước báu.

Các Duyên và mãnh lực duyên trong sự chúc phúc của Chư Tăng

- Câu Sanh Trường Duyên - Với việc thiện mình ưa thích
- Nhân Duyên – Nhân tương ưng vô tham, vô sân, vô si
- Hộ Tương Duyên - Với người và Trời
- Tương Ứng Duyên – Có sự tương ưng hỗ trợ của người và Trời
- Vô Gian - Hưởng được phước báu trải dài
- Đẳng Vô Gian – Không dứt
- Trùng Dụng Duyên - Nếu muốn dừng lại thì hưởng tiếp.

Bảng Tóm Lược 24 – 47 Duyên

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
	Duyên	<p>Mãnh lực hay năng lực giúp đỡ, ủng hộ làm duyên cho các Pháp hiện bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Duyên làm phận sự sinh khởi cho các Pháp - Gọi là Duyên Sinh. • Duyên làm phận sự liên hệ các Pháp - Gọi là Duyên Hệ. • Duyên làm phận sự bảo tồn các Pháp - Gọi là Duyên Bảo Tồn. <p>Không phải duyên nào cũng làm hết ba chức năng. Có Duyên làm phận sự liên hệ nhưng không bảo tồn.</p> <p><i>Mọi Pháp sinh khởi và hoại diệt do mãnh lực của Duyên chứ không có một ngã tướng nào cả!</i></p>
1	Nhân Duyên	<p>Mãnh lực hay yếu tố giúp đỡ, ủng hộ các Pháp theo (6) nhân tương ưng là nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si với Pháp Thiện và Pháp Vô Ký; nhân Tham, Sân, Si với Pháp Bất Thiện.</p>

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
2	Cảnh Duyên	Mãnh lực giúp đỡ tác động, ảnh hưởng tâm thức. Có 6 Cảnh (Sắc, thính, khí, vị, xúc, Pháp) tác động tâm nhãn thức, tâm nhị thức, tâm tỷ thức, tâm thân thức và tâm ý thức. Trong 6 Tâm thức thì mỗi tâm thức chịu ảnh hưởng qua hai loại là thực tính duyệt ý, và tư duy duyệt ý.
3	Trưởng Duyên (Có 2 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ để làm trưởng. Mãnh lực của Duyên này là do Tứ Trưởng làm nên. Tứ Trưởng là Dục, Căn, Tâm, Thâm. Theo chiều lợi thì Tứ Trưởng này cùng nghĩa với Tứ Như Ý Túc của 37 Phẩm Trợ Đạo.
	(1) Câu Sanh Trưởng Duyên	Mãnh lực để làm trưởng trong tất cả các Pháp cùng sinh với nhau.
	(2) Cảnh Trưởng Duyên	Mãnh lực giúp đỡ và ủng hộ cho Cảnh thành trưởng.
4	Vô Gian Duyên	Mãnh lực giúp đỡ ủng hộ liên tục không ngừng.
5	Đẳng Vô Gian Duyên	Mãnh lực giúp đỡ ủng hộ liên tục không ngừng và mạnh mẽ hơn. Đức Phật nói đến Duyên này để

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
		nhấn mạnh tâm quan trọng và liên tục không ngừng nghỉ của Tâm Thức hay sự hành, hoại, diệt, sanh.
6	Câu Sanh Duyên	Mãnh lực giúp đỡ ủng hộ cho các Pháp cùng sanh với nhau.
7	Hỗ Tương Duyên	Mãnh lực giúp đỡ ủng hộ hỗ trợ cho các Pháp. Hỗ Tương có nghĩa hẹp nhưng cô động hơn (mạnh hơn) so với Tương Ứng Duyên. Ví Dụ Tương Ứng Duyên như nước cốt dừa và Hỗ Tương như nước cốt dừa đã sánh đặc.
8	Y Chi Duyên (Có 3 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm sự nương nhờ cho các Pháp.
	(1) Câu Sinh Y Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho các Pháp cùng sanh nương nhờ với nhau. Khác với Câu Sanh Duyên là chỉ có cùng sanh mà không có nương nhờ.
	(2) Vật Tiền Sinh Y Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho Vật (thần kinh – Căn) sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Pháp trong hiện tại. Thần kinh Nhãn sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Nhãn thức.
	(3) Vật Cảnh Tiền	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho Vật Cảnh sinh trước làm chỗ nương

	24 - 47 Duyên Sinh Y Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng nhờ cho các Pháp trong hiện tại.
9	Cận Y Duyên (Có 3 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho các Pháp nương nhờ nhưng mạnh hơn và gần hơn.
	(1) Cận Cận Y Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm sự nương nhờ vào Cận mạnh mẽ hơn và gần hơn.
	(2) Vô Gian Cận Y Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm sự nương nhờ liên tục không ngừng.
	(3) Thường Cận Y Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm sự nương nhờ thường xuyên và gần hơn - Thói quen.
10	Tiền Sinh Duyên (Có 2 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho sinh trước.
	(1) Vật Tiền Sinh Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ Danh Pháp sinh trước làm duyên cho các Pháp trong hiện tại. Ví dụ Nhân Căn bắt Cận Sắc sinh trước làm duyên cho Tâm Nhân Thức.
	(2) Cận Tiền Sinh Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho Cận sắc sinh trước làm duyên cho Pháp trong hiện tại.
11	Hậu Sanh Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho Pháp sinh sau.
12	Trùng Dụng	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ lập đi

	24 - 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng lập lại đề hưởng lấy.
13	Nghiệp Duyên (Có 2 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ để tạo tác hành động
	(1) Câu Sanh Nghiệp Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ để hưởng lấy quả báo cùng với hành động tạo tác.
	(2) Dij Thời Nghiệp Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ để hưởng lấy quả báo sai khác thời với hành động tạo tác.
14	Dị Thực Quả Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ quả chín mùi trở sanh sai khác thời với hành động tạo tác.
15	Vật Thực (Có 2 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực làm các Pháp hiện bày.
	(1) Danh Vật Thực	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Danh Vật Thực làm Pháp hiện bày.
	(2) Sắc Vật Thực	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Sắc Vật Thực làm Pháp hiện bày.
16	Quyền Duyên (Có 3 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho làm thành quyền.
	(1) Câu Sanh Quyền Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho Pháp có quyền trong các Pháp cùng sanh. Ví dụ - Người Trưởng

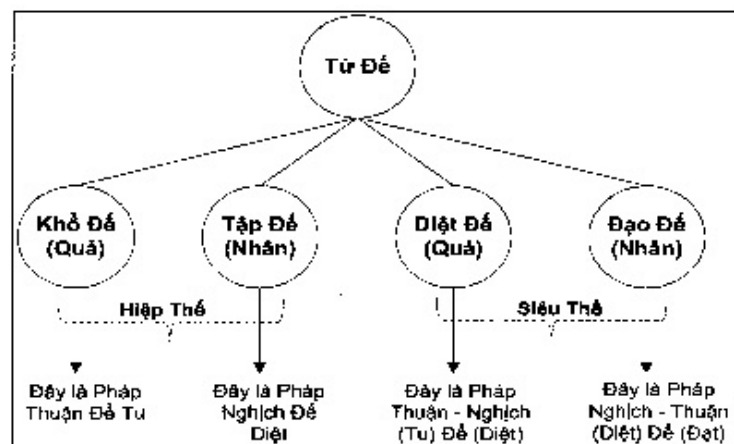
	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
		Lớp có quyền trong các bạn cùng học một lớp.
	(2) Tiên Sanh Quyền Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho Pháp sinh trước làm quyền. Ví dụ - Người anh Cả sinh trước có quyền hơn các em trong gia đình. Điều này xảy ra khi người anh Cả có khả năng.
	(3) Sắc Mạng Quyền Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Sắc Pháp được làm quyền.
17	Thiền Na Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ chú tâm vào đề mục và thiêu đốt Pháp nghịch.
18	Đồ Đạo Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ sự tu tập, hành Đạo.
19	Tương Ứng Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ sự hòa trộn tương ứng. Tương ứng có nghĩa rộng hơn nhưng không mạnh bằng Hồ Tương Duyên. Có Tương Ứng nhưng chưa chắc đã hồ tương. Nhưng có Hồ Tương là có Tương Ứng.
20	Bất Tương Ứng (Có 4 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho không hòa trộn, không kết hợp được.
	(1) Câu	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
	Sanh Bất Tương Ứng	không hòa trộn giữa các Pháp cùng sanh. Ví dụ - Ổ chung với nhau nhưng không nhiễm tánh nhau (Cộng trú bất cộng nghiệp).
	(2) Vật Tiên Sinh Bất Tương Ứng	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ Danh Pháp sinh trước không hòa trộn, bất tương ứng với Pháp sinh trong hiện tại.
	(3) Vật Cảnh Tiên Sinh Bất Tương Ứng Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ Danh Pháp và Sắc Pháp sinh trước không hòa trộn với Pháp ở hiện tại.
	(4) Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ Pháp sinh sau không hòa trộn với Pháp ở hiện tại.
21	Hiện Hữu Duyên (Có 6 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho hiện diện, có mặt. Hiện Hữu và Bất Ly Duyên là một cặp luôn đi chung với nhau. Có hiện hữu thì sẽ bất ly làm cho luân hồi mãi.
	(1) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho các Pháp cùng sanh được hiện diện, có mặt.
	(2) Vật Tiên Sinh Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Danh Pháp sinh trước làm cho Pháp ở hiện tại hiện hữu.

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
	(3) Cảnh Tiên Sinh Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Sắc Pháp sinh trước làm cho Pháp ở hiện tại hiện hữu.
	(4) Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Pháp sinh sau làm duyên cho Pháp ở hiện tại hiện hữu.
	(5) Vật Thực Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho Danh Vật Thực hiện diện có mặt.
	(6) Quyền Hiện Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ cho có quyền hiện hữu.
22	Vô Hữu Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho không có sự hiện diện, xa lìa, rời bỏ.
23	Ly Khứ Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho xa lìa rời bỏ. Ly Khứ và Vô Hữu là một cặp luôn đi chung với nhau. Có Vô Hữu là có Ly Khứ.
24	Bất Ly Duyên (Có 6 Duyên)	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho không rời bỏ, xa lìa. Bất Ly luôn đi chung với Hiện Hữu. Có hiện hữu là có Bất Ly làm cho luân hồi mãi.
	(1) Câu Sanh Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm cho các Pháp cùng sanh với nhau không rời bỏ, xa lìa.

	24 – 47 Duyên	Định Nghĩa hay Chức Năng
	(2) Vật Tiên Sinh Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Danh Pháp sinh trước làm cho Pháp hiện tại không xa lìa.
	(3) Cảnh Tiên Sinh Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Sắc Pháp sinh trước làm cho các Pháp trong hiện tại không xa lìa, rời bỏ.
	(4) Hậu Sanh Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Pháp sinh sau làm duyên cho Pháp ở hiện tại không xa lìa, rời bỏ.
	(5) Vật Thực Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ của Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực làm cho không xa lìa, rời bỏ.
	(6) Quyền Bất Ly Duyên	Mãnh lực giúp đỡ, ủng hộ làm quyền cho không xa lìa, rời bỏ.

VẬN DỤNG DUYÊN VÀO TỬ ĐẾ



- (1) **Khổ:** Là Thuận. Vì thấy khổ nên tu cho nên Khổ là thuận duyên cho ta tu tập.
- (2) **Tập:** Là Nghịch. Vì trên con đường tu tập ta phải diệt các Pháp Nghịch. Trên con đường tu tập để diệt những thói quen tật xấu, và những nhân bất thiện. Tập là để diệt cho nên thường gặp những Nghịch Duyên chướng ngại.
- (3) **Diệt:** Là Thuận - Nghịch. Thuận là sự tu tập để mà diệt những Pháp Nghịch. Pháp này là Pháp đa tính.

- (4) **Đạo:** Là Nghịch - Thuận. Nghịch là vì phải diệt trừ để đạt đến Đạo Quả (Thuận). Khi đạt Đạo Quả rồi thì là Thuận.

1. Khổ Đế

- Sinh, lão, bệnh, chết
- Ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ thủ uẩn

Cái Khổ người thường không thấy đó là khổ, nhưng mà là khổ cho người tu. Sinh, lão chỉ là 32 thể trước, hay ái dục mà ta không thấy.

Khổ do 23 Duyên (trừ Thiên Na Duyên). Thấy được khổ thì ta là Tịnh Quán Trí Giả, Bạc Trí Giả nhìn thấy thế gian này là khổ, ở trong khổ, bị sự khổ không chế. Thấy sự khổ là thuận duyên để tu tập. Trùng Dụng Duyên làm ta khổ đi, khổ lại không ngừng.

Suy Ngẫm

- *Ta không thấy ta đang vui trên chúng sanh của mình đang đau khổ!*

Ghi Nhớ

Khi ta không giúp được cho chúng sanh thì không can thiệp đến nghiệp của chúng sanh. Khi ấy ta

không nên nhìn, thấy, nghe để suy nghĩ và tạo nghiệp tội đến cho mình.

Ví Dụ Khi có một con Trăn bị nhốt trong một cái lồng và có người rử mình đi xem thì mình không nên đi và không nên hoan hỷ vì sẽ tạo nghiệp cho mình. Nếu không giúp được chúng sanh đó thoát khỏi sự cầm nhốt trong lồng thì không nên nhìn, thấy, hay hoan hỷ, hay suy nghĩ đến để đồng cộng nghiệp với người.

2. Tập Đế

Do ái dục của mãnh lực Vô Gian Cận Y, Thường Cận Y, và Dị Thời Nghiệp làm mãnh lực cho các duyên kia làm cho con người khổ. Ái dục là do Cận Y Duyên nên sinh khổ đau.

- Do ở gần, thân cận nên sinh ái dục
- Ở gần sinh nhiệt, sinh tình cảm
- Cách xa thì biệt ly khổ

Nên muốn xóa ái dục phải coi cái Tâm ta. Tâm phối hợp với Tâm Sở Tham thành Tâm Tham. Tâm còn tham thì còn ái dục. Tham tình cảm, tham thân. Còn Tâm tham là còn Khổ Đế.

Ăn không nên tham, mặc không nên tham, không cần thiết thì không nên tham để diệt tâm tham và xa lìa ái dục.

Tâm tham đối với (6) Cảnh (Sắc, thanh, khí, vị, xúc, Pháp). Vô Gian Cận Y, Thường Cận Y, và Dị Thời Nghiệp là Tập Đế tạo ra 23 duyên kia để thọ khổ. Thường Cận Y và Dị Thời Nghiệp tạo thói quen cho ta và ta sống trong thói quen đó. “Trước ta tạo thói quen sau thói quen tạo ta”. Đó là Tập Đế để tạo Khổ Đế.

Suy Nghĩ

- (1) Người hiền của dữ: Người không bị cám dỗ, cảnh cám dỗ người
- (2) Cửa hiền người dữ: Cảnh không cám dỗ, người đi cám dỗ Cảnh
- (3) Tất cả điều là Tập Đế, không nên rơi vào (1) hoặc (2)

Thấy Hiệp Thế (Chân Đế = một sự thật ở trong đời này) để thấy sai lầm của Tục Đế để mà bỏ Phàm thành Thánh.

Suy Ngẫm

- (1) Sợ Khổ Đế hay sợ Tập Đế?
- (2) Sợ Tập Đế (cái nhân sinh ra khổ)

- (3) Ở đâu mà có Tập Đề?
- (4) Do Phát Thú (thực tính Pháp do mãnh lực duyên của 2 Quả Khứ Duyên (Vật Tiền Sinh Hiện Hữu, Cảnh Tiền Sanh Hiện Hữu), 3 Hiện Tại Duyên (Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên, Quyền Hiện Hữu Duyên), và 1 Vị Lai Duyên (Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên). Không có ta trong đó. Mãnh lực duyên của 2 Quả Khứ, 3 Hiện Tại, và 1 Vị Lai là Hiệp Thế Chân Đế cho ta thấy cái sai lầm của Tục Đế là có cái tôi/ta trong đó.

Suy Ngẫm

- (1) Bạn có tham không?
- (2) Có tham
- (3) Do đâu bạn có tham?
- (4) Tất cả nằm trong mãnh lực áp đảo của Duyên. Tất cả là do mãnh lực duyên áp đảo, khống chế, chinh phục ta. Hay ta dùng mãnh lực Duyên để thấy thực tính Pháp Tham đang hiện bày!

Nghi Nhớ

**** Trong cuộc sống hằng ngày luôn cần tìm thấy thực tính Pháp không cần tìm thấy Pháp.**

Ví Dụ Pháp đắc đạo Quả làm cho có người đắc đạo, đắc quả!

- (1) Có Pháp hiện bày
- (2) Thấy thực tính Pháp của Pháp đang hiện bày
- (3) Thấy được Pháp - Nếu có Pháp đắc Đạo Quả thì có con người đắc Đạo Quả!

- Hỏi: Nhân nào hay yếu tố nào hiện bày mãnh lực Duyên?
- Trả Lời: Hiệp Lực Duyên làm yếu tố hiện bày mãnh lực Duyên (Vô Ngã!). Chớ nên khinh xuất không được phóng đạt.

3. Diệt Đế

Trong khi hành đạo chúng ta đang tu tập do bởi một hiệp lực duyên. Khi hành đạo chúng ta biết được một hiệp lực duyên Thuận để tu tập và diệt mất một hiệp lực duyên Nghịch. Pháp này là Pháp Thuận - Nghịch (đa tính). Vì là đa tính nên đa Duyên (nhiều nhiều hiệp lực) và khó bề. Cho nên số người đắc đạo quả như sừng bò (ít), số người luân hồi như lông bò (nhiều).

Nếu ta là đơn tính thì ta chỉ lo diệt tất. Nếu ta là đa tính thì cần phải lo tu và để diệt. Thực tập đơn tính để có đơn tính. Đa tính gặt hái khó khăn và khó tu tập.

Ví Dụ Giống như người Ba Phải, thì phải qua 3 cửa ải:

- (1) Cửa ải của người
- (2) Cửa ải của ta
- (3) Cửa ải hành đạo

Người đơn tính là người chỉ nghĩ đến hành đạo để giải thoát.

Ghi Nhớ

**** Nhìn Pháp phải nghĩ đến ta. Ta là hiện bày của một Pháp. Thấy thực tính Pháp với Trí Tuệ Đức Phật mà giải quyết Pháp của ta! Phát Thú!**

Người Đơn Tính	Người Đa Tính
Thuận (Tu)	Thuận (Tu)
Nghịch (Diệt)	Nghịch (Diệt)
Nghịch (Diệt)	Thuận - Nghịch (Tu - Diệt)
Thuận (Đạt)	Nghịch Thuận (Diệt - Đạt)

Khi nào muốn có Hồ Tương Ứng Duyên để làm việc thiện thì cần phải có hạt giống thiện (1 việc làm thiện).

Ai thúc đẩy tôi làm việc thiện này? Do Nhân Thiện, mãnh lực Thiện, Hiệp lực Thiện thúc đẩy tôi làm việc thiện này.

Suy Ngâm Học Phát Thú

- (1) Để mà biết cái “Có” để mà “Có” với mãnh lực hợp tác
- (2) Và để biết “Có” và “Không Có” do bởi yếu tố hình thành việc Có và Không Có
- (3) Để rồi không còn có lý do để có **Đổ Thừa!**

Muốn làm một việc Thiện cần

- (1) Phải có nhân tố thiện (hạt giống)
 - (2) Có mãnh lực thiện
 - (3) Có thời gian tạo tác thiện (gico hạt giống)
- ➔ hiện bày một việc thiện - Pháp Thiện là thực tính Pháp do bởi Trí Tuệ Đức Phật chi bày, đó là một Phát Thú (không có tôi/ta – Vô Ngã).

Muốn hành Đạo - Thiên cần

- (1) Có nhân tố Đạo Quả / Đắc Thiên Định
- (2) Có mãnh lực Đạo Quả / Đắc Thiên
- (3) Có thời gian tạo tác Đạo Quả / Đắc Thiên

→ Hiện bày một việc Đắc Đạo / Đắc Thiên

Khi hành động với người không hiểu biết, bị tác động bởi những yếu tố:

- (1) Nhân tố (hạt giống)
- (2) Mạnh lực thúc đẩy hành động (Duyên) thì con người hình thành một hành động / việc làm và nghĩ rằng:
 - a. Nếu họ thành công sẽ thấy rằng chính họ là một Đại Ngã.
 - b. Nếu họ thất bại sẽ đổ thừa cho một Đại Ngã (Vô Hình) không giúp cái Tiểu Ngã của họ - Khi đó họ không thấy Phát Thủ / Không thấy Vô Ngã.

Ghi Nhớ Trong đời sống có 3 điều cần phải biết

- (1) Có mãnh lực (Duyên) tác động
- (2) Đúng là Pháp hay thực tính Pháp mới thực hiện
- (3) Dùng Trí Tuệ Đức Phật để giải quyết mọi Pháp

Ví Du Muốn thực hiện việc Xả Thí

Muốn thực hiện Pháp Xả Thí	
(1) Mạnh lực duyên nào mà	Do Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Cảnh Trường Duyên, Câu Sanh

chúng ta muốn thực hiện việc xả thí này?	Trường Duyên, Câu Sanh Duyên, Câu Sanh Y Duyên, Hồ Tương Duyên, Tương Ứng Duyên. Việc Xả Thí bị nghịch duyên do vụng đường tu (Tập Đố) diệt chưa hết, chưa xong.
Tại sao việc Xả Thí bị nghịch duyên?	Thiếu nhân tố, thiếu mãnh lực, thời gian tạo tác chưa đến. Vụng đường tu, không chánh niệm để phóng dật xảy ra. Việc tu chúng ta chưa thành, việc diệt chúng ta chưa xong nên có nghịch duyên. **Đổ thừa là một cái nghiệp
(2) Thực tính Pháp của mãnh lực việc Xả Thí này là cái chi?	Là Thiện Pháp. Do hiệp lực thiện duyên làm nên một việc xả thí. Thiện Pháp này đang làm với một hiệp lực thiện duyên để việc tu tập đang thuận (nếu là thuận duyên). Nếu đang là nghịch (nghịch duyên) do bởi đường tu tập chưa đủ, chưa tròn, chưa

	thành.
(3) Dùng Trí Tuệ Đức Phật để giải quyết cho việc Xả Thí	<p>Dùng không gian ba chiều, ba thời gian (quá khứ, hiện tại, vị lai), và ba lực tác động (Đẩy, Cản, Trì Kéo) để thấy thực tính Pháp đang hiện bày và Vô Ngã.</p> <p>Thuận duyên là một lực đẩy</p> <p>Nghịch duyên là một lực cản</p> <p>Trì kéo ta ở lại</p> <p>→ Nên gắng công tu.</p>

Ghi Nhớ

**** Khi ta nói ra điều chi thì ta có một hột giống nảy mầm.**

**** Đồ thừa là một cái nghiệp.**

PHẦN III

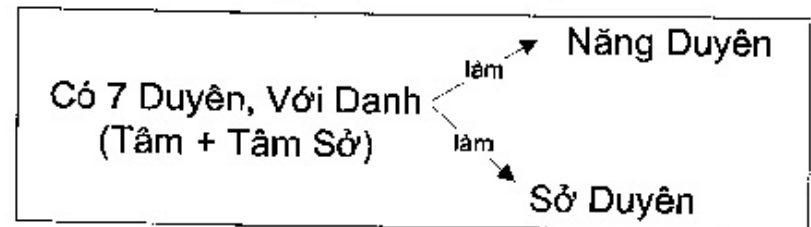
GIỚI THIỆU PHÁP NĂNG DUYÊN VÀ PHÁP SỞ DUYÊN

GIỚI THIỆU PHÁP NĂNG DUYÊN PHÁP SỞ DUYÊN TRONG 24 DUYÊN

Có tất cả (8) Pháp Năng Duyên và Sở Duyên được trình bày như sau.

1. Danh Làm Năng Duyên – Danh Làm Sở Duyên

Có (7) Duyên phối hợp với Danh (Tâm phối hợp Tâm Sở) làm Pháp Năng Duyên và Sở Duyên.



- (1) Vô Giác Duyên là mãnh lực giúp đỡ ủng hộ làm cho không gián đoạn
- (2) Đăng Vô Giác Duyên là mãnh lực giúp đỡ làm cho liên tục không gián đoạn một cách mạnh mẽ.
- (3) Vô Giác Cận Y Duyên là mãnh lực nương nhờ không gián đoạn
- (4) Trùng Dụng Duyên là mãnh lực giúp đỡ làm cho hưởng cảnh lập đi lập lại nhiều lần.

- (5) Tương Ứng Duyên
- (6) Vô Hữu Duyên
- (7) Ly Khứ Duyên

Bây duyên này là mãnh lực của Danh Pháp (Tâm + Tâm Sở) không có Sắc Pháp. Đời sống của ta lập đi lập lại trong nhiều kiếp, hay tạo nghiệp là do Danh. Khi ra đi ta cũng đi với Danh chứ không phải Sắc.

Bốn bước đi khi cận tử lâm chung – 7 ngày trước khi chết:

- (1) Khi cận tử, tâm quyết định mạnh về cái gì thì sẽ đi đến cái đó. Nếu Tâm muốn tục sanh và nghĩ ta phải đi! Đi để trở thành một người nữ hay người nam, giàu sang thì Tâm sẽ dẫn đi tái tục.
- (2) Nhưng nếu người cận tử nghĩ rằng thật là đáng chán, kiếp người cứ lập đi, lập lại. Người cận tử dùng Văn, Tư, Tu tuệ khởi sinh và thấy được Vô Thường, Khổ, Vô Ngã. Người mạnh về Vô Thường thì thấy được vô thường qua xác thân đang hoại diệt. Người mạnh về Khổ thì thấy được sự Khổ đau của xác thân và tinh thần. Cả hai thúc đẩy họ đến với Tam Bảo – và người Cận Tử được đến nơi lành, cho nên Thú Tướng và Nghiệp Tướng không hiện bày. Nếu không có Văn, Tư, Tu sẽ không thấy được ngôi nhà Tam Bảo.

- (3) Nhìn thấy và quán tưởng mạnh về Vô Thường, Khổ, Vô Ngã qua sự bệnh hoạn và hoại diệt của xác thân, người cận tử ngay giây phút ấy quán tưởng mạnh và thấu rõ đặc tính của Vô Thường, Khổ, Vô Ngã thì sẽ đạt Quả Vị (Sơ Đạo, Sơ Quả).
- (4) Nếu trong khi cận tử mà thực hành Thiền Quán, quán thấy rõ Vô Thường, Khổ, Vô Ngã một cách mãnh liệt trong giây phút cuối của cuộc sống thì sẽ đạt Đạo Quả cao hơn Sơ Đạo, Sơ Quả.

Do sự tu tập, tư duy và quán xét về Khổ, thấy được thực tính của luật Vô Thường và Vô Ngã trong cuộc sống hàng ngày, người Cận Tử hiểu được định luật Vô Thường, sự Khổ, và Vô Ngã. Và nếu được sáng suốt trong lúc cận tử thì sẽ chọn bước thứ (3) hoặc (4) để không có Tâm tái tục. Do sự tu tập người Cận Tử phải vượt qua và thấy được mãnh lực của Vô Hữu / Ly Khứ Duyên. Qua đó biết dùng sự hỗ trợ của Vô Hữu / Ly Khứ Duyên để vượt ra khỏi sự bám víu, cô chấp do mãnh lực của Hiện Hữu / Bất Ly – vì thế được giải thoát. Người trong trạng thái mê man (Coma) thì cần có Hồ Tương, Tương Ứng, và Câu Sanh Nghiệp Duyên để trợ lực cho họ thấy được tướng Vô Thường, Khổ, và Vô Ngã để giúp đỡ thấy được và vượt qua.

Ghi Nhớ

**** Phải thấy mãnh lực của Vô Hữu / Ly Khứ để không bám víu vào hiện hữu – buông bỏ để ra đi giải thoát.**

**** Chỉ trong Danh Pháp làm Năng Duyên và Danh Pháp làm Sở Duyên mới có Vô Hữu/ Ly Khứ Duyên giúp đỡ sự giải thoát. Cho nên Danh Pháp quan trọng.**

2. Danh Làm Năng Duyên - Sắc Làm Sở Duyên

Có (4) duyên, với Danh làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên. Sắc ở đây chưa hình thành một con người.

- Hậu Sanh Duyên
- Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên
- Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên
- Hậu Sanh Bất Ly Duyên

Tâm quyết định, nếu muốn có một sắc thân sau, thì sẽ có sắc theo mãnh lực Hậu Sanh Duyên. Đây là ví dụ của Tâm tục sinh trong bước (1) và (2) trong (4) bước của người cận tử. Đã trình bày ở phần trên.

(1) Khi cận tử, tâm quyết định mạnh về cái gì thì sẽ đi đến cái đó. Nếu Tâm muốn tục sanh và nghĩ ta phải đi! Đi để trở thành một người nữ hay người nam, giàu sang thì Tâm sẽ dẫn đi tái tục.

(2) Nhưng nếu người cận tử nghĩ rằng thật là đáng chán, kiếp người cứ lập đi, lập lại. Người cận tử dùng Văn, Tư, Tu tuệ khởi sinh và thấy được Vô Thường, Khổ, Vô Ngã. Người mạnh về Vô Thường thì thấy được vô thường qua xác thân đang hoại diệt. Người mạnh về Khổ thì thấy được sự Khổ. Cả hai thúc đẩy họ đến với Tam Bảo - được đến nơi lành, cho nên Thú Tướng và Nghiệp Tướng không hiện bày. Nếu không có Văn, Tư, Tu sẽ không thấy được ngôi nhà Tam Bảo.

3. Danh Làm Năng Duyên – Danh Sắc Làm Sở Duyên

Có (9) Duyên, với Danh làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên. Danh quyết định để hình thành ra một con người (Danh Sắc). (9) Duyên là Nhân Duyên, Câu Sanh Trưởng Duyên, Câu Sanh Nghiệp, Di Thời Nghiệp, Di Thực Quả, Danh Vật Thực, Câu Sanh Quyền, Thiên Na Duyên, và Đồ Đạo Duyên.

(1) Nhân Duyên

- a. Nhân Thiện sẽ sinh Danh Sắc Thiện (Tâm Thiện và Sắc Thiện).
- b. Nhân Bất Thiện sẽ sinh Danh Sắc Bất Thiện.

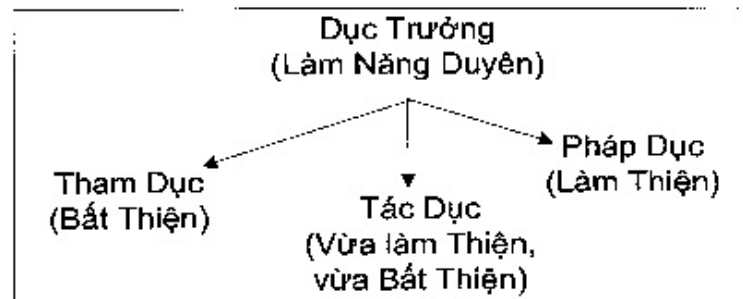
Ví Du

- Tâm 1 là Sân thì Tâm 2 là Sân và sẽ có Sắc xấu.
- Tâm 1 là Thiện thì Tâm 2 là Thiện và sẽ có Sắc tốt.

(2) Câu Sanh Trường Duyên - Với Danh làm Năng Duyên. Vừa có thiện vừa có bất thiện

- Dục
- Cần
- Tâm
- Thẩm

Với Dục Trường làm Năng Duyên:



Với Cần Trường làm Năng Duyên:

- Chánh Cần → làm thiện
- Tà Cần → làm bất thiện

Với Tâm Trường làm Năng Duyên:

- Tâm bất thiện → làm việc bất thiện
- Tâm thiện → làm việc thiện

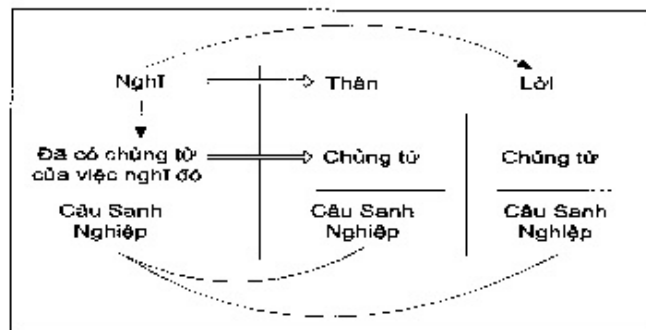
Với Thẩm làm Năng Duyên - Thẩm đoán, trí tuệ → chỉ có thiện.

(3) Câu Sanh Nghiệp - Mạnh lực tạo tác ra hành động (nghiệp) cùng một lúc với Danh Pháp. Tâm nghĩ thế nào thì hiện bày nghiệp cùng lúc đó. Có 3 loại Câu Sanh Nghiệp

- Thân nghiệp: Có làm nghiệp thiện và bất thiện
- Lời nghiệp: Có làm nghiệp thiện và bất thiện
- Ý: Có làm nghiệp thiện và bất thiện

Ghi Nhớ

- Tâm thiện thì Thân tạo tác thiện
- Tâm bất thiện thì Thân tạo tác bất thiện do Câu Sanh Nghiệp Duyên



**** Tu tập bằng cách tạo chủng tử thiện (gieo hạt giống thiện – suy nghĩ thiện và tác ý khôn khéo) tạo hai lần Câu Sanh Nghiệp thiện.**

- Chủng tử thiện đưa đến Hiệp Thế (Nhân / Thiên) và Siêu Thế (Níp Bàn).
- Chủng tử bất thiện đưa đến bốn đường ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, Atula, súc sanh).

Ghi Nhớ

**** Cái gì mà nghĩ có thì sẽ có → đó là do Dị Thời Nghiệp.**

- Hỏi: Tạo sao khi ta nghe đến 4 đường ác đạo, ta lo?
- Trả Lời: Có hai hạng người sợ lo trong cảnh khổ.

(1) Người vừa mới thoát khổ.

(2) Người ở nơi an vui, hạnh phúc chưa từng thấy cảnh khổ.

Chúng sanh ở thế gian này dễ đuối hơn ở cõi khác, và chúng sanh ở thế gian này cũng tu tập nhiều hơn ở cõi khác.

Ghi Nhớ

**** Người tu tập biết tư duy, thay đổi, không lo sợ Cảnh khổ để chuyển hóa Dị Thời Nghiệp. Còn Dị Thời Nghiệp của Cảnh Khổ thì sẽ còn sự lo sợ. Như vậy ta sẽ mất Câu Sanh Nghiệp trong thời gian hiện tại. Có đối đãi lo sợ Dị Thời Nghiệp thì sẽ chịu Dị Thực Quả. Vì suy nghĩ rằng Ta có Danh Vật thực để ăn, có quyền ăn, cho nên khi đó mãnh lực của Thiển Na dẫn đi sai đường.**

Danh muốn cái gì thì Danh Sắc hiện bày như thế là do (9) mãnh lực duyên này đẩy ta đi theo như sự muốn của Danh.

- Người đang tạo → tạo nghiệp
 - Người vui theo → cộng nghiệp
- } → Cả hai theo mãnh lực của Hiệp Lực, hay Tấu Hợp Duyên.

Còn tư duy về việc bất thiện là còn Di Thời Nghiệp của bất thiện. Khi đó còn Danh Vật Thực Duyên thúc đẩy để dùng Danh Vật Thực do quyền thúc đẩy của Câu Sanh Quyền. Qua đó Thiên Na và Đố Đạo Duyên đi sai đường.

Ghi Nhớ

**** Phải thay đổi tư duy, chuyển hóa tư duy để chuyển bất thiện thành thiện và để diệt mãnh lực Di Thời Nghiệp. Và để hưởng Câu Sanh Duyên trong thời gian hiện tại qua việc làm thiện.**

4. Sắc Làm Năng Duyên - Sắc Làm Sở Duyên

Có (6) Duyên, với Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.

(1) Sắc Vật Thực, (2) Sắc Mạng Quyền, (3) Vật Thực Hiện Hữu, (4) Quyền Hiện Hữu, (5) Vật Thực Bất Ly, (6) Quyền Bất Ly.

- Danh tạo ra Sắc do mãnh lực Hậu Sanh Duyên (4 Duyên)
- Danh tạo ra Danh Sắc có (9) Duyên
- Sắc hiện bày ra Sắc có (6) Duyên do mãnh lực của Vật Thực và Mạng Quyền Duyên.

Ví Du Một người Nữ muốn trở thành một người Nam.

- Do ý nghĩ (Danh) người nữ muốn thành người nam (Danh = Nam, Sắc = Nam).
- Danh này phải do Thọ Tướng Hành Thức (Nam) do Danh Vật Thực (Suy nghĩ, tư duy như người nam)
- Phải do Sắc Vật Thực và Sắc Mạng Quyền tác tạo.

Ví Du Bò Phàm → thành Thánh

(1) Danh Phàm → Danh Thánh. Muốn và có ý nghĩ (Danh) Thánh thì chuyển Danh Phàm qua Danh Thánh do xử dụng mãnh lực của (7) Duyên với Danh làm Năng Duyên, và Danh làm Sở Duyên.

(2) Danh Phàm → Sắc Thánh. Danh tạo Sắc và Sắc hiện bày bởi Danh. Tâm hướng về Thánh Nhân, tạo ra (uốn nắn) Sắc Pháp hình thành Sắc của Bạc Thánh. Sắc là yếu tố phụ ảnh hưởng tới Danh. Danh là chủ vị hình thành Pháp theo ý muốn. Xử dụng (4) Duyên của nhóm Danh làm Năng Duyên, và Sắc làm Sở Duyên.

- Thực Hành: Uốn nắn cách đi, đứng, nằm, ngồi, sắc diện, và ăn nói theo sự ảnh hưởng của Tâm hướng thành Bạc Thánh.

(3) Danh Phàm → Danh Thánh Sắc Thánh. Tâm quyết chí thành Bạc Thánh, luôn luôn tâm niệm (chánh niệm) hướng Vô Gian Duyên vào đề mục của Bạc Thánh Nhân vào sự chánh niệm đó. Uốn nắn Sắc Pháp theo sự sắp bày của Tâm Pháp (giống như trong phần (2))

- Hành thiền, hành đạo. Tâm uốn nắn mọi oai nghi, sinh hoạt (Danh/Sắc) trong khuôn khổ của Danh Pháp như Thiền Na Duyên mãnh lực làm hành thiền. Sắc Pháp hiện bày theo hành thiền, hành đạo. Sắc Pháp hiện bày theo Danh Pháp bởi Đồ Đạo Duyên. Xử dụng mãnh lực của (9) Duyên với Danh làm Năng Duyên, và Danh Sắc làm Sở Duyên.

(4) Sắc Phàm → Sắc Thánh. Sắc tạo Sắc. Bỏ Sắc Phàm thành Sắc Thánh do xử dụng (6) Duyên của nhóm Sắc làm Năng Duyên, và Sắc làm Sở Duyên.

- Mọi sinh hoạt của sự nuôi dưỡng Sắc phàm được uốn nắn theo Sắc muốn hiện bày Thánh Nhân.
 - Sắc tạo Sắc dùng Sắc Vật Thực và Sắc Mạng Quyền Duyên. Dùng Sắc Vật Thực làm mãnh lực trợ giúp Sắc Mạng Quyền để hành Đạo. Nuôi dưỡng Sắc Mạng (Thánh) Quyền

được tồn tại do bởi quyền hiện hữu để hành Đạo. Dùng quyền hiện hữu duyên để trợ giúp quyền Bất Ly duyên cho Sắc Mạng Quyền còn tiếp tục tồn tại để hành đạo thành Bạc Thánh Nhân.

Bạc Thánh có những trạng thái sau:

- Thân không hiện bày Tham, Sân, Si
- Lời nói không hiện bày Tham, Sân, Si
- Ý nghĩ không hiện bày Tham, Sân Si.

5. Sắc Làm Năng Duyên – Danh Làm Sở Duyên

Có (11) Duyên, với Sắc làm Năng Duyên, và Danh làm Sở Duyên.

- Sắc làm Năng Duyên – làm nhân
- Danh làm Sở Duyên – làm thành quả

Ví Du

- Tôi xả thí – Năng duyên
- Tôi hưởng phước - Sở duyên

(1) Vật Tiền Sanh Y Duyên, (2) Vật Cảnh Tiền Sanh Y Duyên, (3) Vật Tiền Sanh Duyên, (4) Cảnh Tiền Sanh Duyên, (5) Tiền Sanh Quyền Duyên, (6) Vật

Tiền Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (7) Vật Cảnh
Tiền Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (8) Vật Tiền
Sanh Hiện Hữu Duyên, (9) Cảnh Tiền Sanh Hiện
Hữu Duyên, (10) Vật Tiền Sanh Bất Ly Duyên,
(11) Cảnh Tiền Sanh Bất Ly Duyên.

- **Vật:** Là thần kinh của Tâm Thức nương nhờ. Ví Dụ Sắc Ý Vật (Trái tim) là chỗ nương nhờ của Tâm Ý Thức.
- **Cảnh:** Là đối tượng của Tâm Thức.

Tứ Nhân sinh Tâm – 4 yếu tố tạo điều kiện để Tâm sinh ra.

- (1) Nghiệp quá khứ
- (2) Tâm và Tâm Sở
- (3) Cảnh (Cảnh Sắc hay Cảnh Pháp)
- (4) Cảnh/Vật/Thần kinh

(1) Vật Tiền Sinh Y: Thần kinh sinh khởi trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Thức.

Ví Du

Hỏi: Tạo sao bạn thấy được Cảnh Sắc?

Trả Lời: Do 4 yếu tố - Tứ nhân sinh Tâm Nhãn Thức.

- Cảnh sắc

- Thần kinh Nhãn
- Ánh sáng (Nghiệp quá khứ)
- Tác ý nhìn (Tâm sở)

Ở đây không có tôi ta trong đó - Cảnh Sắc không phải tôi, Thần Kinh không phải tôi, ánh sáng và tác ý không phải tôi. Tất cả điều là mãnh lực của Vật Tiền Sinh Y Duyên tác động nhưng người ta quen nói là tôi nhìn thấy Cảnh này, hay Cảnh kia – **và tạo thành một bản ngã!**

(2) Vật Cảnh Tiền Sinh Y: Thần kinh (Vật) và Cảnh sinh khởi trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Thức.

(3) Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng: Thần kinh sinh lên trước tạo Danh và Sắc hiện bày nhưng Danh và Sắc không hòa trộn, hòa chung nên là Bất Tương Ứng. Bất Tương Ứng là không hòa trộn, hòa chung với nhau được.

Ví Du Danh và Sắc

Danh và Sắc có thể ở chung trong con người, nhưng Danh và Sắc không hòa trộn, không làm việc chung.

- Tâm (Danh) + Tâm Sở = Tương ưng vì kết hợp thành một khối được
- Sắc Tứ Đại + Sắc Y Sinh = Tương ưng vì kết hợp thành một khối được

- → Nhưng không có Tâm kết chung, hòa trộn với Sắc. Danh và Sắc ở chung với nhau trong con người nhưng không hòa hợp, hòa trộn.

Ví Du Có trường hợp nào mà Sắc làm mà Tâm không làm?

- Anahàm hay Alabán nhập Thiên Diệt thì Sắc Pháp ngồi nhưng Tâm không sanh.

Danh điều khiển, Sắc thực hành và hiện bày chứ Danh và Sắc không hòa hợp thành một khối. Khi nằm nghỉ ngơi thì Sắc không hoạt động như Danh vẫn hoạt động suy nghĩ.

Ghi Nhớ

- *Mỗi Pháp điều có duyên sinh và duyên hệ. Không có gì mà tự nhiên, mọi việc điều có mãnh lực và duyên tạo tác. Và đó cũng là Vô Ngã!*

Có khi mình tìm không ra mãnh lực, hay không muốn tìm ra mãnh lực tác động, và rồi cho là tự nhiên, không ngờ, hay ngẫu nhiên. Các mãnh lực tác động là do mãnh lực Xuất Sinh, Liên Hệ, và Bảo Hộ của Duyên. *Và nữa đó cũng là Vô Ngã!*

Người Phật Tử tu tập, không nên nói tự nhiên, ngẫu nhiên, mà phải tìm mãnh lực tác động. Nếu không thì

vô hình chung người Phật Tử phạm vào vọng ngữ, và tạo chủng tử tà kiến (không hiểu sự thật).

Sự hiệp lực của (11) Duyên này cho thấy:

- (1) Yếu tố ngoại cảnh (Cảnh ở ngoài) cũng là mãnh lực tác động trong đời sống chúng ta - Cảnh
- (2) Yếu tố phụ thuộc bên trong Sắc thân này cũng là mãnh lực giúp đỡ cho đời sống chúng ta - (Vật) - Thần Kinh
- (3) Nếu không có những yếu tố này thì không có sự sinh hoạt được.
- (4) → *Nhưng biết được sự tác động bởi Cảnh nội và Cảnh ngoại lên con người chúng ta → thì sẽ thấy được Vô Ngã!*

Sắc Ý Vật (Tim) làm việc rung động do Cảnh tác động.

Ví Du Khi xem phim thì bị cuốn theo 3 Cảnh:

- Cảnh Sắc (hình ảnh hiện bày)
- Cảnh Thính (âm thanh hiện bày)
- Cảnh Pháp (Cảnh đưa vào Tâm Ý Thức hay ý thức suy nghĩ về Cảnh hiện bày)

Do đó mà vui buồn theo cuốn phim, mất mình vì Cảnh. Người tu chế ngự được Cảnh, không bị tác động, thì giữ được mình. Người tu không chế ngự được Cảnh, thì không giữ được mình. Đa số con

người bị động, không chủ động được với Cảnh cho nên Cảnh nào cũng làm thay đổi mình được.

Con người luôn luôn bị chi phối bởi ngoại Cảnh và nội Cảnh. Khi ngồi thiền đã đóng cửa hết các Căn nhưng nội Cảnh tác động do Ý Pháp và con người không tự chủ được → *đó cho ta thấy sự Vô Ngã!*

Không có một chúng sanh nào sinh ra, mà lâu biết đi bằng con người. Con người yếu ớt bị tác động bởi nhiều ngoại Cảnh. Từ cái yếu đó, con người luôn chống lại để bảo vệ, và từ đó tạo nên một bản ngã mà che lấp mất sự thực tính là các Pháp sinh diệt do mãnh lực xuất sinh, liên hệ, và bảo hộ của Duyên chứ không có một ngã tướng nào.

Suy Ngẫm

**** Từ sự thực tướng là Vô Ngã, mà con người cố tạo cho mình một ngã để chống lại Cảnh nội cũng như Cảnh ngoại cho nên càng xây dựng bản ngã nhiều thêm, và đó là sai đường. Tu tập phải thấy sự thật Vô Ngã trong con người chúng ta và biết vô hữu và ly khứ bản ngã.**

Cảnh chỉ là Cảnh, chứ không có Cảnh buồn, vui, hay đau khổ. Chỉ do con người nhìn Cảnh theo tri kiến của con người nên Cảnh trở thành Cảnh buồn, vui, hay đau khổ.

- Hỏi: Tại sao mỗi người thấy các Cảnh khác nhau?
- Trả Lời: Là do Dị Thời Nghiệp của mỗi người khác nhau nên thấy các Cảnh khác nhau.

Pháp Thuận-Nghịch và Tíc Đế

- Khổ - Thuận đề (Tu): Thấy khổ đề tu. Tu để không bị cám dỗ theo thế gian. Cảnh thuận không khổ có khi là một nghịch duyên cho ta tu tập.
- Tập - Nghịch đề (Diệt): Thấy nghịch là phải diệt. Nếu không biết diệt thì sẽ bị phiền não, khổ đau. Diệt để không bị phiền não. Diệt giác lòng, diệt phiền não cho mình, chứ không phải diệt Cảnh, hay diệt người.
- Diệt - Thuận Nghịch (Tu-Diệt): Thuận là để Tu và tu là để diệt cái Nghịch.
- Đạo - Nghịch Thuận (Diệt-Đạt): Nghịch là để diệt và diệt để đạt Đạo Quả.

Ghi Nhớ Sự khinh xuất, để duôi sẽ hại chính mình!

- Thuận – đề Tu }
• Nghịch - đề Diệt } → Là người đơn tính
- Nghịch Thuận }
• Thuận Nghịch } → Là người đa tính

Xét tính của mình để biết mình là đơn tính hay đa tính. Người đa tính, khó khăn, nhiều phiền não thì khó tu tập.

Ghi Nhớ

Than thở trong cảnh nghiệp là do bảo vệ và muốn tăng trưởng cái bản ngã. Không than thở mà phải biết diệt phiền não để diệt bản ngã.

Khi một việc xảy đến ta phải nên làm những điều sau:

- Thấy duyên gì đang hiện bày.
- Thấy thực tính Pháp ở gốc độ nào và tác động ra sao.
- Thấy sự hành, hoại, diệt, sinh theo định luật Vô Thường. Cũng thấy được không có Ngã Tướng – Vô Ngã.

Tịnh Quán Trí Giả - Là Bậc tiền tu trên con đường thiền khô, trực diện trên thực tính Pháp (người lợi căn), thấy được khổ và sanh ra bất toại nguyện, và tiến tu để giải thoát.

Chỉ Quán Trí Giả - Là Bậc tu tập thiền Chỉ hay thiền Quán. Qua đó thấy được thực tính Pháp.

Trong màn đêm vô minh khi ánh sáng bật lên mà ta thấy được liền thì đó là Tịnh Quán Trí Giả (Lãnh hội được liền).

Phát Thú là phải cần thận không coi thường Sắc Pháp!

1. Sắc thi có những trường hợp sau:

- Sắc Hiệp Thế (Phàm) – tạo Tâm Hiệp Thế
 - Sắc Siêu Thế (Thánh) – tạo Tâm Siêu Thế
- } →
Sắc nào thì Tâm duyên theo Cảnh Sắc đó. Sắc lay động thì Tâm lay động, sắc bất động thì Tâm bất động.

Ví Dụ Mẹ có con, bị dính mắc vào người con.

Mãnh lực của (11) Duyên này không chế, chế ngự, và áp đảo ta.

Tiền Sinh đẩy → ← Tâm Hậu Sanh cản để trì kéo ta mất cả 3 thời quá khứ, hiện tại, và vị lai.

Trong trường hợp này phải dùng Phát Thú để thấy những điều sau:

- (1) Thấy được duyên gì đang hiện bày, tác động
- (2) Thấy được thực tính Pháp của duyên đang hiện bày
- (3) Dùng Trí Tuệ Đức Phật (thấy sự hành, hoại, diệt, sinh), đẩy cản, trì kéo.

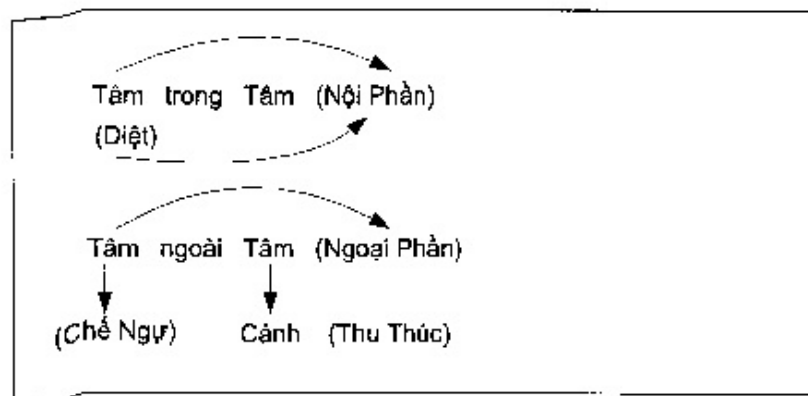
→ Có như thế sẽ không mất quá khứ đã vun trồng, không mất hiện tại, và không mất vị lai.

Cảnh gồm có:

- Cảnh Tốt
 - Sẽ đưa đến Đạo Quả
 - Cũng sẽ đưa đến 4 đường ác đạo
- Cảnh Xấu
 - Sẽ đưa đến Đạo Quả
 - Cũng sẽ đưa đến 4 đường ác đạo

Cảnh đến thì có hai trường hợp xảy ra cho Tâm:

- (1) Tâm biết Cảnh – Tâm ngoài Tâm
- (2) Tâm coi nội Cảnh – Tâm trong Tâm



- (1) Tâm biết lấy ngoại Cảnh thì cần thu thúc.
- (2) Tâm biết Tâm ngoại phần đang thu lấy Cảnh thì Tâm nội phần cần phải chế ngự tam độc (tham, sân, si).
- (3) Tâm nhìn thấy Tâm nội phần cần phải diệt (kiết sử - Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ [tôi / ta]).

- Nhìn Cảnh biết được Tâm
- Hiểu được Tâm biết được thực tính
- Thấy được thực tính hiểu được trí tuệ

Ghi Nhớ

- Không có Sắc làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên.

6. Danh Sắc Làm Năng Duyên - Danh Làm Sở Duyên

Có (2) Duyên, với Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên.

- (1) Cảnh Trường Duyên – là đối tượng của Tâm Thức gồm có Tư duy duyệt ý và Thực tính duyệt ý.

(2) Cảnh Cận Y Duyên - Cảnh Cận Y giống Cảnh Trường Duyên nhưng có tác động và ảnh hưởng mạnh hơn và gần hơn.

Ví Du

Thực Tính Duyệt Ý và Tư Duy Duyệt Ý

Xe mới hoàn toàn	Xe mới hoàn toàn
Đẹp	Đẹp
Ưa ý theo tu duy, cảm tính (Tư duy duyệt ý)	Không thích (Thực tính duyệt ý)
Xe cũ vẫn còn thích (thực tính duyệt ý)	Xe cũ - Thực tính duyệt ý
Hư (thực tính duyệt ý)	Hư (Thực tính duyệt ý)

Sắc sẽ hoại diệt nên thực tính của Sắc là hoại diệt – nhưng Cảnh Trường làm cho Tâm Thức (Danh) giữ Cảnh, không mất, không rời.

Tu hành đạo:

Mượn Sắc Pháp để thấy được Vô Thường, Khô, Vô Ngã. Danh Pháp thấy và biết được sự Vô Thường của Sắc Pháp.

- Danh – Tri kiến Cảnh
- Sắc bất tri kiến Cảnh

Tâm thấy được xác thân này thay đổi và xác thân (Sắc), quả thật không thấy được sự thay đổi của xác thân.

Từ xuất sinh xứ - sinh ra các Pháp

- (1) Nghiệp - trả bằng hành động
- (2) Tâm - trả từng sát na
- (3) Vật Thực
- (4) Quý tiết (thời tiết)

Đắc Đạo từng sát na. Tâm Đạo đi liền với Tâm Quả .

Cảnh Trường Duyên là đối tượng của Tâm Thức. Tâm thức đến nhận Cảnh Trường từng sát na.

Ghi Nhớ

- Không có Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên

7. Danh Sắc làm Năng Duyên - Danh Sắc làm Sở Duyên

Có (6) Duyên - Danh Sắc làm Năng Duyên, Danh Sắc làm Sở Duyên. (1) Câu Sanh Duyên, (2) Hồ Tương Duyên, (3) Câu Sanh Y Duyên, (4) Câu Sanh

Bất Tương Ứng Duyên, (5) Câu Sanh Hiện Hữu Duyên, (6) Câu Sanh Bất Ly Duyên.

(1) Thân Niệm Xứ

- Thân theo dõi (Câu Sanh Hồ Tương)
- Tâm chú ý (Câu Sanh Hồ Tương)
- → Thấy được Pháp Thân → Thấy được Thực Tính → Được Chứng đắc

Danh Sắc ngồi dùm (6) Duyên – Danh Sắc theo dõi, chú ý. Dùm (6) Duyên này thấy được Pháp thực tính → chứng thực tướng (là Vô Ngã). Vô Ngã là vì do mãnh lực duyên tác động chứ không do ta.

(2) Thọ Niệm Xứ

- Thọ Thân biến đổi
- Thọ Tâm chi phối } → Câu Sanh Bất Tương Ứng duyên
- Pháp Thọ → Thực Tính → Chứng đắc

Thọ Thân biến đổi – Câu Sanh, Hồ Tương

Thọ Tâm chi phối – Câu Sanh, Hồ Tương

Sanh → diệt → hoại diệt.

- Thiện đây → ← Bất Thiện cần
- Quá Khứ đây → ← Vị Lai của quá khứ cần

Ghi Nhớ

- *Nếu cân thăng thì ta mất hết thiện trong ba thời: Quá khứ, hiện tại, và vị lai.*
- *Nếu đẩy thăng thì ta được thiện trong 3 thời: Quá khứ, hiện tại, và vị lai.*

Khi nhìn một Pháp, cần thấy thực tính Pháp để đón được thực tướng Pháp, hơn là dùng tư duy để giải quyết được Pháp đang hiện bày!

Ghi Nhớ

- *Có chùng từ thì sẽ có mầm nảy sanh. Không có chùng từ thì sẽ không có mầm nảy sanh.*
- *Chùng từ là thực tính Pháp → để thấy được thực tướng Pháp. Thấy được thực tướng Pháp có nghĩa là thấy được mầm nảy sanh chỉ là một Pháp.*
- *→ Nếu có tư duy vào sẽ che lấp thực tính → không thấy được thực tướng Pháp.*
- *→ Bỏ tư duy ra, sẽ thấy được thực tính Pháp, thì thực tướng Pháp sẽ hiện bày, và sẽ giải quyết được vấn đề.*

Ghi Nhớ

- *Thấy được Pháp – Pháp là nói bên ngoài bao hàm chế định, tục đế. Nói cho người hiểu theo về thông thường, từ ngữ mà người có thể hiểu được về Pháp đó.*

- *Thấy được thực tính Pháp – Sự thật, bên trong bao hàm Chân đế, Hiệp Thế bên trong. Nói cho người hiểu được bản chất bên trong của Pháp đó.*
- *Thấy được thực tướng Pháp - Thực Tướng là sự thật, là kết quả, là cốt lõi của thực tính bao hàm Siêu Thế.*

Phải luôn thận trọng với Phát Thủ không được khinh xuất. Và nên nhìn hai chiều của sự việc.

Vi Du Tế Độ một người đi vào tu tập – là một Pháp

- Pháp: Độ người, giúp người, cứu người (Chế Định / Tục Đế)
- Pháp Thực Tính: Hữu nhân / hữu Duyên (Chân Đế / Hiệp Thế), Thiện, Vô Ký, hữu nhân, phi hữu nhân.
- Pháp thực tướng: Là Níp Bàn, giải quyết được Vô Thường, Khổ, Vô Ngã (là Siêu Thế)
- Mãnh Lực Duyên: Nhân Duyên, Cảnh Trường Duyên (đề lôi kéo), Câu Sanh Trường Duyên, Vô Gian Duyên / Đẳng Vô Gian (độ cho tới nơi tới chốn), Hồ Tương Duyên / Tương Ứng.

Vi Du Khi một người cho ta một món quà.

Ta phải tìm thấy thực tính Pháp, và thực tướng Pháp để quyết định nhận hay không nhận. Khi quyết định

nhận thì nhận với Tâm hoan hỷ duyệt ý để cả hai bên đều được trọn vẹn phước báu.

Vi Du Nỗi Giận

- Nỗi giận là một Pháp
- Pháp: Cau có, nổi sùng, giận dữ (Chế định / Tục đế)
- Pháp thực tính: Bất thiện, sân, si (bản chất - Chân đế / Hiệp thế)
- Pháp Thực Tướng: Đi bốn đường ác đạo (Kết quả - Siêu thế)

Vi Du Thích ăn

- Pháp: Không ngừng ăn, ăn mãi không ngừng.
- Pháp Thực Tính: Có cả hai, Bất Thiện và Thiện. Có khi ta ăn Danh Vật Thực (tư duy, suy nghĩ) và có khi ăn Sắc Vật Thực. Cuộc đời của ta ăn mãi không ngừng hết cái này đến cái kia.
- Vật thực, đoàn thực - Sắc Vật Thực.
- Xúc Thực, Tư thực, Thức Thực – Danh Vật Thực.
- Thực Tướng: Thiện thì Nhân, Thiên, hay Níp Bàn; Bất thiện thì là bốn đường ác đạo.
- Mãnh lực Duyên: Nhân Duyên, Vô Gian / Đẳng Vô Gian Duyên.

Suy Ngẫm

**** “Nhất thiết chúng sanh duy thực tồn”**

Có chúng sanh nào không bao giờ ăn?

- Cõi Trời Phạm Thiên Vô Tướng Sắc Giới: Tầng thiên thứ 4 không có ăn. Cõi này không có Tâm, họ chỉ hưởng phước do chúng đấng thiên.
- Cõi này thấp hơn Cõi Trời Vô Sắc Giới
- Do tu tập thiên chí, hoan hỷ tinh lặng trong thiên và họ nguyện được chúng đấng thiên để được hưởng, không có tâm thiên nào (không có Danh / Tâm).

Ghi Nhớ

**** Trong Phát Thủ phải nhìn Pháp hay mãnh lực theo hai chiều - Lợi và Bất Lợi. Thấy được như thế để nhìn thấy thực tính Pháp, và thực tướng Pháp để giải quyết vấn đề.**

**** Khi hiểu được mãnh lực Năng Duyên hay Sở Duyên thì sẽ thấy được Pháp.**

8. Danh Sắc làm Năng Duyên - Danh Làm Sở Duyên

Có (2) Duyên với Danh Sắc làm Năng Duyên (Nhân), và Danh làm Sở (Quả) Duyên.

(1) Cảnh Duyên: Chế định (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc, Pháp).

(2) Thường Cận Ý Duyên

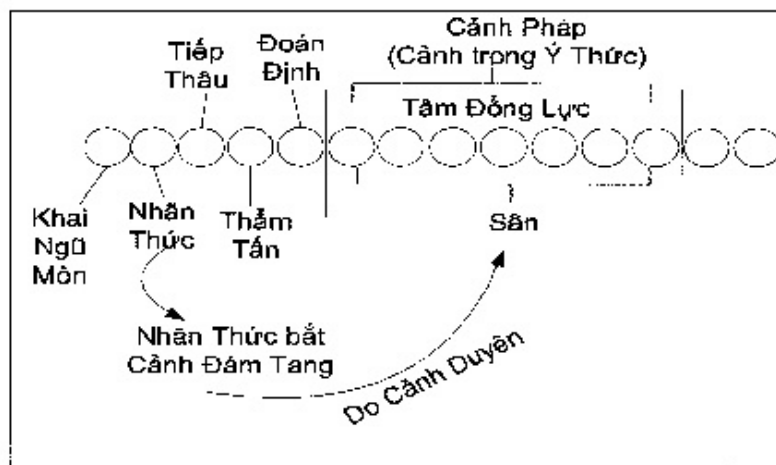
Tâm Nhân Thức - biết Cảnh Sắc

Tâm Nhi Thức - biết Cảnh Thính

Tâm Tỷ Thức - biết Cảnh Khí

Tâm Thiệt Thức - biết Cảnh Vị

Tâm Ý Thức - biết Cảnh Pháp.



Ví Dụ Thấy Cảnh Đám Tang

- Khi Nhân Thức bắt lấy Cảnh Đám Tang đưa vào Tâm Tiếp Thâu, Thính Tấn, Đoán Định.

- Cảnh được đưa vào Tâm Đồng Lục trở thành Cảnh Pháp (Cảnh trong Ý Thức)
- Lòng nổi lên buồn, khóc (đó là Sân). Sân này do mãnh lực của Cảnh Duyên tạo một nghiệp mới. Vì Sân là bất thiện nên tạo nghiệp bất thiện và sẽ không có quả tốt an vui.
- Trong Cảnh như thế ta phải giữ lòng không để buồn, khóc, Sân và làm việc thiện tạo phước báu hồi hướng cho người quá vãng.
- Như khi ta đi ngang qua và bắt gặp Cảnh này thì phải dùng phước báu mình có được thành tâm hồi hướng cho người và quán thấy định luật Vô Thường để tinh tấn tu tập.

Ví Dụ Nổi buồn

- (1) Nổi buồn trong lòng là một Cảnh Pháp tác động bởi Tâm Ý thức.
- (2) Là Cảnh Chế Định (Pháp) tác động tâm thức với mãnh lực Cảnh Duyên.
- (3) Là Cảnh Chế Định tác động Tâm thức ta, thường xuyên bị giao động với mãnh lực Thường Cận Y Duyên (lập đi lập lại), làm ta buồn hoài.

Ví Dụ Khi hành thiền thì có những trạng thái như:

- Tê nhức môi đau – Pháp Chế định
- Cảnh xúc – Thân thức

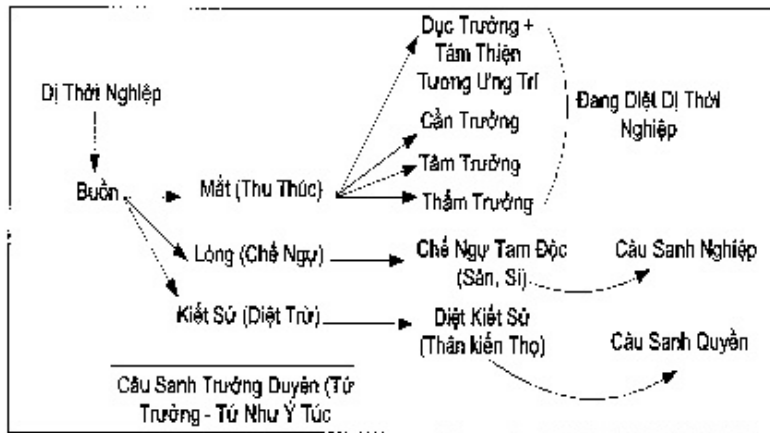
- Cảnh Pháp – Ý Thức
- Do mãnh lực Cảnh Duyên

Ngồi thiền bị tê nhức môi đau, hay nổi buồn lập đi lập lại thì người tu tập xử trí ra sao với hai mãnh lực của Cảnh Duyên và Thường Cận Y Duyên?

Mỗi Cảnh đến, ta luôn bị ảnh hưởng, bị lôi kéo bởi mãnh lực Cảnh Duyên, và lập đi lập lại do bởi mãnh lực Thường Cận Y Duyên. Cảnh Chế định tác động, tâm thức của ta với mãnh lực Cảnh Duyên. Cảnh tác động thường xuyên bởi mãnh lực Thường Cận Y Duyên.

Ta phải giải quyết như trong *Ví Dụ* Giải quyết Pháp buồn!

Dùng Câu Sanh Trường (Tứ Trường) để giải quyết.



Thân kiến có 5: Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức (nghĩa hẹp) hay 20 (theo nghĩa rộng).

- (1) Buồn khởi sanh do bởi mãnh lực Dị Thời Nghiệp Duyên đã có chùng từ trong quá khứ do đó cố gắng dùng Câu Sanh Trường Duyên để thu thúc Cảnh Pháp chế định này, nhằm cố gắng diệt trừ Dị Thời Nghiệp duyên tạo tác, ảnh hưởng buồn trong lòng.
- (2) Nếu đã vượt qua Dị Thời Nghiệp thì cố gắng dùng **Câu Sanh Nghiệp Duyên** để chế ngự nhị độc (Sân, Si) trong Tâm thức và cố gắng nỗ lực dùng Câu Sanh Quyền Duyên để diệt trừ Thân thọ kiến kiết sử (Buồn = Thọ Thân kiến).
- (3) Buồn trước mắt đó là Dị Thời Nghiệp – **Dùng Câu Sanh Trường để diệt**

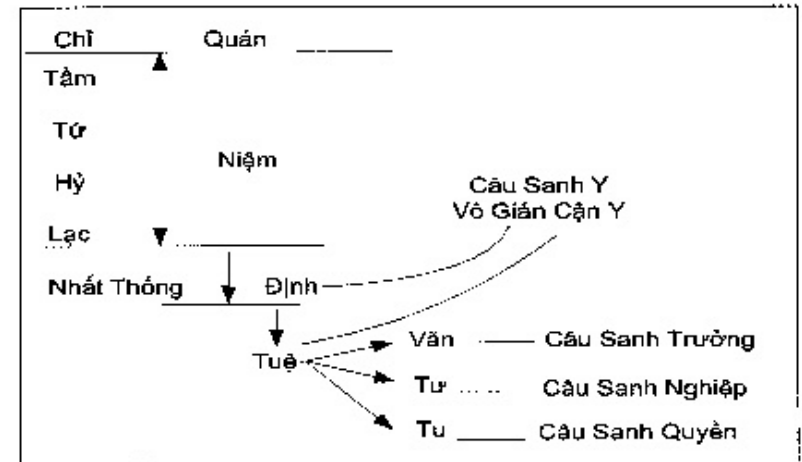
- (4) Buồn rớt vào lòng – Sân đón nhận (vào 1 Đồng Lực) tạo một nghiệp mới do Thường Cận 1 (Câu Sanh Nghiệp)
- (5) Nghĩ tới tới có buồn này (rớt vào Thọ Thân kiến kiết sử) bởi Thường Cận Y Duyên → chặn con đường Đạo Quả - **Dùng Câu Sanh Quyền Duyên để diệt Kiết sử.**

Ghi Nhớ

****Tu tập là phải thu thúc, chế ngự và diệt trừ!!**

Dhammarasa = Pháp Vị. Hưởng được Phát Thủ thì có Pháp Vị.

Thiền Chỉ và Thiền Quán.



Thực tính của Sắc là hoại diệt, Sắc đi từ hoại đến diệt nên không sinh ra Sắc mới.

Thường Cận Y hay Cảnh mạnh tạo Na Cảnh.

Ghi Nhớ

- Không có Ché Định, Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên

Các mãnh lực duyên cho thấy các Pháp trong thế gian, và siêu xuất thế gian. Những mãnh lực này sẽ giúp đỡ mạnh mẽ nếu ta biết khai thác để hỗ trợ sự tu tập đến giải thoát. Ngoài những mãnh lực của Duyên này còn có Ba La Mật kiên cố.

9. Mãnh Lực Duyên Đến Luân Hồi Và Giải Thoát

Có hai nhóm mãnh lực Duyên tác động đến sự luân hồi và giải thoát cần chú ý.

Mãnh Lực Duyên Tác Động Đến Sự Giải Thoát	Mãnh Lực Duyên Tác Động Đến Sự Luân Hồi
Vô Hữu	Hiện Hữu
Ly Khứ	Bất Ly

Mãnh Lực Duyên Tác Động Đến Sự Giải Thoát	Mãnh Lực Duyên Tác Động Đến Sự Luân Hồi
Câu Sanh Trường	Dị Thời Nghiệp
Câu Sanh Quyền	Dị Thục Quả
Hỗ Tương	Tiền Sanh
Tương Ứng	Hậu Sanh
Y Chi	Câu Sanh
Cận Y	Vô Gián / Đẳng Vô Gián

Luôn nhớ đến hai cặp duyên Vô Hữu / Ly Khứ và Hiện Hữu / Bất Ly.

- Vô Hữu Duyên - Giúp đỡ để không có
- Ly Khứ Duyên – Giúp đỡ để lìa khỏi, ra đi (cần mãnh lực của Câu Sanh Trường và Câu Sanh Quyền).
- Hiện Hữu - Không muốn xa rời, ra đi
- Bất Ly – không muốn xa lìa
- Dị Thời Nghiệp - vì muốn Hiện Hữu nên có Dị Thời Nghiệp

- Dị Thục Quả - vì không muốn lìa khỏi để ra đi nên có Dị Thục Quả Bất Ly. Dị Thời Nghiệp và Dị Thục Quả là do Tiền Sanh và Hậu Sanh Duyên giúp đỡ hiện bày.
- Y Chi - vì có Hồ Tương và Tương Ứng nên có Y Chi và Cận Y.
- Hồ Tương - Khi có Hồ Tương thì cần Câu Sanh Trường và Vô Giác và Đẳng Vô Giác.
- Cận Y - Khi có Cận Y thì có Tương Ứng và cần Câu Sanh Quyền để Tương Ứng.

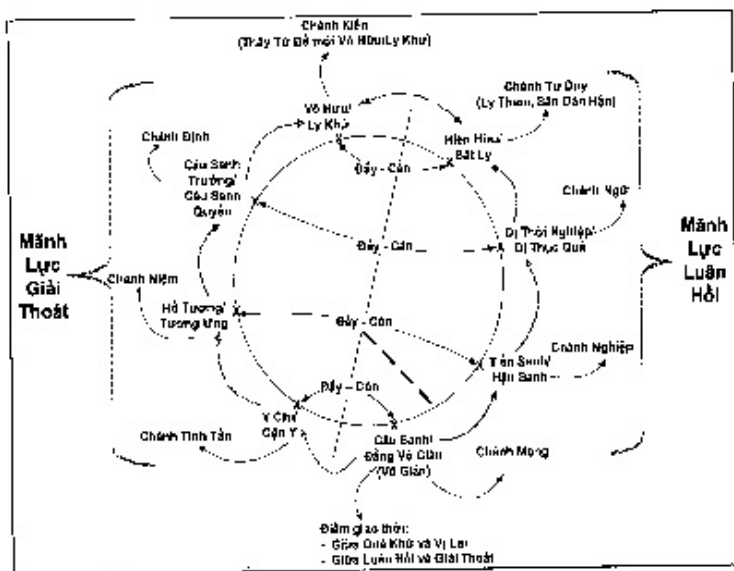
Có (8) duyên tác động đến sự luân hồi và (8) duyên tác động đến sự giải thoát. Hai mãnh lực duyên này đẩy và cản với nhau do mãnh lực của từng cặp duyên, ví dụ Vô Hữu / Ly Khứ đẩy đến giải thoát nhưng Hiện Hữu / Bất Ly cản lại và trì kéo chúng ta trong vòng luân hồi.

Ở đây có ba trường hợp xảy ra qua tác động của hai mãnh lực duyên này. Hai mãnh lực duyên này đẩy, cản giằng co, và trì kéo với nhau qua hai đường luân hồi hay giải thoát.

- (1) Khi quyết lòng cắt đứt sự luân hồi thì thêm mãnh lực Câu Sanh và Vô Giác Duyên hỗ trợ cho Y Chi và Cận Y để tạo thêm mãnh lực cho sự Giải thoát. Điểm quan trọng cần ghi nhớ là đừng đánh mất thời hiện tại, phải tinh tấn tu tập để bẻ gãy mãnh

lực của luân hồi. Nếu không đánh mất hiện tại, và sống trong tinh giác, chánh niệm, thì sẽ có sự hỗ trợ của Câu Sanh và Vô Giác Duyên, làm mãnh lực đẩy các duyên kia tạo điều kiện giải thoát mạnh mẽ. Cho nên ở đây, Câu Sanh và Vô Giác Duyên là điểm giao thời giữa luân hồi và giải thoát và giữa quá khứ và vị lai.

- (2) Khi diệt Vô Hữu / Ly Khứ thì mất chủng tử giải thoát (đường giải thoát sẽ mất đi), và khi đó các mãnh lực Câu Sanh Trường, Câu Sanh Quyền, Hồ Tương / Tương Ứng, Y Chi, Cận Y sẽ hỗ trợ giúp đỡ cho Hiện Hữu Bất Ly thêm mạnh mẽ, và sẽ luân hồi mãi.
- (3) Khi diệt Hiện Hữu / Bất Ly thì mãnh lực của Vô Hữu / Ly Khứ với sự giúp đỡ của các Duyên Dị Thời Nghiệp, Dị Thục Quả, Tiền Sanh, Hậu Sanh, Câu Sanh, Vô Giác/Đẳng Vô Giác đẩy đến Giải Thoát Níp Bàn.



Ghi Nhớ

(1) **Đừng đánh mất thời hiện tại – Câu Sanh**

(2) **Đừng Hiện Hữu / Bất Ly - phải Vô Hữu / Ly Khứ**

Kết Hợp Bát Chánh Đạo

Bát Chánh Đạo là Đạo Đế dẫn đến Diệt Đế, chấm dứt Tập Đế và không còn Khổ Đế.

Bát Chánh Đạo là con đường tu tập hỗ trợ cho các mãnh lực duyên giải thoát, ngăn chặn và diệt trừ các mãnh lực duyên dẫn đến luân hồi.

(1) Do có Chánh Kiến, ta thấy và hiểu được Tứ Đế qua

- a. Quả khổ đau - Khổ Đế
- b. Nguyên nhân đưa đến Khổ - là Tập Đế
- c. Giải thoát khổ - là Diệt Đế
- d. Con đường tu tập đưa đến sự giải thoát an vui tuyệt đối - là Đạo Đế.

Do hiểu như thế ta Vô Hữu / Ly Khứ và được sự hiệp lực của mãnh lực duyên hỗ trợ Vô Hữu / Ly Khứ đẩy đến giải thoát, Níp Bàn.

- (2) Do có Chánh Tư Duy, ta tu tập ly tham, ly sân, và ly oán hận để xa lìa sự Hiện Hữu / Bất Ly diệt chùng tử luân hồi.
- (3) Ta tu tập Giới hạnh, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, sống chánh niệm tỉnh giác để diệt trừ mãnh lực của Tiền Sinh, Hậu Sinh, Dị Thời Nghiệp, Dị Thục Quả, Câu Sanh và Vô Giác/Đẳng Vô Giác trong kiếp quá khứ, hay suy nghĩ ở vị lai đang trong thời hiện tại.
- (4) Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định hỗ trợ cho các mãnh lực duyên Y Chi / Cận Y, Hỗ Tương / Tương Ứng, và Câu Sanh Trưởng (Tứ Trưởng - Dục, Cần, Tâm, Thâm), Câu Sanh Quyền (Ngũ Quyền - Tinh, Tấn, Niệm, Định, Tuệ) đẩy đến sự giải thoát.

Con đường tu, luôn luôn gặp Cảnh Nghịch, phải vượt qua, chuyển nghịch thành thuận (Nghịch - Thuận).

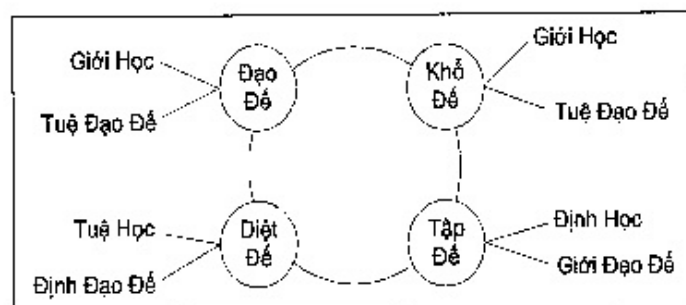
Khi gặp Cảnh Thuận phải cẩn thận không bị cảm dỗ trở thành (Thuận - Nghịch). Cố công tu tập diệt giặc lòng (Nghịch) để đạt Đạo Quả.

Trên con đường tu tập, có sự hỗ trợ của Bát Chánh Đạo và Tam Vô Lậu Học, Giới, Định, Tuệ giúp cho con đường Giải Thoát được thành tựu.

Kết Hợp Tứ Đế và Tam Vô Lậu Học

Khi kết hợp Tứ Đế, Tam Vô Lậu Học, Bát Chánh Đạo vào hai mảnh lực duyên tác động sự giải thoát và luân hồi qua những sự hỗ trợ như sau:

- (1) Thấy Khổ Đế, ta tu Giới Học với Tuệ Đạo Đế.
 - a. Giới học gồm có Ngũ Giới, Bát Giới, Sa Di Giới, và Tỳ Kheo Giới
 - b. Tuệ Đạo Đế là Tuệ Phần trong Đạo Đế (Bát Chánh Đạo) gồm Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.
- (2) Để diệt Tập Đế, ta tu Định Học với Giới Đạo Đế.
 - a. Định Học là chánh niệm và tỉnh giác



- b. Giới Đạo Đế là Giới Phần trong Đạo Đế (Bát Chánh Đạo) gồm Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

(3) Để có được Diệt Đế, ta tu Tuệ Học với Định Đạo Đế

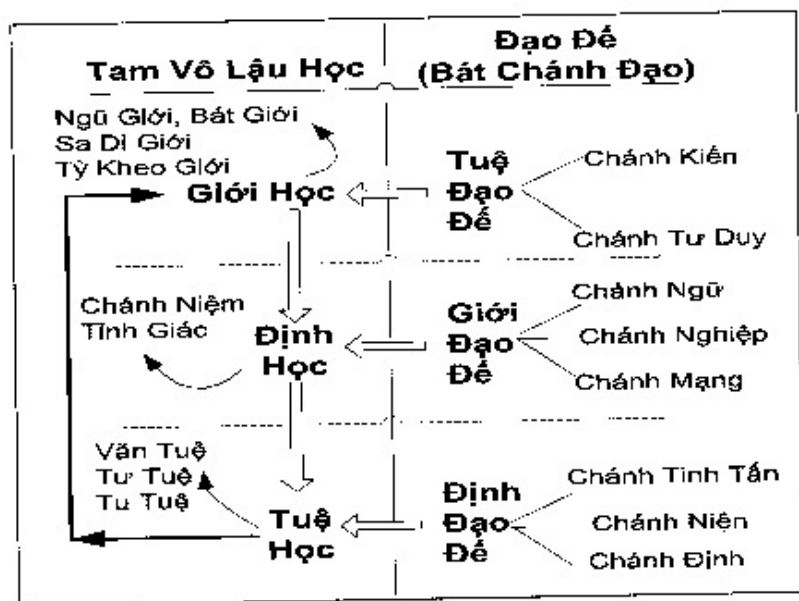
- a. Tuệ Học là Văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ
- b. Định Đạo Đế là Định Phần trong Đạo Đế (Bát Chánh Đạo) gồm Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

(4) Để có được Đạo Đế, ta tu Giới Học với Tuệ Đạo Đế

- a. Giới Học gồm có Ngũ Giới, Bát Giới, Sa Di Giới, Tỳ Kheo Giới
- b. Tuệ Đạo Đế là Tuệ Phần trong Đạo Đế (Bát Chánh Đạo) gồm Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

Kết Hợp Tam Vô Lậu Học

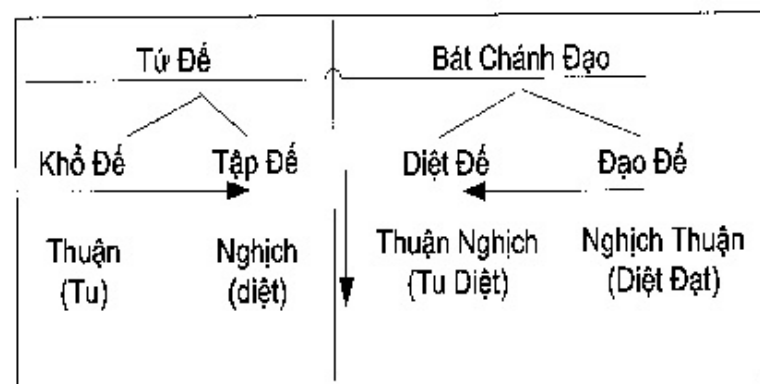
Khi kết hợp Tam Vô Lậu Học và Đạo Đế (Bát Chánh Đạo) thì ta có hai lực hỗ trợ cho mỗi phần của Tam Vô Lậu Học, Giới, Định, Tuệ tạo thêm sự vững mạnh, giúp cho con đường tiến tu viên mãn.



Như hình minh họa ở trên, phải lấy Trí Tuệ Bát Chánh Đạo – Chánh Kiến thấy Tứ Đế, mới giữ được Giới Học (trong Tam Vô Lộ Học) trong sạch và không phạm giới. Tuệ Bát Chánh Đạo có được là do thấy Chánh Kiến và Chánh Tư Duy.

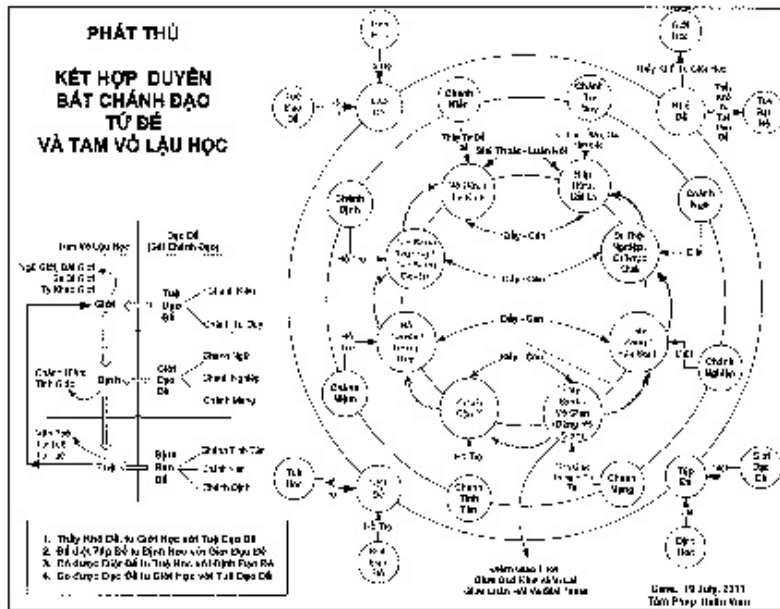
- (1) Giới học viên mãn do bởi hai Tuệ phối hợp (Tuệ Bát Chánh Đạo và Tuệ Tam Vô Lộ Học).
- (2) Định học viên mãn do bởi hai Giới phối hợp (Giới Học và Giới Bát Chánh Đạo).
- (3) Tuệ Học viên mãn do bởi hai Định phối hợp (Định Học và Định Bát Chánh Đạo).

- (4) Giới năng sinh Định. Định sinh Tuệ. Giới, Định, Tuệ Học thành tựu viên mãn.



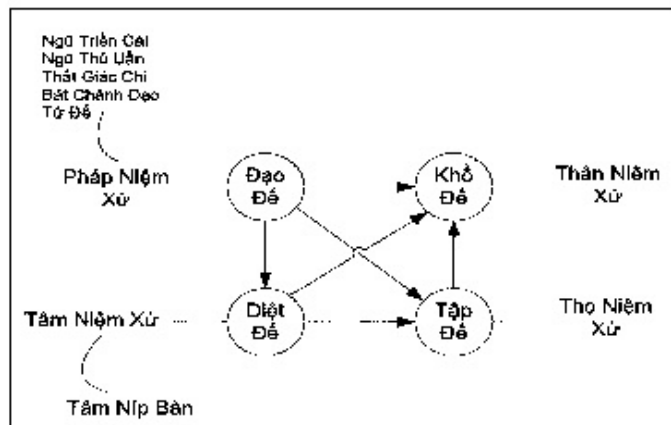
- Thấy Khổ để tu tập. Dùng Tuệ Học thấy được Khổ. Dùng Giới Học và Định Học để tu tập.
- Thấy nguyên nhân của Khổ (Tập Đế) là nghịch cho sự giải thoát nên tu tập diệt Nghịch. Dùng Tam Vô Lộ Học (Tam Học) để diệt Tập Đế.

Như hình vẽ minh họa ở phần dưới cho thấy sự kết hợp tất cả hiệp lực hỗ trợ của Đạo Đế, Tứ Đế, và Tam Vô Lộ Học Giới, Định, Tuệ, giúp đỡ khai thác trọn vẹn mãnh lực của hiệp lực Duyên giải thoát, bẻ gãy các duyên tạo tác luân hồi. Và như thế được giải thoát, Níp Bàn.



Kết Hợp Tứ Niệm Xứ và Tứ Đế

Trên con đường tu tập kết hợp Pháp Hành Tứ Niệm Xứ hỗ trợ cho Pháp Hành.



- (1) Khổ Đế ← Diệt Đế chấm dứt Khổ Đế.
 - a. Tâm Niệm Xứ
 - b. Thân Niệm Xứ
 } → Hành Tâm Niệm Xứ và Thân Niệm Xứ để thấy và diệt Khổ Đế.

- (2) Tập Đế ← Đạo Đế diệt tắt Tập Đế.
 - a. Pháp Niệm Xứ
 - b. Thọ Niệm Xứ
 - c. Hành Thọ Niệm Xứ để thấy Hiệp Thê Chân Đế, rõ biết sai lầm của Tục Đế. Dùng Pháp Niệm Xứ thấy rõ sai lầm Tục Đế, thấy thực tính Pháp, bỏ phàm thành Thánh! (Thực Tướng Pháp – Vô Thường, Khổ, Vô Ngã)

- (3) Diệt Đế → Đầy đến Đạo Quả
 - a. Tâm Niệm Xứ
 - b. Pháp Niệm Xứ
 } → Hành Tâm Niệm Xứ và Pháp Niệm Xứ để diệt các Pháp Triền Cái và đạt Tâm Níp Bàn.

- (4) Đạo Đế → dẫn đến Diệt Đế, dập tắt Tập Đế.
 - a. Thân Niệm Xứ
 - b. Thọ Niệm Xứ
 - c. Tâm Niệm Xứ
 - d. Pháp Niệm Xứ
 } → Hành Tứ Niệm Xứ để thấy rõ Khổ, nguyên nhân của Khổ (Tập), và sự Vô Thường, Vô Ngã của các Pháp,

diệt tất Tập Đế, cắt đứt luân hồi, đến giải thoát, Níp Bàn.

Ghi Nhớ

- Khi ta giải đãi, đó là lực cản → phóng dật đến vị lai.
- Khi ta tinh tấn, đó là lực đẩy → qua quá khứ → đến hiện tại
- Khi ta thoải mái, đó là lực trì kéo → đang ở hiện tại không chịu đi

Tứ Như Ý Túc (Chi Pháp = Dục, Cần, Tâm, Thâm) -
Tứ Trường, Câu Sanh Trường

Ngũ Lực / Ngũ Quyền (Tinh, Tấn, Niệm, Định, Tuệ)
- Câu Sanh Quyền. Nhắm vào Níp Bàn (Diệt Đế).

Tóm Lược Pháp Năng Duyên Và Pháp Sở Duyên

- (1) Khi muốn có một kiếp sống mới hay muốn giải thoát cũng do Danh Pháp tác động. Danh làm Năng Duyên và Danh làm Sở. Trong phần này có Vô Hữu / Ly Khứ, và đây là nhân để dứt ly mà giải thoát. (7) Duyên này làm mãnh lực sẽ đưa đẩy đến không còn hiện hữu và giải thoát.
- (2) Khi muốn có một Sắc mới thì có một sự tái tục và ngay khi đó sẽ có Hậu Sanh Duyên như trong phần Danh làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.

- (3) Chúng ta bị lôi cuốn bởi Cảnh trong thế gian trong (9) Duyên của phần Danh làm Năng Duyên và Danh Sắc làm Sở Duyên. Muốn có một con người và một kiếp sống mới. Lúc đó có Di Thực Quả Duyên, tái tục một kiếp sống mới.
- (4) Muốn đời sống vun bồi Sắc Pháp cho đầy đủ, nên có Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.
- (5) Muốn lấy Sắc làm Năng và Danh làm Sở có (11) Duyên. Làm ta ở lại trong đời vì Hiện Hữu Bất ly. Tạo dựng lại con đường Danh Pháp qua sắc Pháp. Đây là nhân cho một kiếp sống mới và không giải thoát vì có hiện hữu bất ly.
- (6) Con người luôn luôn duyên theo và bị lôi cuốn bởi Cảnh. Lúc đó ta có Cảnh chế định của Hiệp Thế là dính mắc vào thế gian qua Cảnh Trường Duyên và Cảnh Cận Y Duyên.
- (7) Với Danh Sắc làm Năng và Danh Sắc làm Sở Duyên có (6) Duyên. Con người hiện hữu lại. Với Danh Sắc nghĩ như thế nào thì Danh Sắc (con người) hiện bày như thế ấy. Con người muốn tạo dựng, giữ lại, và không muốn ra đi thì hình thành một con người mới. Khi Tâm nghĩ việc xả ly, Danh nghiệp nghĩ chuyện xả thí, Sắc Nghiệp làm hành động xả thí. Thì Danh Sắc làm việc với Danh Sắc và có một con người mới, người biết bố thí. Hay Danh Sắc cũ không biết ngôi thiên → để lại một chủng tử một Danh Sắc thứ hai (6 Duyên).

(6) mãnh lực này tạo cho một Danh Sắc thứ hai (luân hồi).

(8) Sống trong đời duyên theo Cảnh do bởi hai duyên Cảnh Duyên và Thường Cận Y Duyên. Danh Sắc làm Năng Duyên và Danh làm Sở Duyên. Ghi nhớ rằng không có trường hợp Danh Sắc làm Năng Duyên và Sắc làm Sở Duyên.

PHẦN IV

GIỚI THIỆU SỐ LƯỢNG GIỐNG TRONG 24 DUYÊN

SỐ LƯỢNG GIỐNG (JATI) TRONG 24 – 47 DUYÊN

Có (9) loại Giống trong 24 – 47 Duyên bao gồm (1) Giống Câu Sanh; (2) Giống Cảnh; (3) Giống Vô Giác; (4) Giống Tiền Sinh Duyên; (5) Giống Hậu Sanh; (6) Giống Vật Thực; (7) Giống Sắc Mạng Quyền; (8) Giống Thường Cận Y; (9) Giống Dị Thời Nghiệp.

Giải thoát hay luân hồi cũng do mãnh lực tác động của (9) Giống này. Người tu tập nên tác ý khôn khéo dùng mãnh lực của các Giống này hỗ trợ cho sự tu tập đến giải thoát. Bảng ghi dưới đây cho thấy hai chiều mãnh lực của (9) Giống – tác động sự Giải Thoát và Luân Hồi.

Luân Hồi	Giống	Giải Thoát
Hài lòng trong hiện hữu, dính mắc và không thoát ra được.	Giống Câu Sanh	Phát triển Tứ Trường (Dục, Cần, Tâm, Thâm) cùng với Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ tu tập đến Đạo Quả.
Dính mắc, đeo níu vào đối tượng	Giống Cảnh	Dùng Níp Bàn làm Cảnh Trường

– là 6 Cảnh (Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc, Pháp).		đề tu tập giải thoát.
Không gián đoạn sự đeo niú. Không chịu buông rời.	Giống Vô Gián	Nỗ lực không ngừng tu tập để đưa đến giải thoát.
Có Thân thì có lo. Có Căn thì có giữ mà không biết xử dụng vào đường tu.	Giống Vật Tiễn Sinh	Nương vào Ý Căn, Ý Vật để tu tập.
Tạo một dòng tiếp nối cho vị lai.	Giống Hậu Sanh	Giải thoát sẽ hiện bày (Hậu sanh hiện hữu).
Dưỡng nuôi mạng sống.	Giống Vật Thực	Vun bồi Danh Pháp.
Duy trì mạng sống không đứt lìa.	Giống Sắc Mạng Quyền	Nương Thân mạng để quán thấy thực tướng (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã).
Tạo lập một hành động, một tác	Giống Thường Cận	Hình thành đậm nét con đường tu

nhân (tạo nghiệp) do bởi thói quen.	Y	tập không thất niệm.
Tái tạo một kiếp sống mới do bởi nghiệp lực. ☺	Giống Dị Thời Nghiệp	Cắt đứt nguồn nghiệp lực hình thành một kiếp sống. Chấm dứt! The End! ☺

Ghi Nhớ

- Đây cũng là (9) bước sẽ lập đi lập lại trong Vipassana theo hai chiều luân hồi hay giải thoát. Phải cẩn thận tác ý khôn khéo biết dùng (9) Giống trong Vipassana đưa đến giải thoát.
- Dùng Vipassana để giải thoát thì không nên nói “thấy cái gì, hay thấy cái này, thấy cái kia” mà phải dùng Cảnh Trường là Níp Bàn để tu tập.
- Luân hồi là do giữ Pháp mà không dùng Pháp. Dùng Pháp và thấy thực tính Pháp (của 9 Giống) và dùng Pháp để tu tập giải thoát.

Suy Ngẫm

** Vipassana là đang tu chứ không thấy cái này hay thấy cái kia!

Có 3 trình độ Chánh Kiến

(1) Thấy đặc tính riêng - thực tính

(2) Thấy đặc tính phổ thông / tính chung - thực tướng

(3) Thấy theo Tứ Đế

Nhận thấy một cái Khổ → là có một Khổ Đế. Biết vì sao Khổ - là biết Tập Đế. Khổ là quả (Sắc Thân). Tập là nhân (Tham, Ái).

Ái thương lấy cái Thân là nhân của quả Khổ. Thấy được Nhân Quả tương quan - Tuệ giác phát triển theo Tứ Đế.

Ghi Nhớ

- Tâm định phải kiên cố mới thấy được Pháp thực tướng rõ ràng, sắc bén.
- Trong một Pháp có thể có Thuận rồi Nghịch, hoặc Nghịch rồi Thuận.

Có hai Pháp

- Pháp Hữu Vi – là Pháp chịu ảnh hưởng của ba chiều không gian, ba thời gian, và ba lực đẩy, cản, và trì kéo.
- Pháp Vô Vi – là Pháp không chịu ảnh hưởng bởi tam thời, không gian ba chiều hay ba lực đẩy, cản, trì kéo. Pháp Vô Vi là Pháp ngoại thời – Cũng là Níp Bàn.

Có (4) yếu tố làm thành một Pháp.

(1) Trạng thái

(2) Phận sự

(3) Sự thành tựu

(4) Nhân cần thiết / nhân sinh ra

Ghi Nhớ

- Nếu không biết thực tính Pháp thì sẽ bị cám dỗ ở trong Pháp vì không thấy được mãnh lực của Pháp. Và nếu là Pháp Bất Thiện thì sẽ luân hồi mãi.
- Ghi nhận → Ghi nhận rồi để ghi nhớ → Ghi nhớ để vượt qua → Vượt qua và đừng lập lại (đừng tái tạo) vì đó là luân hồi.

Khi làm một việc phải ghi nhớ những điều sau.

- Thấy Trí Tuệ Đức Phật
 - Phải biết vị trí của mình.
 - Phải biết mình đang ở trong thời nào (quá khứ, hiện tại, vị lai) để thấy vấn đề.
 - Phải biết mình đang bị tác động của lực nào (đẩy, cản, hay trì kéo)

Ví Dụ

- Khi đang ngồi học đây là ta đang có lực gì tác động (đẩy, cản, hay trì kéo)?

Ghi Nhớ và Suy Ngẫm

**** Phải tư duy, suy ngẫm ảnh hưởng và tác động của Phát Thủ và Trí Tuệ Đức Phật.**

Trong sự vận hành của các Pháp

- Hành
 - Hoại
 - Diệt
 - Sinh
- } → Dừng lại ở Diệt

**** Ta phải dừng lại ở “diệt” để cắt đứt sự sinh lại, luân hồi → Đây là chân lý, Phát Thú mà chúng ta không thấy!**

Ứng Dụng

Khi hành thiền không dùng chế định nữa mà phải dùng Thiền Na trong Phát Thú và Đồ Đạo Duyên theo Trí Tuệ Đức Phật để không rớt vào chế định. Ta dùng thời gian của riêng mình trong sự hành thiền để phát triển Trí Tuệ Đức Phật.

Khi nói đến mãnh lực của Pháp Thiện thì có (5) yếu tố.

- Tâm
- Quý
- Chánh Niệm
- Tinh Giác
- Tác ý khôn khéo

Ví Dụ Bể cái bình bông

- Bể cái bình bông → là Pháp Bất Thiện

- Tại sao ta làm bể cái bình bông?
- Thiếu chánh niệm (lỡ tay làm bể) hay do thiếu tinh giác, hay không có tác ý khôn khéo.

Ví Dụ Pháp Vô Ký

- Pháp Vô Ký – là Pháp Quả (vui, buồn, không vui không buồn)
- Nếu không thấy được quả mà bị trôi lăn trong vui, buồn, hay không vui, không buồn → thì sẽ rơi vào hành, hoại, diệt, sinh để luân hồi. Chỉ dừng lại ở Quả qua Phát Thú thì không rơi vào luân hồi.

Suy Ngẫm

**** Tác ý khôn khéo là chìa khóa để chuyển Bất Thiện thành Thiện!**

- Ta đang bị ảnh hưởng bởi (9) Giống hay đang xử dụng được (9) Giống để đưa đến giải thoát?
 - Phải biết xử dụng Phát Thú!
 - Áp dụng Phát Thú, thấy Pháp → và thực hành.

1. Giống Câu Sanh

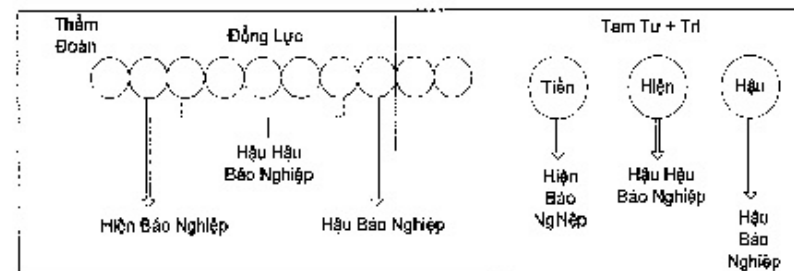
Giống Câu Sanh gồm có (15) Duyên. Giống Câu Sanh là Giống trong hiện tại.

- (1) Hai người gặp nhau do Nhân Duyên – theo chi Pháp (hay nhân) Tham, Sân, Si.

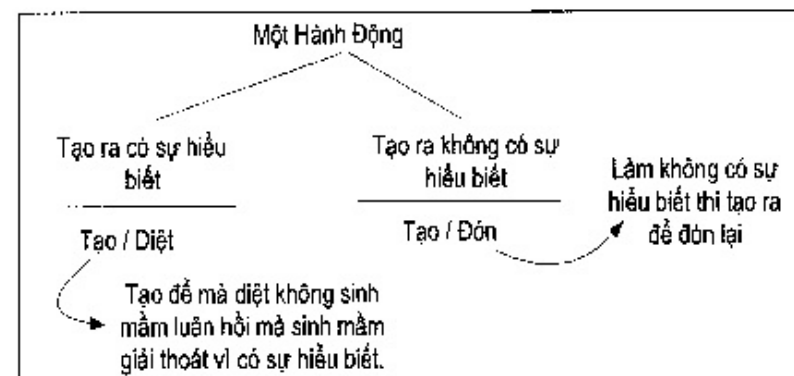
- (2) Bởi mãnh lực Câu Sanh Trường Duyên (Dục, Cần, Tâm, Thâm) làm Năng (nhân) cho lớp học đến học Phát Thủ.
- (3) Mãnh lực Câu Sanh Duyên làm nhân cho cùng nhau đến lớp học.
- (4) Mãnh lực hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau do Hố Tương Duyên.
- (5) Mãnh lực cùng sanh và nương tựa lẫn nhau do Câu Sanh Y Duyên.
- (6) Mãnh lực cộng nghiệp – cùng tạo nghiệp chung với nhau do Câu Sanh Nghiệp. Cùng tạo nghiệp và hưởng quả liền không có dị thời nghiệp.
- Tứ đồng - Đồng đức tin, đồng giới, đồng chí, đồng nguyện.
 - Câu Sanh Nghiệp có được do bởi
 - Hưởng từ nơi quá khứ do Dị Thục Quả
 - Ngay bây giờ cùng tạo nghiệp chung với nhau để hưởng quả (gặt hái) ngay hiện tại.
 - → Do vậy gọi Câu Sanh Nghiệp – Do có quá khứ mới có câu sanh.
- (7) Mãnh lực hưởng lấy từ nơi Pháp nhân trong quá khứ, trở quả trong hiện tại do bởi Dị Thục Quả.

- (8) Mãnh lực Danh Vật Thực từ nơi tạo ra các việc thọ lãnh Pháp – dùng vật thực có 3 loại, xúc, tư, thực.

- Khi Pháp đến: Nếu mình muốn Pháp, thì có Vật Thực Duyên. Nếu không dùng Pháp đó thì không có Vật Thực Duyên.



Dùng Tam Tư + Trí để giảm bớt nghiệp. Tư Hiện, Tư Hậu là phải tốt để không rớt vào Hậu Hậu, hay Hậu Báo Nghiệp.



- Đón - Trả → cản / đẩy → Giải thoát. Đón để mà trả, hay tạo để mà diệt là con đường đến giải thoát.
- Tạo - Hưởng → đẩy / cản → Luân hồi. Tạo để mà hưởng hay đón để mà nhận là con đường đến luân hồi.
- Luân hồi / giải thoát → trì kéo. Luân hồi là sự trì kéo của giải thoát. Vì chưa quyết định đón để trả nên ta bị trì kéo.

Tác ý (Chánh niệm, tỉnh giác). Luôn luôn chánh niệm tỉnh giác và tác ý khôn khéo - Tạo để Diệt.

Tất cả là do tác ý khôn khéo, nếu không chánh niệm tỉnh giác, chỉ tạo và hưởng → thì sẽ tạo kiếp sống mới, để duy trì sự sống này nữa chứ không cắt bỏ ra đi.

Sống trong hiện tại, chánh niệm, tỉnh giác để xử dụng Giống Câu Sanh tác ý “Đón để Trả”. Mất chánh niệm, thì mất đi hiện tại, Giống Câu Sanh lôi kéo ta đi để tạo để hưởng và luân hồi.

- Hỏi: Do đâu mà mất chánh niệm?
- Trả Lời: Do Giống Cảnh lôi kéo.

Thực tính Pháp của con người sẽ ảnh hưởng đến mãnh lực tạo tác của nghiệp báo. Khi tạo tác, con người với tác ý mãnh liệt, trung bình, hay yếu, thì sẽ để lại ảnh hưởng đến nghiệp báo xảy ra mãnh liệt, trung bình, hay yếu.

Nhận thức rõ biết được về thực tính Pháp của chính mình, thì sẽ giúp ích cho việc giải quyết mãnh lực của nghiệp báo trở sanh đến mình.

Ví Du Tạo nghiệp mạnh với tác ý tạo nghiệp mạnh, thì quả trở nhanh và mạnh. Ngược lại, tạo nghiệp yếu với tác ý yếu, thì nghiệp trở chậm và yếu.

- Khéo tác ý để ngừa đón nghiệp sẽ trở sanh, nương theo việc rõ biết thực tính Pháp của con người mình.
- Biết thực tính chánh yếu thì giải quyết được mọi thực tính phụ thuộc
- Thực tính chính yếu – là thực tính của mình
- Thực tính phụ thuộc – là nghiệp, đời sống, và môi trường.

(9) Câu Sanh Quyền Duyên – Mãnh lực của quyền lực / quyền năng tạo tác thúc đẩy, tạo ra thực tính Pháp.

- Con có quyền năng với mẹ
- Mẹ có quyền năng với con } → Có Câu Sanh Quyền
- Nếu quyền năng của người mẹ hơn quyền năng của người con thì thực tính Pháp của Mẹ sẽ đẩy lui thực tính Pháp của người con.

**** Nếu quyền năng của tham đắm, ái dục mạnh thì thực tính luân hồi mạnh, đẩy lui hay cản thực tính giải thoát.**

(10) Thiền Na Duyên – Mãnh lực tạo tác trong sự chú ý, trông coi đối tượng theo thực tính Pháp. Nếu không có thực tính Pháp của Thiền Na trong thực tính Pháp trong con người ta thì ta không có Thiền Na Duyên.

(11) Đồ Đạo Duyên – Mãnh lực dẫn dắt theo thực tính Pháp đưa đến thực tướng hiện bày. Cùng sanh, cùng diệt với mình trong đời sống hiện tại. Không biết dùng Đồ Đạo Duyên thì sẽ bị dẫn đi theo đường của nó. Biết dùng Đồ Đạo Duyên thì đẩy đến. Duyên (1) đến (11) là lực tạo nghiệp trong thời hiện tại.

(12) Tương Ứng Duyên – Mãnh lực thúc đẩy, tạo tác, hòa trộn cộng nghiệp chung với nhau.

(13) Câu Sanh Bất Tương Ứng – Mãnh lực đồng cùng sanh nhưng bất phối hợp, bất hòa hợp, bất kết hợp. Danh và Sắc là Câu Sanh Bất Tương Ứng không chung một khối. Vipassana thấy Sắc đau thì Danh bất tương ứng và muốn rời bỏ.

(14) Câu Sanh Hiên Hữu – Mãnh lực giữ lại không muốn mất.

(15) Câu Sanh Bất Ly – Mãnh lực giữ lại trong thực tính Pháp không rời Pháp, không lìa khỏi Pháp.

Đây là mãnh lực cột giữ và khóa ta lại trong Tam Giới. Ta ở trong đời và không thoát ly được.

Trong (9) Giống thì Giống Câu Sanh là có nhiều mãnh lực duyên nhất → quan trọng nhất.

- Hỏi: Tại sao trong (9) Giống, Câu Sanh có nhiều mãnh lực nhất và Dị Thời Nghiệp có ít mãnh lực nhất?
- Trả Lời: “Bỏ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”. Khi nghiệp đã gieo, quả sẽ trở do Dị Thời Nghiệp thì đã là quả rồi. Câu Sanh là nhân tạo nghiệp lực nên phải lo Câu Sanh (Nhân) chứ không chờ đến quả đã trở.

Giống Câu Sanh – là Giống ở thời bình nhật, chịu ảnh hưởng của mãnh lực của các Duyên trong Giống Câu Sanh (hiệp lực của 15 Duyên).

Do tác ý mà Câu Sanh sẽ tác ý và có mãnh lực khác nhau.

Ví Du

- (1) Ăn mà thích thì sẽ trở lại luân hồi - vì thích là đã tạo và có chủng tử luân hồi để tìm lại món ăn đó. Khi quay trở lại là luân hồi, dù là trong kiếp này, hoặc kiếp sau.
- (2) Ăn mà chi ăn để tu tập thì cắt đứt luân hồi.

2. Giồng Cảnh

Giồng Cảnh có (8) Duyên.

(1) Cảnh Duyên, (2) Cảnh Trường Duyên, (3) Vật Cảnh Tiền Sinh Ý Duyên, (4) Cảnh Cận Ý Duyên, (5) Cảnh Tiền Sinh Duyên, (6) Vật Cảnh Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên, (7) Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, (8) Cảnh Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Lục Căn (Nhãn, Nhi, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý) tiếp xúc với lục Trần (Cảnh) (Sắc Trần, Thính Trần, Khí Trần, Vị Trần, Xúc Trần, Pháp Trần. Trong Ý Căn thì có Ý Giới (mở cửa lộ trình Tâm) và Thức Giới (Tâm Đồng Lục - tạo tác nghiệp).

Ghi Nhớ

- Với Phát Thủ ta không khai thác mà thu thúc không bị chi phối bởi (5) Trần (Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc).
- Chỉ phát triển Pháp Trần (Níp Bàn - Cảnh Trường) nhìn Cảnh Trường là Níp Bàn để hướng về tu tập giải thoát.

Có những loại Cảnh bao gồm

- Cảnh Nội - thuộc Ý Căn – hay Ý Môn (Pháp)
- Cảnh Ngoại - thuộc Ngũ Căn – hay Ngũ Môn (Sắc, thính, khí, vị, xúc)

- Cảnh Hiệp Thê, Siêu Thê, Tục Đế, Chân Đế

Cảnh chịu chi phối bởi Pháp. Tâm mà có Ngã Kiến là ta bị không chế.

Ghi Nhớ

*** Cảnh mà ta còn biết được → đó là Cảnh Hiệp Thê. Nếu Cảnh Hiệp Thê dễ lập lại để ta hưởng lại → dẫn đến luân hồi.*

Cảnh hiện bày vì đã có sẵn.

Tâm bắt Cảnh là vì Cảnh đã có sẵn và đã xảy ra trong quá khứ.

Tại sao ta bắt Cảnh? – vì do thói quen.

Giồng Cảnh, rất quan trọng ảnh hưởng đến đời sống bình nhật của ta.

- Cảnh Tiền Sinh Hiện Hữu
- Cảnh Tiền Sinh Bất Ly } → Cảnh đã xảy ra, lập đi lập, lại làm cho hiện hữu, bất ly.
- Hỏi: Tại sao mình “Không Thích”?
- Trả Lời: Vì mình còn có cái “Không Thích” trong lòng nên mình không thích. Nếu mình không còn cái “Không Thích” thì mình không còn “Không Thích”.

Phải đạt đến Diệt Thọ Tướng Định – Thiên Diệt (Bậc Anahàm, Alahan) – mới không bắt Cảnh, tâm không sinh.

Ghi Nhớ

**** Chúng ta luôn bị trôi lăn trong Cảnh.**

**** Trong (8) Duyên, có 2 hai Duyên làm mãnh lực ra đi được giải thoát → đó là Cảnh Trường Duyên và Cảnh Cận Y.**

Chọn Níp Bàn làm Cảnh Trường và Cảnh Cận Y là những Cảnh dẫn đến Cảnh Trường. Đối tượng nào là Cảnh Trường thì Cảnh đó là Cảnh Cận Y. Nếu không tác ý khôn khéo, thì có Cảnh Cận Y, Cảnh Trường Bất Thiện. Trường là đối tượng sinh lên Cận Y. Đối tượng nào là Cảnh Trường thì đối tượng đó là Cận Y. Không có Cận Y là không có Cảnh Trường.

Đức Phật thấy Cảnh bệnh, lão, tử, Tăng và trở thành Cận Y với Cảnh, và sinh Cảnh Trường nên quyết lòng giải thoát bệnh, lão, tử, Tăng. Quyết lòng ra đi.

Khi thấy Cảnh Xuất Gia là Cảnh Trường mới có thể ra đi được, nếu không thì sẽ không rời được Cảnh gia đình. Vì Cảnh gia đình là Cảnh Cận Y, nên nương tựa và tạo thành Cảnh Trường và không xuất gia được.

Khẩn khích tư duy trong Cảnh Trường để nuôi Cận Y phát sinh, thì phát triển mầm giải thoát. Không khẩn khích nghĩ đến Níp Bàn và khổ đau của thế gian, thì không có giải thoát được.

Ví Du Qua hai câu

“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ

Vô duyên đối diện bất tương phùng.”

- Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ - có duyên thì ngàn xa cách cũng có khả năng gặp lại. Hữu Duyên là có duyên xuất sinh nên có tính liên hệ và muốn bảo hộ nên có hiện bày.
- Vô duyên đối diện bất tương phùng – không có duyên thì có đối diện cũng không muốn gặp lại. Vô duyên thì không có duyên, không có mầm để xuất sinh, thì không có tính liên hệ và bảo hộ, nên không có gặp nhau, hay không muốn gặp lại. **Không có duyên thì tìm Đạo cũng khó gặp.**
- Nếu là người lạc Vô Nhân thì không có duyên với Phật Pháp - bất tương phùng.
- Người Nhị Nhân, Nhất Nhân không có duyên với Phật Pháp - bất tương phùng.
- Người Tam Nhân hữu duyên với Phật Pháp và Níp Bàn sẽ đi đến - sẽ có hữu duyên gặp lại.

Hữu duyên là lập lại trong duyên có quá khứ để mà có trong hiện tại - để Hiện Hữu Bất Ly với Níp Bàn và giải thoát.

Vô duyên là Vô Hữu / Ly Khứ với Phật Pháp, Níp Bàn, thì không giải thoát và Níp Bàn được.

Suy Ngẫm

**** Đừng sợ Cảnh mà chỉ sợ Tâm mình chưa thu thúc. Ta có thu thúc, chế ngự, và diệt trừ.**

**** Có thu, chế, diệt thì Cảnh là Cảnh của ta. Nếu không biết thu thúc, chế ngự, và diệt trừ thì Cảnh không chế và làm cho ta lệ thuộc với những mãnh lực trong Giông Cảnh.**

3. Giông Vô Gian

Có (7) Duyên thuộc Giông Vô Gian.

(1) Vô Gian Duyên, (2) Đẳng Vô Gian Duyên, (3) Vô Gian Cận Y Duyên, (4) Trùng Dụng Duyên, (5) Thường Cận Y Di Thời Nghiệp Duyên, (6) Vô Hữu Duyên, (7) Ly Khứ Duyên.

Hỏi: Có hai duyên Vô Hữu / Ly Khứ trong Giông này có ý gì?

Trả Lời: Sự tu tập phải là liên tục và không gián đoạn (Vô Gian) sẽ dẫn đến được Vô Hữu / Ly Khứ là kết

quả ở cuối cùng để được giải thoát. Nếu sự tu tập bị gián đoạn, không được liên tục thì sự tu tập chỉ là một Cảnh tượng (tướng thô - không có tâm) và dẫn đến Hiện Hữu / Bất Ly không giải thoát được.

- Hỏi: Với những người Tu gieo duyên là sao?
- Trả Lời: Mình đi đường nào thì sẽ đến đường đó. Chỉ gieo thì đâu có hưởng. Không liên tục và gián đoạn thì không đạt tới được. Chưa phải là Giông Vô Gian.

Phải coi có duyên (có chủng tử) hay không, chứ đừng nghĩ gieo duyên. Còn đang gieo duyên thì chưa đủ duyên và chưa có hưởng duyên. Ngày nào ta có duyên (có chủng tử) thì ta sẽ hưởng duyên. Khi nói tu gieo duyên là chưa có chủng tử ở quá khứ và chỉ mới tạo chủng tử ở hiện tại. Người đến xuất gia thì đã có duyên trong thời quá khứ và đang trở ở hiện tại.

Ví Du

- Người ăn trộm vì Vô Gian nên tạo Bất Thiện hoài - và như thế luân hồi mãi.
- Người tu tập dùng Vô Gian để tu tập hoài và liên tục thì dẫn đến giải thoát.

Ví Du

- Đào hang và ở: Muốn hưởng trọn vẹn những gì làm ra. Dẫn đến luân hồi.
- Đào hang và không ở: Tạo ra phước báu nhưng ra đi không hưởng lấy. Tạo để trả và cho không giữ. Dẫn đến giải thoát.
- Không đào hang và không có ở: Không tạo ra và không muốn đón nhận. Không biết đời và Đạo, sống lẫn lộn và mãi đi tìm.
- Không đào hang và có chỗ ở: Một là họ có phước báu hay là đang làm bất thiện, không muốn tạo mà muốn hưởng.

Vi Du Tại Gia mà muốn giải thoát!

Tu Tại Gia	Tu Xuất Gia
Ở nhà	Ra đi không ở nhà
Hiện tại còn ở nhà	Hướng về Vị Lai
Khi nói hiện tại là có Quá khứ + hiện tại	Bỏ cả hai (quá khứ + hiện tại)
Giữ lại không buông bỏ	Bỏ hết không giữ lại (không có tham)
Ràng buộc, đeo níu	Đổi thay
Vì tế → nuôi dưỡng	Thân cận người giới đức

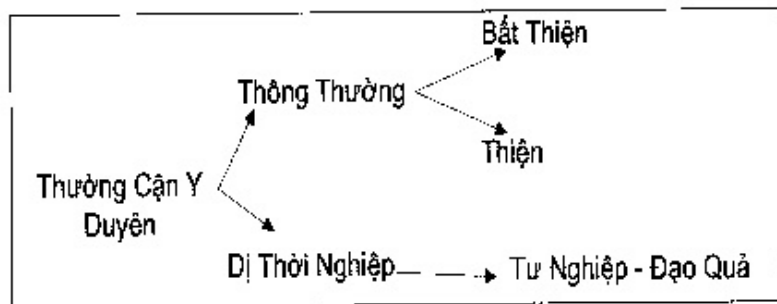
tham ái → Khổ	
	Học hỏi, trau dồi, gặt hái và thành đạt.

Anahàm và Alahán chúng đắc mà không có chúng từ xuất gia thì sẽ chết, không sống trong đời được. Dâng y Kathina là gieo chủng tử Y, Bát cho ngày xuất gia.

Phải coi cái gì mình đang nghĩ đến trong Tâm của mình. Có duyên chưa, đủ duyên chưa, hay còn đang gieo duyên.

Thường Cận Y Duyên là thường quen tu tập, hành đạo không gián đoạn để đi đến đắc Đạo. Có hai loại Thường Cận Y Duyên.

- (1) Thường Cận Y Duyên thông thường có Bất Thiện và Thiện. Đáng lo sợ với Thường Cận Y Duyên này.
- (2) Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp. Là Tu Đạo giúp cho Tâm Quả - Sơ Đạo Sơ Quả, Nhị Đạo Nhị Quả (do Thường Cận Y và Dị Thời Nghiệp).



Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp là thường quen tu tập để đi đến Đắc Đạo – liên tục thường xuyên không gián đoạn để có Tâm Đạo Tâm Quả.

Thói quen bất thiện tạo thành nét Thường Cận Y – đáng lo sợ vì khi rơi vào bốn đường ác đạo thì không ngừng làm việc bất thiện. Ví dụ như con gà không ngừng sát sanh các côn trùng và tạo nghiệp bất thiện.

Ghi Nhớ và Thức Tỉnh

**** Không có Vô Gian Thiên Giới, không có Vô Gian Nhân Loại. Nhưng có Vô Gian Địa Ngục. Đây là điều cần phải thức tỉnh. Vô Gian Địa Ngục liên tục thọ khổ, Cảnh Khổ không gián đoạn.**

Do Thường Cận Y thiện, có Tư Đạo phối hợp với Tâm Sở Tư và Tâm Đạo đưa đến Đạo Quả. Tâm Đạo hướng Tâm Sở Tư về Níp Bàn lấy đối tượng là Níp Bàn thì hướng lấy Quả Níp Bàn. Muốn như vậy phải có Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp Duyên và liên tục không gián đoạn.

Tâm Sở Tư + Tâm Đạo (Sơ Đạo, Nhị Đạo, Tam Đạo, Tứ Đạo) → Đắc Đạo Quả Níp Bàn. Tâm Sở Tư là Tâm Sở Biến Hành với Tâm Sở Tác Ý.

Ghi Nhớ

**** Giống Vô Gian có hai mãnh lực rõ ràng, một mãnh lực giúp đỡ, hỗ trợ sự luân hồi, và một mãnh lực giúp đỡ hỗ trợ sự giải thoát.**

4. Giống Vật Tiền Sinh

Có (6) Duyên trong Giống Vật Tiền Sinh. Thần kinh (Căn) sinh trước làm chỗ nương nhờ cho Tâm Thức.

(1) Vật Tiền Sinh Duyên, (2) Vật Tiền Sinh Y Duyên, (3) Tiền Sinh Quyền Duyên, (4) Vật Tiền Sinh Bất Tương Ứng Duyên, (5) Vật Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, (6) Vật Tiền Sinh Bất Ly Duyên.

Có thần kinh (Căn) sinh lên trước làm chỗ nương tựa cho Tâm Thức → để biết được Cảnh. Cảnh là đối tượng.

Có Tâm Thức, có Thần Kinh mới biết được Cảnh. Ba yếu tố này là Xúc

Ví Du

Tâm Nhân Thức + Thần Kinh Nhân và có Cảnh Sắc = Nhân Xúc.

Mỗi khi hiện tại có, thì có quá khứ trước làm Vật Tiền Sinh (Vật sinh trước). Khó thoát ra khỏi mãnh lực duyên này (do hiện hữu / bất ly).

- Tôi có mắt tôi có quyền nhìn
 - Tôi có tai tôi có quyền nghe
- } → Ta tao bản ngã để không thoát ra được do Vật Tiền Sinh.

Ghi Nhớ và Suy Ngẫm

- *Vật Tiền Sinh bảo vệ và xây dựng một hữu ngã – ngã chấp (do mãnh lực của Tiền Sinh Quyền Duyên).*
- *Ta có thắng, ta vượt qua, hay ta bị không chế bởi Vật Tiền Sinh Duyên là do quyết định của ta.*

Vật Tiền Sinh có (6) mãnh lực Duyên, và phải cần có Giống Cảnh (8 Duyên) làm đối tượng kết hợp. Giống Cảnh hiện bày do Câu Sanh Duyên (15 Duyên). Mãnh lực của những Duyên của 3 Giống này hiệp lực cho ta đi luân hồi mù mịt. Phải cẩn thận!

Nếu không biết dùng mãnh lực Tiền Sinh Duyên theo chiều lợi là đánh mất những gì tốt đẹp đã tạo trong quá khứ (Chủng Tử).

Ghi Nhớ

- *Bác bỏ là cực đoan*
 - *Nắm giữ là khờ dại*
 - *Xử dụng được là Phát Thú!*
- } → Lấy Tri Tuệ Đức Phật giải quyết mọi Pháp trong đời.

Tri Tuệ Đức Phật

- (1) Không gian ba chiều: Xác định sự sống, và vị trí của ta đang ở đâu.
- (2) Ba Thời Gian: Ta đang sống trong hiện tại, quá khứ, hay sống trong vị lai ngay tại thời điểm suy nghĩ.
- (3) Ba Lực Tác Động: Biết đang là căn của Pháp Nghịch, hay là đây của Pháp Thuận. Hay là đây của Pháp Nghịch và căn của Pháp Thuận.

Ứng dụng Tri Tuệ Đức Phật

Đang ở trong lớp học Phát Thú – là đang ở vị trí tu học Phát Thú, diệt mầm luân hồi, sinh mầm giải thoát.

- Ta đang ở đâu – Đang ở Phát Thú
- Ta đang ở vị trí nào – Là vị trí tu học
- Sự sống – Là diệt mầm luân hồi
- Xác định - Là sinh mầm giải thoát.

Suy Ngẫm

**** Không biết ta đang bị mãnh lực đẩy, hay cản thì ta mất Phát Thú. Đánh mất Trí Tuệ Đức Phật!**

**** Ngay thời điểm này ta đang sống ở thời nào? Quá khứ, chuyển khởi, hay vị lai.**

Ví Dụ Khi đói và Vật Thực.

Khi đói thì vật thực là vật cám dỗ nếu không biết Phát Thú.

Không hiểu Phát Thú ta rớt trong mãnh lực nào? Ta sẽ nói một trong hai.

- (1) Nếu rớt vào mãnh lực đói lôi kéo thì ta không kén chọn vật thực.
- (2) Nếu rớt vào mãnh lực vật thực thì ta kiếm chế được đói, và lựa chọn thức ăn.
- (3) → Cả hai điều chịu mãnh lực lôi kéo vì thế sẽ bị Thường Cận Y Duyên, và sẽ bị lôi kéo những lần sau.
 - a. Chịu mãnh lực đói thì chịu ảnh hưởng của Giống Thường Cận Y Duyên, không bao giờ biết đủ để giải quyết cái đói.
 - b. Chịu mãnh lực vật thực thì chịu ảnh hưởng Giống Cảnh, lôi kéo vào vật thực hay là Tiền Sinh.

Ghi Nhớ

- **Biết Phát Thú thì sẽ dùng thu, chế, diệt để chế ngự không bị lôi kéo bởi Giống Thường Cận Y, hay Giống Cảnh.**
- **Tác ý khôn khéo là xử dụng Phát Thú!**

Ứng Dụng Trí Tuệ Đức Phật Bệnh - Sự Chết

Không có Phát Thú mãnh lực nào sẽ chinh phục ta giữa cái bệnh và sự chết?

- Chết chưa đến nhưng bệnh chữa không hết thì lo sợ chết.

Phát Thú – xem xét theo Trí Tuệ Đức Phật

- Xác định vị trí ta ở đâu – Ta là người Phật Tử.
- Vị Trí (Không Gian ba chiều): Ta nhìn ta hay ta nhìn cái bệnh?
 - Ta phải nhìn thấy ta thì quán thấy bệnh, lão, tử.
 - Thấy ta bị bệnh thì không chế ngự được ta.
- Ba Thời Gian: Ta đang bị bệnh là ta đang sống ở quá khứ hay hiện tại?
 - Ta đang sống trong quá khứ, và nghĩ đến vị lai (lo âu không biết ta có hết bệnh hay không).
 - Ta mất thời điểm đang suy nghĩ.
- Ba lực tác động: Cản, đẩy, hay trì kéo?

- Bệnh là Pháp Thuận đầy ta tu tập.
- Bệnh là Pháp Nghịch cán đường tu tập – vì ta buồn rầu mắt di hiện tại.
- Bệnh là phương tiện để ta nhìn thấy lại ta!
- Ta hiểu con người của ta, thì ta thấy được thực tính Pháp hiện bày, và thấy được thực tướng Pháp, thì ta giải quyết ra đi.

Suy Ngẫm

**** Khi ta đau mà ta giải quyết cái đau là ta không nhìn thấy ta như thế nào.**

**** Khi ta không biết được ta, thì ta không biết được thực tính Pháp của ta. Ta phải biết được thực tính Pháp của con người ta.**

Hỏi: Bệnh và sự chết, ta xem cái nào nặng cái nào nhẹ?

- (1) Với người nặng về vật chất sợ chết hơn bệnh - Thực tính duyệt ý.
- (2) Với người sợ bệnh hơn chết là nặng về tinh thần - Tư duy duyệt ý. Bệnh là Cảnh Trường.

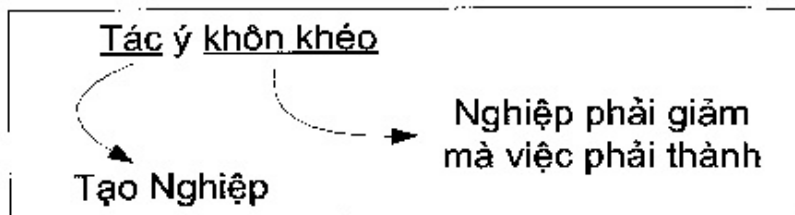
Ghi Nhớ

**** Người Phật tử theo Phát Thú**

- **Xác định ta đang tu tập, hiểu được mỗi phút giây bệnh là ta phải hiểu phút giây đã chết của sức khỏe, của sự sống.**
- **Sự chết sẵn sàng đến từng phút giây.**
- **Sống trong hiện tại để thâm thấu Trí Tuệ Đức Phật.**

Mở rộng về phận sự người Xuất Gia

- Mọi người cho là đời sống của người Xuất Gia theo Nguyên Thủy là ích kỷ, chỉ lo cho mình là không đúng.
- Mới xuất gia là Sa Di phải lo tu học, không giao tế, không phận sự là không tiếp xúc. Phải lo tu tập để trả ơn Đản Na Tín Thí. Khi nào có phận sự mới được làm và tiếp xúc.
- (8) ngọn gió đời người Xuất Gia không dính vào, lo tu tập để giải thoát. Người Xuất Gia hưởng Thánh Sản (Siêu Thế) của Đức Phật chứ không phải Thế Sản (8 ngọn gió Đời của thế gian). Khi đạt Quả Alahán, Phật mới khuyên đi độ chúng sanh.
- Phải dùng Ý Giáo, Thân Giáo, Khẩu Giáo và đúng thời đúng lúc để giáo huấn người. Không nên chỉ dùng Khẩu Giáo.



Suy Ngẫm

Việc Tu, tác ý khôn khéo → là bớt nghiệp và phải trở sinh quả Níp Bàn!

5. Giống Hậu Sanh

Có (4) Duyên trong Giống Hậu Sanh.

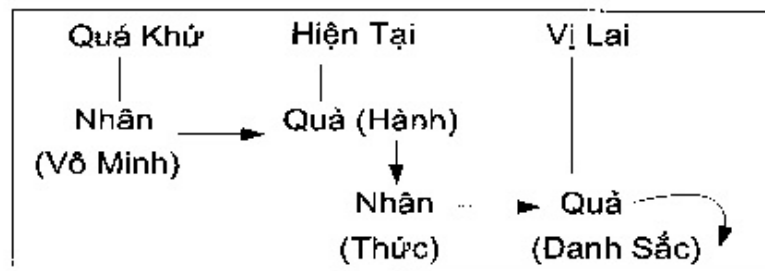
(1) Hậu Sanh Duyên, (2) Hậu Sanh Bất Tương Ứng Duyên, (3) Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên, (4) Hậu Sanh Bất Ly Duyên.

- Có Tiền Sanh thì có Câu Sanh
 - Có Câu Sanh thì có Hậu Sanh
- } → Theo một sự Vô Gian và liên tục của Đấng Vô Gian. Hậu Sanh không cần Cảnh Duyên, khi có Danh Pháp thì Hậu Sanh sẽ hiện bày.

Theo như con đường tu tập.

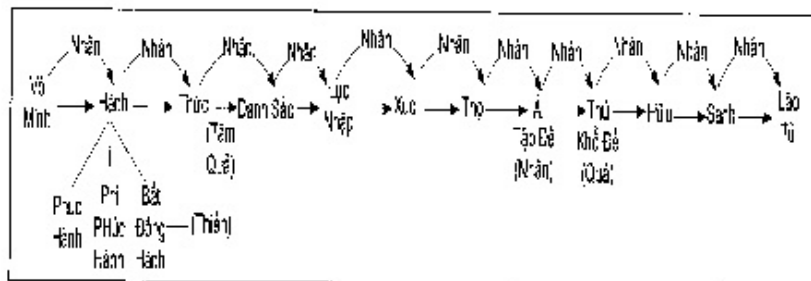
- Hiện Tại là cái quả của quá khứ (Tiền Sanh).
Quá khứ là nhân, trở quả hiện tại

- Hậu Sanh là cái quả của hiện tại (Câu Sanh).
Hiện tại là nhân, trở quả vị lai.



Có (8) cái Vô Minh

- (1) Bất tri Khổ Đế - Không biết Khổ Đế
- (2) Bất tri Tập Đế - Không biết nguyên nhân tạo ra Khổ
- (3) Bất tri Diệt Đế - Không biết diệt tắt Khổ
- (4) Bất tri Đạo Đế - Không biết có còn đường để diệt khổ
- (5) Bất tri Nhân đã qua - Không biết nhân tạo tác
- (6) Bất tri Quả hiện tại - Không biết quả trở sanh
- (7) Bất tri liên quan nhân quả - Không biết sự liên quan của nhân và quả. Có nhân thì sẽ có quả.
- (8) Bất tri liên quan tương sinh (12 Nhân Duyên).



Tâm Quả đi tục sanh do bởi hành động của Hành. Hành có ba loại.

- Phúc Hành - Nếu hành là thiện đưa Tâm Quả Thiện.
- Phi Phúc Hành
- Bất Động Hành – Hành động tu tập.

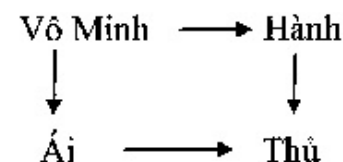
Tại sao ta làm Phúc Hành và Phi Phúc Hành? Vì Vô Minh nên hành. Vô minh nên tạo ra hành động. Do quả (Tâm quả của Thức) của hành động mà có một Danh Sắc (Con người) hiện hữu.

Ghi Nhớ

- Vô Minh là nhân sinh khởi cho sự luân hồi và ra đời của con người. Bỏ Vô Minh thì không có nhân cho con người (Danh Sắc). Vô minh là nhân quả khứ cho con người.
- Cắt Ái để không còn dính mắc và không còn dính mắc thì sẽ không còn hiện hữu. Ái là nhân hiện tại

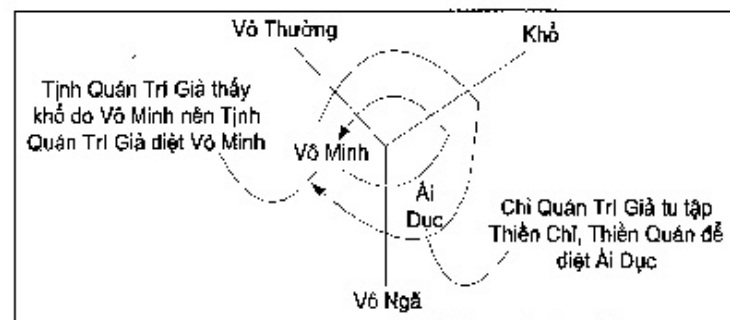
để hiện hữu và không bất ly, và như thế không giải thoát.

- Hai mãnh lực Vô Minh và Ái làm con người có mặt rồi dính mắc (Thủ) và muốn hiện hữu và rồi bị luân hồi.



Do hai đầu mối Vô Minh (Nhân của quá khứ) và Ái (Nhân của hiện tại) mà ta luân hồi. Đức Phật nói bỏ cái Vô Minh và chặt cái Ái thì ta không còn luân hồi. Còn người do Ái dục nên giữ lấy và muốn hiện hữu.

Do Ái nên muốn chấp giữ (Thủ) và Vô Minh xúi dục tạo hành động (Hành) để giữ lấy.



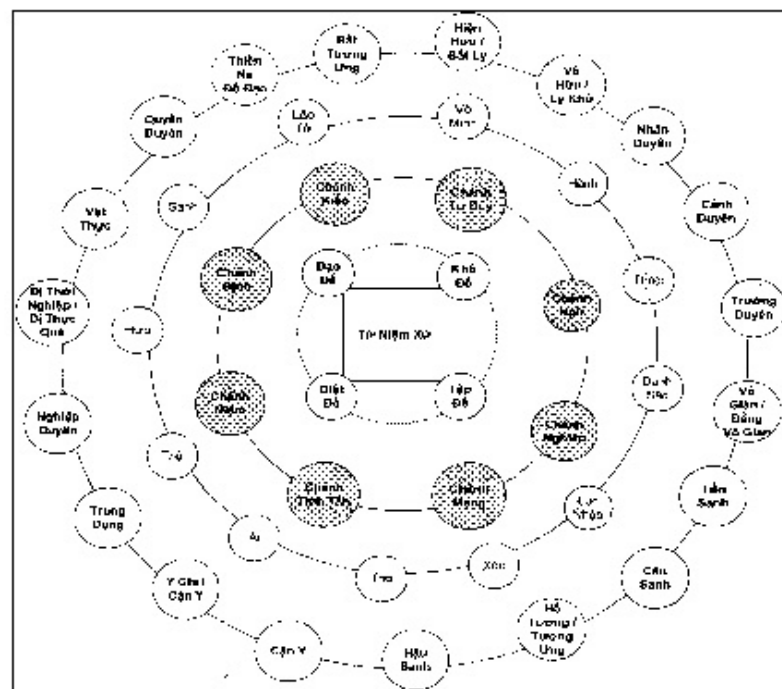
Ghi Nhớ và Suy Ngẫm

Không phải ngẫu nhiên mà Đức Phật nói đến 24 Duyên và không phải ngẫu nhiên mà con số là 24 Duyên. Nếu nhìn về sự liên quan tương kết của Tứ Đế (4), Bát Chánh Đạo (8), và Thập Nhị Nhân Duyên (12) thì tổng cộng là 24 = với con số 24 Duyên.

Kết Hợp Tứ Niệm Xứ, Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, 12 Nhân Duyên, và 24 Duyên.

Qua sự kết hợp của Tứ Niệm Xứ, Tứ Đế, Bát Chánh Đạo, 12 Nhân Duyên, và 24 Duyên:

- (1) Lấy Tứ Niệm Xứ nhìn thấy Tứ Đế.
- (2) Lấy Tứ Đế hành Tứ Niệm Xứ.
- (3) Kết hợp Bát Chánh Đạo cùng với Tam Vô Lậu Học (Giới, Định, Tuệ) thấy được sự kết cấu tương quan nhân quả của 12 Nhân Duyên, để bẻ gãy 12 Nhân Duyên qua ảnh hưởng của mãnh lực 24 Duyên.



6. Giống Vật Thực

Có (3) Duyên trong Giống Vật Thực.

- (1) Sắc Vật Thực Duyên
- (2) Vật Thực Hiện Hữu Duyên
- (3) Vật Thực Bất Ly Duyên

“Nhất thiết chúng sanh duy thực tồn” – Tăng Chi Bộ Kink (1 Chi).

Tất cả chúng sanh trong Tam Giới tồn tại nhờ bởi vật thực (Sắc Vật Thực và Danh Vật Thực).

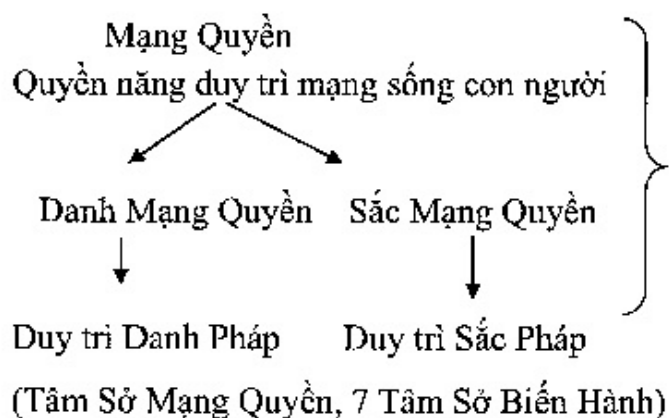
Đức Phật dạy hành thiền để có trí tuệ. Nuôi Danh Pháp chứ không lo Sắc Vật Thực.

7. Giống Sắc Mạng

Có (3) Duyên trong Giống Sắc Mạng Quyền

- (1) Sắc Mạng Quyền Duyên
- (2) Quyền Hiện Hữu Duyên
- (3) Quyền Bất Ly Duyên

Sắc Pháp có quyền duy trì mạng sống. Muốn nuôi mạng sống lệ thuộc vào Vật Thực.



Cuộc sống của ta không qua khỏi mạng quyền.
Tâm Sở Mạng Quyền nằm trong Tâm Hữu Phần để duy trì sự sống khi ta ngủ → khác với tử thi.

Thiền Vô Sắc Giới (Tứ Thiền - Đắc Tầng Thiền Thứ Tư) có khả năng tách rời Danh Vật Thực và Sắc Vật Thực để không bị ảnh hưởng tác động bởi Sắc Pháp chỉ sống với Danh Pháp. Không Vô Biên Xứ trở lên không còn Sắc Pháp chỉ có Danh Pháp.

Tu tập Bát Quan Trai là thu thúc Sắc Mạng Quyền.

Cảnh thi có:

- Cảnh Sắc: Có Cảnh thấy được (Nhãn thức)
- Cảnh Pháp: Cảnh trong Tâm Thức (Ý thức)

Khi qua khỏi khả năng biết được của Tâm Nhãn Thức về Cảnh Sắc, thì lúc bấy giờ hình thành ra Cảnh Pháp được biết bởi Tâm Ý Thức. Ta gọi Cảnh Pháp thuộc về Danh Pháp, không còn thuộc Sắc Pháp.

- Pháp Hành Ma (Danh / Sắc) – Vô Thường
- Phiền Não Ma (Danh) - Khổ đau (Tịnh Quán Trí Giả thấy khổ đau)
- Ngũ Uẩn Ma (Danh / Sắc) – Vô Ngã (Chi Quán Trí Giả thấy thực tướng Vô Ngã qua thiền Quán)
- Tử Thân Ma (Danh).

8. Giống Thường Cận Y

Có (2) Duyên trong Giống Thường Cận Y. Giống Thường Cận Y là luôn luôn gần gũi để nương nhờ.

Thường Cận Y có hai loại

- (1) Thuần Thường Cận Y Duyên: Là Tâm Sở sanh trước, Sắc và Chế Định có năng lực làm việc giúp đỡ cho các Tâm, Tâm Sở sanh sau. Mạnh lực tạo thói quen.
- (2) Hồn Hợp Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp: Là Tư nghiệp có năng lực mạnh (trừ nghiệp Tư Đạo) làm việc giúp đỡ cho Danh Uẩn Quả Dị Thục.

Thói quen là do chúng từ từ quá khứ do Dị Thời Nghiệp Duyên. Nếu ta không sắp xếp cuộc đời cho ta, thì Thường Cận Y Duyên sẽ sắp xếp cho ta.

Thói quen do môi trường, hoàn cảnh, và con người tác động mình. Mình thay đổi và biến chuyển theo môi trường mà không hay biết.

Con người chịu hai thói quen, thuần thường do ta tạo và hồn hợp là do sự hỗ trợ của môi trường tác động lên ta, làm ảnh hưởng và thói quen cho ta.

- (1) Thói quen thuần thường đủ mạnh thì không cần Hồn Hợp.
- (2) Nếu không đủ thuần thường mạnh về đường tu tập, phải cần Hồn Hợp Thường Cận Y tốt, cần môi trường, hoàn cảnh tốt.

Mình hoà hợp với Hồn Hợp Thường Cận Y là do Dị Thời Nghiệp của mình và Dị Thời Nghiệp của Hồn Hợp.

Sống trong đời ta có hai trường hợp có hai lối đi

- (1) Thuần Cận Y + Hồn Hợp Siêu Thế → để có Siêu Thế.
- (2) Thuần Cận Y + Hồn Hợp Hiệp Thế → để cho Hiệp Thế

Danh Pháp thay đổi rất vi tế mà ta không hay biết cho nên gắn với Hồn Hợp Thường Cận Y phải cẩn thận vì “Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng”.

Hỏi: Ta sao ta có Hiệp Thế?

Phải nhìn lại Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp.

Ghi Nhớ

**** Nếu ta không có chúng từ Siêu Thế, chỉ có Hồn Hợp Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp của Hiệp Thế, đó là thuộc giống Thường Cận Y. Ta phải đổi qua Thường Cận Y Dị Thời Nghiệp thuộc Giống Vô Gian để có được chúng từ Siêu Thế và có được con đường đi mới đến giải thoát Níp Bàn. Gieo hạt giống giải thoát.**

Thường Cận Y	Ồ	Thường Cận	Ồ	Giống
--------------	---	------------	---	-------

Giống Vô Giác	Thường Cận Y
- Liên tục không gián đoạn	- Thói quen tái tạo hình thành
- Siêu Thế: Tu tập nỗ lực không gián đoạn.	- Siêu Thế: Nương nhờ dựa vào tha lực
- Tự giải thoát	- Cần có sự giúp đỡ để giải thoát.

Khi nói đến Thường Cận Y là nương nhờ gần gũi, là gần gũi và bám lấy.

Thường Cận Y có 3 loại:

- (1) Loại đưa đến Giải Thoát thuộc Giống Vô Giác.
- (2) Loại ảnh hưởng tác động ở Hiệp Thế là Giống Thường Cận Y Thuần.
- (3) Loại ảnh hưởng tác động ở Hiệp Thế là Giống Thường Cận Y Hồn Hợp.

Hồn Hợp Thường Cận Y

- Gần môi trường xấu bị ảnh hưởng xấu.
- Gần môi trường tốt, tu tập thì ảnh hưởng tu tập – nhưng trường hợp này khó hơn gần gũi và tác động ảnh hưởng của môi trường không tốt.

Hỏi: Tại sao ta biết được ta có chủng tử Siêu Thế hay không?

Trả Lời: Nếu ta nghe Vô Thường, Khổ, Vô Ngã mà suy tư, rung động và lo tu tập → thì ta có Siêu Thế. Tu tập trong Lời, Ý, Thân để ý vào Khổ, Vô Thường, Vô Ngã → thì có Siêu Thế.

Có khi ta nghe Vô Thường, Khổ đau, Vô Ngã mà không thấy được, và tu tập như thế thì không có Siêu Thế chủng tử.

Ghi Nhớ và Suy Ngẫm

**** Sự luân hồi → thì đừng tạo nghiệp Hiệp Thế. Còn tạo nghiệp Hiệp Thế mà nói chuyện Siêu Thế là mâu thuẫn chính mình.**

Trong (9) Giống, có (8) Giống tác động ảnh hưởng ta trong vòng luân hồi. Chỉ có một Giống Vô Giác là giúp ta thoát ly nhưng Giống này ta khó hành và bất lực (vì là Vô Giác – liên tục không ngừng nghỉ).

9. Giống Dị Thời Nghiệp

Có (1) Duyên trong Giống Dị Thời Nghiệp là Dị Thời Nghiệp Duyên. Dị Thời Nghiệp là Tư Nghiệp có năng lực yếu làm việc giúp đỡ cho Dị Thục Quả và Tư Nghiệp có năng lực mạnh và yếu, làm việc giúp đỡ cho Sắc Nghiệp.

Tư Nghiệp = Tâm Sở Tư (loại Tâm Sở Biến Hành) là nghiệp.

- Tư hình thành một nghiệp báo
- Tác ý hiện bày một nghiệp
- Thúc đẩy tạo ra hành động ý, lời, thân

Thiếu chánh niệm để Tư tác ý tạo nghiệp. Mọi tác ý mọi hành động là có Tư ngấm ngấm tạo một nghiệp.

Sắc Nghiệp có 3 loại:

- (1) Tái tục do ảnh hưởng của Tư nghiệp
- (2) Bình nhật (Thời hiện tại) – càng tu theo Chánh Pháp thì tươi sáng
- (3) Vị lai

Sắc nghiệp có là do Tư nghiệp (Danh Pháp). Bốn yếu tố tạo một con người:

- (1) Nghiệp
- (2) Tâm
- (3) Vật Thực
- (4) Quý tiết

Ghi Nhớ

- ***Phải nhớ Dị Thời Nghiệp và Thường Cận Y Duyên. Đây là hai mãnh lực dẫn mình đi***

luân hồi dễ dàng. Và rất quan trọng vì ta khó bỏ được những thói quen của ta.

- *Có khi thói quen khó bỏ, có khi không muốn bỏ, có khi nghĩ là không đáng để bỏ.*
- *→ Mãnh lực làm cho ta luân hồi là do chính ta tạo ra!*

Ghi Nhớ và Suy Ngâm

- *Thấy được Duyên Sinh, Duyên Hệ là thấy được Vô Ngã!*
- *Thường Cận Y là nuôi dưỡng bản ngã của mình!*

Phải nhìn thấu Pháp thì Pháp sẽ vào được – Dòng nghiệp là tái tạo và tạo tác.

Dị Thời Nghiệp sẽ theo ta đến khi nào thành Thánh. Với Câu Sanh Nghiệp thì sẽ diệt được Dị Thời Nghiệp.

Có hai mãnh lực Duyên tác động ta nhiều nhất là Dị Thời Nghiệp và Thường Cận Y Duyên. Ta đến thế gian này do bởi Dị Thời Nghiệp Duyên. Ta sống trong đời này do Thường Cận Y Duyên. Thường Cận Y lại làm cho ta lập lại kiếp sống khác vì thói quen có khi khó bỏ, có khi không muốn bỏ, có khi không đáng để bỏ. Vì nghĩ như thế con người tái tạo do Thường Cận Y Duyên (thói quen).

PHẦN V

**GIỚI THIỆU VỀ THỜI
TRONG 24 – 47 DUYÊN**

GIỚI THIỆU VỀ THỜI TRONG 24 – 47 DUYÊN

1. Thời Hiện Tại

Có (17) Duyên thuộc Thời Hiện Tại.

(1) Nhân Duyên, (2) Câu Sanh Trưởng Duyên, (3) Câu Sanh Duyên, (4) Hồ Tương Duyên, (5) Y Chi Duyên, (6) Tiền Sinh Duyên, (7) Hậu Sanh Duyên, (8) Câu Sanh Nghiệp Duyên, (9) Dị Thục Quả Duyên, (10) Vật Thục Duyên, (11) Quyền Duyên, (12) Thiền Na Duyên, (13) Đồ Đạo Duyên, (14) Tương Ứng Duyên, (15) Bất Tương Ứng Duyên, (16) Hiện Hữu Duyên, (17) Bất Ly Duyên.

Tại sao Tiền Sinh và Hậu Sinh Duyên ở trong Thời Hiện Tại?

Con người luôn nghĩ về quá khứ và tương lai nên quên mất / đánh mất hiện tại.

Đức Phật cho ta thấy Tiền Sinh và Hậu Sanh trong Thời Hiện Tại là chỉ cho chúng ta thấy rằng con người luôn sống trong quá khứ, lo suy nghĩ đến tương lai, mà đánh mất thời hiện tại.

Nếu không khéo tác ý thì sẽ lo lắng hoài. Người không có Tiền Sanh và Hậu Sanh trong thời hiện tại thì vụng về, cuộc sống không chu đáo. Tất cả phải có tác ý khôn khéo.

Có Bình Nhật thì ta có hiện tại. Không có Bình Nhật, mất thời hiện tại. → Chánh niệm và tỉnh giác và có bình nhật và hiện tại trong mỗi Lời nói, Thân hành động, Ý nghĩ. Khi có Bình Nhật thì sẽ thấy được Thường Cận Y và bẻ gãy được Dị Thường Nghiệp.

Hiện thời tại là thời Bình Nhật, không có Dị Thời Nghiệp, và không có Thường Cận Y. Chỉ có Câu Sanh Nghiệp.

Ghi Nhớ

- *Câu Sanh Quyền, Câu Sanh Trưởng là cơ hội sửa Thường Cận Y và Dị Thời Nghiệp Duyên.*
- *Biết được thời gian là biết được giá trị sự sống của mình.*
- *Thực tình để lập nguyện mà giải thoát. Dùng Duyên thuộc thời hiện tại → để diệt Dị Thời Nghiệp và Thường Cận Y của quá khứ và thói quen hiện tại.*

Tử Chánh Tín

- Tin nhân
- Tin quả
- Tin mỗi chúng sanh có nghiệp riêng
- Tin vào Trí Tuệ Đức Phật

- → Đây là Phát Thủ! Diệt hoại nghi, Kiết Sử. Hoại nghi là do Dị Thời Nghiệp và Thường Cận Y.

Muốn Tu Tập / Hành Đạo trong thời Bình Nhật cần phải biết ứng dụng mãnh lực của (17) duyên của Thời Hiện Tại một cách thích hợp.

- (1) Trước tiên xây nền tảng bởi 3 nhân của Nhân Duyên là (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).
- (2) Bước tiếp tu tập Tứ Trường của mãnh lực Câu Sanh Trường Duyên (Dục, Cần, Tâm, Thâm).
- (3) Tác ý khôn khéo kết hợp 2 mãnh lực Nhân Duyên và Câu Sanh Trường Duyên cùng một lúc phát sanh bởi Câu Sanh Duyên.
- (4) Hành Giả khéo léo dùng Nhân Duyên hỗ trợ Câu Sanh Trường do bởi mãnh lực Hộ Tương Duyên.
- (5) Không rời những mãnh lực kết hợp các Duyên này bởi do xử dụng Y Chỉ Duyên.
- (6) Lấy Tứ Niệm Xứ, Pháp Quán trước kia có được biết, làm mãnh lực Tiên Sinh Duyên.
- (7) Quán tưởng thấy được thực tướng Pháp trong các thực tính khi tu hành Tứ Niệm Xứ, do bởi Hậu Sanh Duyên.
- (8) Liên tục tạo tác, cắt đứt Dị Thời Nghiệp do bởi mãnh lực Câu Sanh Nghiệp.

- (9) Hiện bày những quả phước báu trở sanh qua việc tu tập Câu Sanh Nghiệp, với mãnh lực Dị Thực Quả.
- (10) Tư duy, hiểu biết, quán xét các Danh Sắc thay đổi theo thực tính, bởi Vật Thực Duyên.
- (11) Năng lực Ngũ Quyền phát triển diệt kiết sử phiền não bởi Quyền Duyên (Tin, Tấn, Niệm, Định, Tuệ).
- (12) Hành thiền quán Tứ Niệm Xứ liên tục (Vô Gian Duyên / Đẳng Vô Gian) bởi Thiên Na Duyên.
- (13) Tiến tới Đạo Đế phát triển để đạt Diệt Đế bởi Đồ Đạo Duyên.
- (14) Thiên Na + Đồ Đạo Duyên hòa hợp trong việc tu tập bởi Tương Ứng Duyên.
- (15) Danh Sắc hiện bày bất hợp trong khi quán sát bởi Bất Tương Ứng Duyên.
- (16) Tiến tu, nắm lấy không rời ngay hiện tại, do bởi Hiện Hữu Duyên.
- (17) Và bất ly sự hành Đạo do bởi Bất Ly Duyên (không rời con đường hành đạo cho đến khi nào thành đạo Quả).

Khai Triển Câu Sanh Trường (Tứ Trường) và Nhân Duyên (4)

	Vô Tham	Vô Sân	Vô Si
--	---------	--------	-------

Dục	4	3	3
Cần	3	4	4
Tâm	2	2	2
Thâm	1	1	1
	Tham	Sân	Si

Dục + Vô Tham để diệt Tham Dục và Tác Dục. Trong bảng khai triển Tứ Trường và Nhân cho thấy.

- (1) Lãnh vực nào cũng dùng trí tuệ làm hàng đầu, quan trọng trong con đường tu tập diệt Tham, Sân, Si.
- (2) Tâm là hàng quan trọng thứ hai. Phải có Tâm mới tu được.
- (3) Lấy Thâm Trường (Trí tuệ) làm trường cho Thời Bình Nhật không mất Câu Sanh. Nếu không dùng trí tuệ mà dùng Dục, Cần thì xử dụng lại những gì đã dùng trong quá khứ. *Nhưng quá khứ đã không thành tựu thì tại sao phải dùng lại những gì trong quá khứ!*

Khai Triển Y Chỉ Duyên

Để cho một người không y chỉ nương nhờ hoài, thì phải đưa họ đến Tiên Sinh Duyên và Hậu Sanh Duyên, nếu họ thấy sâu sắc thực tính.

Ghi Nhớ và Suy Ngẫm

- *Người tu một thời gian thì có được và hưởng được Danh Vật Thực. Nhưng nếu không có Quyền Duyên đưa ra khỏi và thúc đẩy đến Đạo Quả thì họ sẽ xây dựng bản ngã và ở lại trong Pháp để hưởng Pháp.*
- *Quyền dùng Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ để đẩy họ đến Đạo Quả.*

Ghi Nhớ

**** Không quên mục đích rốt ráo của mình là Giải Thoát!**

2. Thời Quá Khứ

Có (7) Duyên thuộc Thời Quá Khứ. (1) Vô Gian Duyên, (2) Đẳng Vô Gian Duyên, (3) Vô Gian Cận Y Duyên, (4) Trùng Dụng Duyên, (5) Dị Thời Nghiệp Duyên, (6) Vô Hữu Duyên, (7) Ly Khứ Duyên.

- (1) Có quá khứ thì có hiện tại. Những gì hiện bày ở hiện tại là dùng lại quá khứ.

- (2) Hiện tại dừng lại của quá khứ thì hiện tại này thuộc quá khứ.
- (3) Dừng quá khứ vào trong hiện tại không gián đoạn thì quá khứ và hiện tại thành một.
- (4) Lập đi, lập lại trong quá khứ thì có hiện tại hình thành.
- (5) Hành động dừng lại của quá khứ tái tạo hiện tại, ảnh hưởng của quá khứ.
- (6) Quá khứ ra đi sẽ có hiện tại.
- (7) Quá khứ lia bỏ, hiện tại hiện tại (Vô Hữu / Ly Khứ).

Hỏi: Làm sao biết được một hành động là do quá khứ tái tạo (Dị Thời Nghiệp) hay Câu Sanh Nghiệp?

Suy Ngẫm

**** Ta sợ quá khứ hay ta sợ ta không buông bỏ quá khứ!**

Ghi Nhớ

- *Bầy duyên của Thời Quá Khứ ảnh hưởng trong khi hành thiền.*
- *Trên con đường tu tập những cái cũ trong quá khứ, đang ở trong hiện tại, là những cái không thành đạt trong quá khứ, như vậy thì giữ lại làm gì.*

- *Phải thay đổi ly khứ cái đã không thành để có hiện tại.*

Suy Ngẫm

**** Chúng ta phải dùng quá khứ để thấy một sự thật hiện tại, từ đó hình thành một cái hiện tại không còn ảnh hưởng quá khứ.**

**** Ta sống theo thói quen, giận hờn, buồn vui theo quá khứ, mà không thấy được sự thật con người ta qua giận hờn, buồn vui trong quá khứ, và không thấy hiện tại.**

3. Cả Ba Thời

Có (2) Duyên thuộc cả ba thời (quá khứ, hiện tại, vị lai).

- (1) Cảnh Trường Duyên
- (2) Cảnh Cận Y Duyên

Cảnh lớn mạnh ảnh hưởng nhiều, ghi đậm sâu sắc, không quên được → đưa đến sống với Cảnh trong cả ba thời, và không quên được.

Những cái gì mà gần gũi, thân cận thường xuyên hiện hữu, nương đổ vào nhau, sống lại trong ba thời.

Cảnh chi là nhất thời. Cảnh trở thành đối tượng thì giữ lại trong ba thời.

Cảnh chi hiện bày trọn nhất thời. Đối tượng là do Tâm tái tạo từ nơi Cảnh được lập lại trong cả ba thời. Đó là Cảnh Trường Duyên và Cảnh Cận Y Duyên.

Khi ta hành thiền thì phải nhìn thấy Cảnh và thực tính chứ không thấy đối tượng. Dùng đối tượng làm phương tiện để thấy một sự thật và rồi buông bỏ và thấy thực tính để không rơi vào giữ đối tượng trong ba thời.

Từ ban đầu ta có Cảnh, Cảnh được lập lại do bởi tâm thức hình thành một đối tượng hiện hữu trong Tâm cả ba thời. Nhìn thấy đối tượng của Tâm Thức hiện hữu trong cả ba thời, nhận thấy một sự thật của đối tượng chi do Tâm thức nuôi dưỡng. Qua đó thấy được bản chất thực tính Pháp của Cảnh ban đầu.

Danh Sắc là Cảnh Trường → là cái thực tính chứ không phải Cảnh.

Tứ Tuệ phân tích – Patīsambhida: Vô Ngại Giải

- (1) Pháp Vô Ngại Giải
 - (2) Biện Vô Ngại Giải
 - (3) Lý Vô Ngại Giải
 - (4) Từ Vô Ngại Giải
- Lý = Là theo lý phổ thông

- Sự = Là theo sự làm
- Lý còn chưa đúng Pháp, sự thì đúng Pháp
- Sự là thực tính Pháp!

4. Ba Thời Và Ngoại Thời

Có (2) Duyên thuộc cả 3 Thời và Ngoại Thời là Cảnh Duyên và Thường Cận Y Duyên.

- Quá Khứ
- Hiện Tại
- Vị Lai
- Ngoại Thời: Nằm ngoài thời gian ba thời
- Níp Bàn – Không còn phiền não trong Tâm

Nibbàna: Ni = Không; Vana = Rừng phiền não

Chế Định: Không xác định thời gian. Ngoại thời là chế định do người đặt ra vì không biết được thời gian.

Cảnh Duyên và Thường Cận Y Duyên vượt ngoài tam thời và nằm trong tam thời.

Thường Cận Y Duyên là thói quen lập đi, lập lại không xác định thời gian → là chế định.

Chúng sanh lập đi, lập lại thói quen do Thường Cận Y Duyên cho nên chúng Sanh hiện bày trong quá khứ, hiện tại, và vị lai → vì thế chúng sanh tái tạo và luân hồi không ngừng.

Khi vượt ra khỏi thói quen, vượt ra khỏi ba thời, thì giải thoát.

Ghi Nhớ Và Suy Ngẫm

**** Nghĩ đến chế định → phiền não sinh khởi → Níp Bàn rớt xuống.**

**** Nghĩ đến Níp Bàn → phiền não rớt xuống → rớt chế định.**

- Chúng ta bị ảnh hưởng bởi ba thời.
- Cuối cùng ta gặp lại Thường Cận Y Duyên.

TÓM TẮT TRẠNG THÁI MÃNH LỰC GIÚP ĐỠ ỨNG HỘ

Mãnh lực Duyên có 3:

- Mãnh lực xuất sinh
- Mãnh lực liên hệ
- Mãnh lực bảo hộ

1. Mãnh Lực Xuất Sinh

Có (8) Duyên làm mãnh lực Xuất Sinh. Mãnh lực xuất sinh là mãnh lực để sinh ra.

- (1) Vô Gián Duyên
- (2) Đẳng Vô Gián Duyên
- (3) Vô Gián Cận Y Duyên
- (4) Thường Cận Y Duyên
- (5) Dị Thời Nghiệp Duyên
- (6) Trùng Dụng Duyên
- (7) Vô Hữu Duyên
- (8) Ly Khứ Duyên

Vô Gián Duyên chỉ có mãnh lực xuất sinh không có bảo hộ vì khi giải thoát thì không cần bảo hộ. Còn có bảo hộ là còn luân hồi.

2. Mãnh Lực Bảo Hộ

Có (4) Duyên làm mãnh lực Bảo Hộ

- (1) Hậu Sanh Duyên
- (2) Hậu Sanh Bất Tương Ứng
- (3) Hậu Sanh Hiện Hữu Duyên
- (4) Hậu Sanh Bất Ly Duyên

Mãnh lực bảo hộ là làm để đón nhận. Còn bảo hộ là còn luân hồi.

3. Mãnh Lực Xuất Sinh Và Bảo Hộ

Có (35) Duyên (theo nghĩa rộng) làm được cả hai mãnh lực xuất sinh và bảo hộ. Loại trừ (8) Duyên làm mãnh lực xuất sinh và (4) Duyên làm mãnh lực bảo hộ.

Tứ Niệm Xứ là độc hành, độc đạo, một mình ra đi không nương tựa vào ai, do mãnh lực Xuất Sinh (Vô Gián, Đẳng Vô Gián).

Con người được xuất sinh và bảo hộ bởi người mẹ, người cha thì không trưởng thành.

Trên con đường tu tập ta chỉ muốn xuất sinh chứ không nên cần bảo hộ (vì là luân hồi).

Nhưng trong đời sống bình nhật ta nương tựa mãnh lực xuất sinh, bảo hộ để nương nhờ tu tập nhưng phải xuất sinh để giải thoát.

Giới luật dùng để bảo hộ cho sự tu tập của những người giữ giới.

PHẦN VI

**GIỚI THIỆU ĐỊA GIỚI
TRONG 24 – 47 DUYÊN**

GIỚI THIỆU PHÂN ĐỊA GIỚI TRONG 24 – 47 DUYÊN

Có (3) cõi là Cõi Nhất Uẩn, Cõi Tứ Uẩn, Cõi Ngũ Uẩn.

1. Cõi Nhất Uẩn

Có (7) Duyên làm được trong Cõi Nhất Uẩn.

- (1) Câu Sanh Duyên
- (2) Hổ Tương Duyên
- (3) Câu Sanh Y Duyên
- (4) Dị Thời Nghiệp Duyên
- (5) Sắc Mạng Quyền Duyên
- (6) Quyền Hiện Hữu Duyên
- (7) Quyền Bất Ly Duyên

Cõi Nhất Uẩn là cõi Tứ Thiên Sắc Giới, Phạm Thiên Vô Tướng Sắc Giới (không có Danh Pháp) không có Tâm Thức. Vì lời nguyện diệt Tâm phiền não nên họ tu thiên và đạt đến các tầng Thiên Sắc Giới.

Cõi này khó tu hay không tu được.

2. Cõi Tứ Uẩn

Có (21) Duyên hoặc 25 Duyên (theo nghĩa rộng) làm được trong cõi Tứ Uẩn.

Cõi không có Sắc Pháp chỉ có Danh Pháp. Có 4 Cõi Trời Vô Sắc Giới (Tứ Danh Uẩn). Chư Thiên có tu được để giải thoát, nhưng có khi cũng không tu được.

3. Cõi Ngũ Uẩn

Có tất cả 24 Duyên (nghĩa hẹp) hay 47 Duyên (nghĩa rộng) làm được trong Cõi Ngũ Uẩn. 24 Duyên này làm mạnh lực giúp đỡ ta giải thoát hay luân hồi.

Cõi Ngũ Uẩn mới đủ điều kiện tu tập được. Cõi Tứ Uẩn và Nhất Uẩn không tu tập được. Khi tu thì cần có đủ cả hai Danh và Sắc để thấy được Tam Tướng (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã).

Cõi Ngũ Uẩn chia làm hai loại.

Thiện Thú (Nhân Thiên) (Sugati)		Khổ Thú (Dugati)
Nhân	Thiên	Địa Ngục – Không Tu được
Chánh kiến (Có Tu)	Chánh Kiến (Tu được)	Nga Quý - Có điều kiện tu được

được)			
Tà Kiến (Không Tu)	Kiến (Tu)	Tà Kiến (Kiến Thù) (Không Tu)	Atula – Có điều kiện tu được
			Súc Sanh – Có điều kiện tu được

Nga Quý - là chúng sanh đói và khát vì không biết bố thí, cúng dường và tà kiến.

Atula Thiên không tu – Atula địa hay các Atula khác thì tu được.

Địa Ngục và Tà Kiến Nhân Thiên thì không tu được.

Tất cả cũng không thoát khỏi Vô Thường, Khổ, Vô Ngã cho nên phải cẩn thận vì Thiện Thú vẫn trở thành Khổ Thú, và Khổ Thú vẫn trở thành Thiện Thú được.

Cái quý nhất của con người là cái Tâm mà Cõi Nhất Uẩn có tà kiến không muốn có Tâm vì sợ phiền não nên không tu được – không Tâm thì không tu được.

4. Phi Mạng Quyền

Có (5) Duyên trong Phi Mạng Quyền là Câu Sanh Duyên, Hồ Tương Duyên, Câu Sanh Y Duyên, Câu Sanh Hiệ Hữu Duyên, Câu Sanh Bất Ly Duyên.

Mãnh lực duyên ảnh hưởng trong nội phần, không ở ngoại phần.

Sông, suối, núi, đồi cũng có (5) mãnh lực duyên này hình thành và cũng theo định luật Vô Thường, Vô Ngã.

PHẦN VII

BIÊN HÀNH DUYÊN TRONG 24 – 47 DUYÊN

BIẾN HÀNH DUYÊN TRONG 24 – 47 DUYÊN

1. Biến Hành Duyên

Trong (24) Duyên có (4) Duyên làm được Biến Hành. Duyên Biến Hành là Duyên làm nhân sắp bày tất cả Pháp Hữu Vi, Danh Sắc nên gọi là Biến Hành. Có nghĩa là thế giới Hữu Vi này bao gồm Vật Hữu Mạng Quyền và Phi Mạng Quyền đều phải ở trong mãnh lực của (4) Duyên này và không thoát khỏi.

- (1) Câu Sanh Duyên
- (2) Y Chỉ Duyên
- (3) Hiện Hữu Duyên
- (4) Bất Ly Duyên

Với (20) Duyên còn lại là Bất Biến Hành Duyên là vì không thể làm nhân sắp bày cho tất cả Pháp Hữu Vi, chỉ đặc biệt làm được Duyên với Pháp Hữu Vi có liên quan đến bản thể của mình.

Trong cuộc sống chúng ta luôn có (4) duyên Biến Hành theo.

Câu Sanh Duyên	} Tứ đồng	Thuận
Y Chỉ Duyên		Nghịch
	259	

Hiện Hữu Duyên

Thuận Nghịch

Bất Ly Duyên

Nghịch Thuận

- Luôn luôn dùng Trí Tuệ Đức Phật nhìn thực tính Pháp!

Phải có một mãnh lực lớn mạnh lắm mới cắt đứt được (4) Biến Hành Duyên.

Vi là Tứ đồng cho nên mọi việc luôn có sự hiệp đồng của (4) mãnh lực duyên này. Con người luôn có tứ đồng với mãnh lực của (4) Duyên Biến Hành.

(4) Duyên này có khi là thuận, có khi là nghịch, có khi là thuận nghịch hay nghịch thuận. Phải dùng Trí Tuệ Đức Phật để thấy thực tính Pháp!

(4) Duyên này chỉ là một Pháp hiện bày nên phải dùng Trí Tuệ Đức Phật để thấy thực tính của Pháp trong sự hành, hoại, diệt, sinh, đầy, cạn, tri kéo.

Ví Du

Hành động xả thí theo Tam Tư (Tư Tiên, Tư Hiện, Tư Hậu).

Tâm xả thí theo Tam Tư (Tư Tiên, Tư Hiện, Tư Hậu).

Khi thực hiện một việc thiện, hành động hiện bày theo Thường Cận Y Duyên là kết quả của Nhân

Thiên, nhưng với tác ý của Tâm thức, của mãnh lực Vô Hữu Ly Khứ Duyên, và Câu Sanh Trưởng Duyên (Thảm Trưởng) là kết quả của Níp Bàn, giải thoát. Như vậy thì không thay đổi Pháp Phát Thú (không thay đổi từ Pháp Thuận sang Pháp Nghịch).

Ví Du

- Việc thiện đang làm, với tác ý làm Nhân đến Đạo Quả Níp Bàn. Nhân là (Tur Tiền).
- Hiện bày việc thiện là Nhân Níp Bàn. Hiện bày là (Tur Hiện).
- Hoàn tất việc thiện là chúng tử Níp Bàn đã được viên mãn thành tựu. Hoàn tất là (Tur Hậu).

Ghi Nhớ

Sau khi việc thiện hoàn tất nguyện - Chúng tử Níp Bàn đã được viên mãn thành tựu!

Suy Ngẫm

*** Thường Cận Y Duyên liên quan đến lời nguyện của mình.*

Ghi Nhớ

- *Khi thấy được Duyên và thực tính Pháp.*
- *Phải lấy Trí Tuệ Đức Phật giải quyết. Không nên mất Trí Tuệ Đức Phật.*

- *Mất Trí Tuệ Đức Phật là mất tất cả - Vị trí, Thời gian, Lực tác động).*

Trong 4 Duyên Biên Hành Câu Sanh, Y Chi, Hiện Hữu, Bất Ly.

- Phải Câu Sanh (cùng sanh).
- Phải biết Y Chi với Câu Sanh.
- Và rồi Hiện Hữu và Bất Ly.

Nhìn 4 Duyên này theo Pháp Siêu Thế và tu tập để dẫn đến giải thoát, Níp Bàn.

Nếu Câu Sanh mà không Y Chi thì mất Câu Sanh. Và như thế rớt vào Tiền Sinh và Hậu Sanh → để sống trong dĩ vãng và nghĩ đến tương lai, quên mất hiện tại.

Y Chi mà không gần gũi thì không có Cận Y → như thế khó có cơ hội hiện hữu, bất ly → và phải nương nhờ vào sự tu tập của người khác.

Ví Du

- Lớp học là đang Câu Sanh
- Có Y Chi và Hiện Hữu Bất Ly
- Nếu có một ý nghĩ không Y Chi thì sẽ không hiện hữu và bất ly → mất Câu Sanh.

{ Câu Sanh
 Y Chi → y chỉ nhưng tác ý đến Cận Y thì có Cận Y và rồi dẫn đến Vô Hữu Ly Khứ.

{ Hiện Hữu
 Bất Ly

Câu Sanh - Trường / Quyền
 Nghiệp ↑ ↑

Lấy thể mạnh

Dùng quyền

lực

Tạo ra hành động cho mình của mình

Khi Câu Sanh như vậy thì kết hợp với Y Chi → trở thành Câu Sanh Y → đi đến Cận Y → và Cận Y trong Giống Vô Gián để giải thoát.

Câu Sanh Y – cùng sanh cùng nương nhờ thì có được quyền lực của Câu Sanh Quyền.

Ví Du

- Đến với Đức Phật để hưởng lấy Trí Tuệ Đức Phật và gặt lấy Đạo Quả Níp Bàn cho mình và thoát ly chứ không đến với Đức Phật để ở đó.
- Đến với người Thầy để học Pháp để giải thoát.



PHẦN VIII

**GIỚI THIỆU ĐÔI DUYÊN
TRONG 24 – 47 DUYÊN**

GIỚI THIỆU NĂM ĐÔI DUYÊN TRONG 24 – 47 DUYÊN

Đức Phật lập ý thuyết giảng thành từng đôi với nhau.
Gồm có (5) đôi.

1. Nghĩa Lý Đồng Nhau

Duyên được trình bày thành đôi với nhau theo nội dung, nghĩa lý. Vô Gian và Đẳng Vô Gian Duyên không gián đoạn và liên tục không gián đoạn.

Ta có 4 trường hợp của không gián đoạn và liên tục như sau:

- Có khi ta có gián đoạn - sự trường hợp này
- Có khi ta không gián đoạn
- Không gián đoạn, và liên tục
- Không gián đoạn, không liên tục - sự trường hợp này

Không gián đoạn và liên tục là cái ta cần phải có. Nhận định để tiến trên con đường tu tập. Bền bỉ có giá trị lâu dài.

Ghi Nhớ

Cùng nghĩa cùng lý thì không gián đoạn và liên tục.

2. Âm Thinh Đồng Nhau

Duyên được trình bày thành đôi với nhau theo cùng âm thính.

Y Chi (nuơng nhờ) và Cận Y (gần gũi nuơng nhờ). Khi sống Y Chi thì có Cận Y. Học thói quen và hành động với nhau (cùng âm thanh, lời nói với nhau), đồng thanh, đồng ý với nhau.

Y Chi + Cận Y có hai chiều, thuận duyên và nghịch duyên.

Trước khi đi đến thuận nghịch thì đôi duyên này phải hiểu nhau có cùng âm cùng thanh với nhau. Từ Y Chi dễ sinh ra Cận Y.

3. Nghịch Thời Với Nhau

Duyên được trình bày thành đôi với nhau một cách đối nghịch - Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên.

Ví Du

- Cha mẹ và con cái có những cái không đồng ý là do Nghịch Thời.

Nghịch thời có nghịch lý không, hay là hợp lý?

- Tiền Sinh có, làm nền tảng cho Hậu Sinh có, là hợp lý.

- Tiền Sinh có, không làm nền tảng cho Hậu Sinh, là nghịch lý.
- Nghịch thời mà nghịch lý thì nên cái cách.
- Nghịch thời mà hợp lý thì nên giữ.

Không thể kết luận Tiền Sinh đúng hay Hậu Sinh đúng mà phải xem hợp lý hay nghịch lý mới có giá trị của Tiền Sinh và Hậu Sinh.

Ghi Nhớ

**** Nếu là chân lý thì luôn vĩnh hằng với mọi thời gian.**

Ví Du

Cha Con

- Hợp ý, hợp tính - giống nhau
- Hợp ý không, hợp tính - nghiệp báo
- Không hợp ý, hợp tính - nghiệp báo
- Không hợp ý, không hợp tính - nghiệp báo
- → Ảnh hưởng bởi Tiền Sinh và Hậu Sinh

Cha Con là nghịch thời liên đới → Tìm chân lý với mọi thời gian để giải quyết.

Ghi Nhớ

Đối với trường hợp nghiệp báo thì ghi nhận để trả và cho. Trả nghiệp và cho Tâm hoan hỷ, buông xả trong khi trả nợ, để không gây thêm oan trái, và không gây thêm nghiệp mới, để rồi tiếp tục dính với nhau.

Ghi Nhớ

Muốn độ một chúng sanh phải có tài, có đức và phải đúng thời. Nghịch thời cũng không độ được.

4. Dị Dạng Với Nhau

Duyên được trình bày thành đôi với nhau theo sự đối nghịch của tướng trạng làm nhiệm vụ giúp đỡ. Hoàn toàn khác biệt với nhau.

Tương Ứng Duyên và Bất Tương Ứng Duyên:

- Thuận Nghịch
- Tương Ứng (Danh và Danh)
- Bất Tương Ứng (Danh và Sắc)

Dị dạng là không kết hợp được trong trạng thái kết hợp.

Ví Du

- Ngồi thiền – Danh Pháp và Sắc Pháp tương ứng
- Ngồi thiền – Danh Pháp và Sắc Pháp bất tương ứng

- Vô Thường, Vô Ngã

Dị Dạng có khi kết hợp được có khi kết hợp không được.

- Thuận (Lợi) - Nghịch (Bất Lợi) – Nói vậy thì không hoàn toàn đúng. Nếu nói Thuận là lợi và Nghịch là bất lợi là do Tư duy duyệt ý (có khi không đúng), phải nhìn thực tính Pháp.
- Thuận có khi không tu được, và Nghịch mà tu được.

Nếu nói Danh và Danh là Tương Ứng, thì không hoàn toàn đúng vì khi ngồi thiền thì có Danh Thiện – trở thành Danh Bất Thiện → Không Tương Ứng.

Ghi Nhớ

- *Dị Dạng, ta phải nhìn vào thực tính Pháp, thực tướng Pháp và nghiệp lực của chúng sanh mới biết được tương ứng hay bất tương ứng.*
- *Khi thấy nghiệp lực là trở rồi vì đã tạo một nghiệp mới. Phải ngưng ở thực tính, thực tướng không để mãnh lực nghiệp tạo một dòng nghiệp mới.*

Trong khi hành thiền, Tâm muốn hành thiền, sắc không muốn hành thiền đó là dị dạng với nhau, đang hiện bày một Bất Tương Ứng Duyên. Tâm vẫn quyết

định hành thiên. Không nương vào dị dạng để chịu mãnh lực của Bất Tương Ứng Duyên.

Ghi Nhớ Và Suy Ngẫm

- Trong Cảnh nghịch không nương chịu cái Tâm thì vượt qua được Cảnh nghịch.
- Trong Cảnh nghịch nương chịu cái Tâm thì không vượt qua được Cảnh nghịch.
- Coi chừng: một sự kết hợp nhưng dị dạng.

Khi có Cảnh nghịch thì nơi đây là một dị dạng, thấy thực tính Pháp, thực tướng Pháp và coi cái tâm của mình. Xem cái Dị Thời Nghiệp của mình → để vượt qua không tạo một nghiệp mới.

Hiện Hữu Duyên – Vô Hữu Duyên: Một đôi dị dạng.

Bất Ly Duyên và Ly Khứ Duyên: Một đôi dị dạng.

Trong một mối oan trái, oán thù (Hiện Hữu), nuôi dưỡng một ý nghĩ báo thù báo oán (Bất Ly). Hành Giả phải biết cắt ly mối oán thù (Vô Hữu), rồi bỏ ý niệm báo thù trả oán (Ly Khứ). Lúc đó có một sự ra đi thiết thực nhất chứ không phải qua hình dáng của một người Xuất Gia.

- Vô Hữu khi ta đang có một hiện hữu Hiệp Thế.
- Ly Khứ khi ta buông bỏ một bất ly Hiệp Thế.

Ghi Nhớ

- Đón nhận một lời khen để Hiện Hữu trong đó
- Nhận thấy chỉ là một Pháp thể gian - thì Vô Hữu hiện bày.

Không thấy được thực tính Pháp và thực tướng Pháp của Hiện Hữu / Bất Ly thì không Vô Hữu / Ly Khứ được → và như thế sẽ tạo một dòng nghiệp mới.

Không kết hợp được trong tình trạng kết hợp.

Ta có một chuỗi dài hiện hữu của quá khứ. Hôm nay có một chuỗi dài hiện hữu của hiện tại. Vô Hữu / Ly Khứ ngay trong hiện tại mới có Níp Bàn tại hiện tại.

Tu là sửa, buông ra cho nên thấy được Vô Hữu. Khi Vô Hữu thì thấy được Níp Bàn.

5. Nhân Quả Liên Quan

Duyên được trình bày thành đôi với nhau theo sự làm Nhân và thành Quả, đó là Dị Thời Nghiệp Duyên (Nghiệp Duyên) và Dị Thục Quả Duyên.

- Acintàya - bất khả tư nghì (không thể hiểu, suy nghĩ ra được)
- Kamma (Nghiệp) là Acintàya. Nghiệp là bất khả tư nghì.

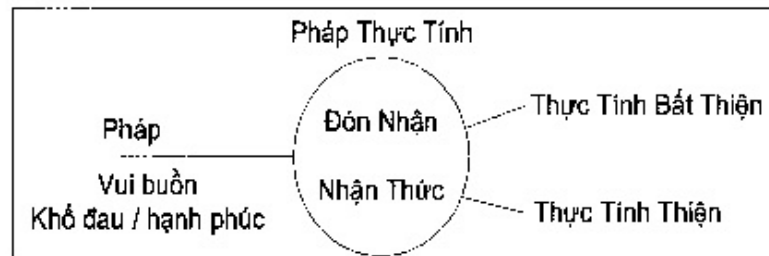
- **Dị Thời Nghiệp:** Hành động tạo tác sai biệt thời gian.
- **Dị Thục Quả:** Kết quả chín mùi sai biệt thời gian tạo tác.
- Ta đến thế gian với mãnh lực của Dị Thục Quả, tạo tác bởi một Dị Thời Nghiệp làm tác nhân.

Ví Dụ

- Vui buồn
- Hạnh phúc / khổ đau } → Đây là Dị Thục Quả của Dị Thời Nghiệp.
- Đón nhận để lập lại (luân hồi). Đón nhận mau lẹ → thì tạo 1 Thường Cận Y (Thói quen).
- Nhận thức để rời đi (buông bỏ). Nhận Thức ngay hiện tại thì quyết định hành động không theo thói quen (Câu Sanh Nghiệp).

Trí Tuê Đức Phât

- Vị Trí: Thời hiện tại, người Phật Tử
- Thục Tướng Pháp: Nhận thức bởi Câu Sanh Nghiệp (Vị Trí), cắt đứt Dị Thời Nghiệp. Không còn hình thành những thói quen (Hành, Hoại, Diệt, Sinh) để đón nhận Quả trở sanh (Dị Thục Quả).



PHẦN IX

VÍ DỤ VÀ BÀI TẬP ỨNG DỤNG

VÍ DỤ VÀ BÀI TẬP ỨNG DỤNG

1. Việc Bi Mẫn

Việc Bi Mẫn	
Pháp	Chế Định – Xót thương sự đau khổ.
Pháp Thực Tính	Pháp Thiện do Nhân Duyên với nhân Vô Sân.
Pháp Thực Tướng	Vô Si
Trí Tuệ Đức Phật	Đẩy việc tu tập phát triển (Quá Khứ). Diệt việc bất thiện cản ngăn (Vị Lai). Trì kéo việc phát triển tu tập. Nếu lùi bước việc thiện thì hiện bày việc Bất Thiện. (Hiện Tại) Quá Khứ: Do chúng tử (hột giống) và yếu tố thiện đẩy ta muốn làm một việc thiện. Nhưng vì mãnh lực duyên trong quá khứ không đủ mạnh và bị mãnh lực

	duyên trong vị lai cản ngăn. Như thế trì kéo ta không thực hiện được việc thiện → cho nên ta mất cả hiện tại, quá khứ, và vị lai Thiện. Nếu ta vượt qua được và đẩy đến thực hành việc thiện thì ta sẽ có cả quá khứ, hiện tại, và vị lai Thiện.
--	--

2. Hạnh Nguyên Tinh Tấn Ba La Mật

Ba La Mật – Paramitta – Đáo Bi Ngạn - Đến bờ an vui!

Bờ an vui phải có để chấm dứt sự đau khổ. Ba La Mật là con thuyền, phương tiện để đưa ta đến bờ an vui!

Hạnh Nguyên Tinh Tấn Ba La Mật	
Pháp	Tinh tấn Ba La Mật.
Pháp Thực Tính	Pháp Siêu Thế đưa đến giải thoát. Mãnh lực Duyên: Câu Sinh Trưởng Duyên: Dục, Cần, Tâm, Thâm (Tứ Như Ý Túc) là mãnh lực duyên giúp đỡ ủng hộ.

Hạnh Nguyên Tinh Tấn Ba La Mật	
Pháp Thực Tướng	Níp Bàn.
Trí Tuệ Đức Phật	<p>Chánh Căn Siêu Thế trong thời Quá Khứ đây.</p> <p>Tà tinh tấn Hiệp Thế ở Vị Lai cản ngăn.</p> <p>Trì kéo việc thực hiện Tinh Tấn Ba La Mật.</p> <p>Hiện tại, quyết định làm hay không làm.</p> <p>Nếu làm được thì được cả Quá Khứ, Hiện Tại, và Vị Lai.</p> <p>Làm không được thì Tà Tinh Tấn ở Vị Lai làm ta thôi chuyển (mất hiện tại và mất luôn Quá Khứ - Đứt Ba La Mật).</p> <p>Muốn làm Ba La Mật (đã nguyện trong quá khứ) là do Chánh Tinh Tấn.</p> <p>Nhưng mà thôi chuyển không muốn thực hiện (hạt giống của việc thôi chuyển nảy mầm cản và trì kéo việc làm Ba La Mật. Đó là sự cố gắng</p>

Hạnh Nguyên Tinh Tấn Ba La Mật	
	không đúng chánh Pháp do Tà Tinh Tấn. Do đó mất thực hiện Ba La Mật ngay trong hiện tại và mất lời nguyện Ba La Mật trong quá khứ.

3. Hạnh Nguyên Hành Xả Ba La Mật

Hạnh Nguyên Hành Xả Ba La Mật	
Pháp	Diệt 8 Pháp Thế Gian (Khen - chê; lợi - thất lợi; Được - không; Hạnh phúc - khổ đau.
Pháp Thực Tinh	Pháp Siêu Thế đưa đến giải thoát. Do mãnh lực Nhân Duyên – Nhân Vô Tham
Pháp Thực Tướng	Níp Bàn.
Trí Tuệ Đức Phật	<p>Người khen ta, ta không nắm giữ.</p> <p>Người chê ta, ta buông bỏ. Không dính vào Pháp Thế Gian để hành Pháp Siêu Thế.</p>

Hạnh Nguyên Hành Xả Ba La Mật	
	Nhân Vô tham đầy đi lực căn của Pháp Thế Gian.

4. Pháp Chấp Giữ

Chấp Giữ - Sự Chấp Giữ - Thủ (Upādāna)	
Pháp	Chế Định - Chấp giữ, bảo thủ, dính mắc, không buông bỏ.
Pháp Thực Tính	<p>Pháp Bất Thiện gồm 4:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dục Thủ - Ngũ Dục do Tâm Sở Tham (đặc tính riêng - Pháp Thực Tính) và Si (đặc tính chung - Pháp Thực Tướng). 2. Kiến Thủ - Do Tà Kiến + Tham + Si. (Tà Kiến + Tham là đặc tính riêng) (Si là đặc tính chung - Pháp Thực Tướng). 3. Ngã Chấp Thủ - Do Ngã Mạn + Tham + Si 4. Giới Cẩm Thủ - Do Tham + Si <p>Đức Phật nói tất cả không ngoài 4 Pháp Thủ này.</p>

	<p>Đặc Tính của Tứ Đế.</p> <p>Nhân là Si (Tập Đế), cho Quả là Tham (Khổ Đế).</p> <p>Nhân là Si và Tham, cho Quả khổ đau (Khổ Đế).</p> <p>Phải sợ nhân (Si + Tham) mà lo tu tập. Đế đến khổ thì đã trễ rồi.</p>
Pháp Thực Tướng	Si
Mãnh Lực Duyên	<p><u>Nhân Duyên</u>: Do nhân Tham, Si tác động nên có chấp giữ</p> <p>Do mãnh lực của Di Thời Nghiệp duyên mà ta gặp Cảnh này. Do Thường Cận Y Duyên mà ta có thói quen giữ lấy, và do Hiện Hữu Bất Ly mà ta bám chặt không chịu buông bỏ Cảnh đã thấu bắt. Dùng mãnh lực Cảnh Trường Duyên (tìm cầu Cảnh Trường là Cảnh Níp Bàn), Câu Sinh Quyền, Câu Sinh Nghiệp, Vô Hữu, Ly Khứ để đối trị sự Chấp Giữ.</p>
Trí Tuệ Đức	Pháp Bất Thiện hiện bày với sự chấp

Phật	<p>giữ.</p> <p>Hành: Sự hiện bày của một Pháp Bất Thiện.</p> <p>Hoại: Hoại sự hiện bày của tất cả Pháp Thiện.</p> <p>Diệt: Diệt sự hiện bày của mầm giải thoát.</p> <p>Sinh: Hiện bày sự luân hồi.</p> <p>→ Vô Thường, Vô Ngã</p> <p>Tham và Si đẩy đến Bất Thiện.</p> <p>Thiện cần sự Chấp giữ</p> <p>Tri kéo - Chấp giữ.</p>
Cách Giải Quyết	<p>Trước hết phải tự hỏi rằng có muốn buông bỏ để sống hạnh phúc và giải thoát không? Hay muốn chấp giữ để đau khổ và luân hồi mãi?</p> <p>Thu thúc việc nắm bắt Cảnh: Trong trường hợp Cảnh đã bị Nhãn căn bắt lấy, đưa vào Tâm Nhãn thức, thì thu thúc Tâm Thức để bớt bị đắm nhiễm bởi Cảnh đã bắt thâu.</p> <p>Khi đã bắt lấy Cảnh thì chế ngự Tâm</p>

	<p>Thức để không giữ lấy Cảnh.</p> <p>Khi đã bị đắm nhiễm vào Cảnh thì phải biết diệt Cảnh trong lòng. Ở đây đòi hỏi một sự tu tập trong cuộc sống hằng ngày mới đủ nghị lực để diệt trừ.</p>
Sự Tu Tập	<p>Tu tập thu thúc 6 Căn để bớt bắt Cảnh trần. Không phải chuyện gì cũng đáng nghe, không phải Cảnh Sắc nào cũng đáng để thấy. Nếu đã có nghe, thấy thì phải biết chế ngự để không bị đắm nhiễm bởi Cảnh, mà sinh phiền não hay tăng trưởng sự ngã mạng.</p> <p>Với những Cảnh không như ý, nên biết dùng Pháp Nghịch để tu diệt giặc lòng. Luôn luôn nhắc nhở lòng không để Tâm để đuôi mà chạy theo Cảnh. Chánh niệm và tỉnh giác để đừng lập đi, lập lại những việc đã làm, đã nghe, hoặc đã thấy để không tạo thói quen bám giữ mà không hay biết. Mỗi giờ phút có riêng cho mình nên tư duy, quán tưởng về sự hành, hoại, diệt, sinh để thấy được</p>

	không có gì đáng để bám giữ. Tập tu thiền để giữ Tâm tinh thức và diệt Cảnh nghịch.
--	---

5. Pháp Xả Thí

Pháp Xả Thí	
Pháp	Chế Định – Buông bỏ, cho ra, không dính mắc, đoạn lìa, dứt bỏ.
Pháp Thực Tính	<p>Pháp Thiện gồm 2 loại Hiệp Thế và Siêu</p> <p>1. Tài Thí (Hiệp Thế và Siêu Thế) 2. Công Đức Thí (Hiệp Thế và Siêu Thế)</p> <p>Hiệp Thế Thí: Nhân Vô Tham, Vô Sân. Siêu Thế Thí: Nhân Vô Tham, Vô Si. Đặc Tính của Tứ Đố. Nhân là Vô Si, cho Quả là Vô Tham. Nhân là Vô Si và Vô Tham cho Quả an vui.</p>
Pháp Thực	Vô Si, Vô Sân

Tướng	
Mãnh Lực Duyên	<u>Nhân Duyên</u> : Do nhân Vô Tham, Vô Si Vô Sân.
Trí Tuệ Đức Phật	<p>Pháp Thiện hiện bày với sự Xả Thí. Hành: Sự hiện bày của một Pháp Thiện. Hoại: Hoại sự hiện bày của tất cả Pháp Bất Thiện. Diệt: Diệt sự hiện bày của mầm đau khổ luân hồi. Sinh: Hiện bày mầm giải thoát.</p>

6. Tình Gia Đình - Tình Xuất Gia

	Tình Gia Đình	Tình Xuất Gia
Pháp	Tình thương theo ái dục, vị kỷ.	Tình thương bao la, từ ái.
Pháp Thực Tính	Hiệp Thế	Siêu Thế
	Bất Thiện Vô tâm, vô quý, không chánh niệm,	Thiện Tâm, quý, chánh niệm, tinh giác,

	không tỉnh giác, không có tác ý khôn khéo.	tác ý khôn khéo.
	Mãnh lực duyên: Nhân Duyên: Do nhân tham, sân, si Cảnh Trường Duyên: Là gia đình, vật chất, và danh vọng, và các Pháp thế gian. Vô Gián / Đẳng Vô Gián: Mãnh lực duyên này đẩy đi mãi vào hướng bất thiện. Canh Sanh Nghiệp: Mãnh lực tạo tác nghiệp bất thiện, và hưởng lấy, và dính mắc.	Mãnh lực duyên: Nhân Duyên: Do nhân vô tham, vô sân, vô si. Cảnh Trường Duyên: Níp Bàn, Giải thoát.
	Nhân Quả Tứ Đế Không thấy quả Khổ (Khổ Đế) và	Nhân Quả Tứ Đế Do có Chánh Kiến và Chánh Tư Duy

	nhân (Tập Đế) làm cho khổ nên tham ái, dính mắc trong ngũ dục của cuộc đời. Tạo ra mọi thứ (gia đình, con cháu, bạn bè, tiền tài, vật chất, và danh vọng để mà đón mà hưởng, và rồi dính mắc không thoát ra được. Và vì thế khổ đau vì dính mắc hay vì dính luật vô thường cướp đi những gì đã có, hay cướp đi mạng sống mà không hưởng được những gì đang có.	thấy đời là khổ (Khổ Đế). Thấy tham ái là nhân tạo ra khổ nên tu tập diệt trừ để ly dục. Thấy Níp Bàn là giải thoát khổ và thấy con đường để tu tập giải thoát. Muốn cắt ái ly dục, sống chánh niệm tỉnh giác (Định Học), thu thúc, chế ngự, và diệt trừ tham ái và không tạo thêm nghiệp mới. Dùng Bát Chánh Đạo và Tam Vô Lậu Học để tu tập đến Đạo Quả.
Pháp Thực	Đau khổ, luân hồi.	Giải thoát Níp

Tướng		Bàn.
Trí Tuệ Đức Phật	Hành: Pháp Bất Thiện hiện bày Hoại: Hiện bày sự hoại của tất cả Pháp Thiện / Siêu Lý Diệt: Sự hiện bày của Giải thoát Níp Bàn Sinh: Hiện bày luân hồi	Hành: Pháp Siêu Thế hiện bày. Hoại: Hiện bày sự hoại của tất cả Pháp Bất Thiện / Hiệp Thế Diệt: Diệt sự hiện bày của luân hồi Sinh: Hiện bày sự giải thoát

7. Bài Tập - Bảo Tháp Vàng

Bảo Tháp Vàng	
Câu Hỏi khai thác Pháp	1. Tại sao màu vàng? 2. Tại sao có hình dáng như vậy? 3. Tại sao có Tháp này? 4. Dùng để làm gì? 5. Tượng trưng cho gì?
Pháp	Chế Định – Tôn kính và tri ân, bảo tồn sự hiện hữu của Đức Phật. Tin vào.

	Nhắc nhở sự tu tập để thoát khỏi luân hồi.
Pháp Thực Tỉnh	Pháp Thiện: Sự hiện bày qua. <ul style="list-style-type: none"> • Tin vào sự hiện hữu, giác ngộ, từ bi, trí tuệ, và hạnh nguyện Ba La Mật. • Sự giải thoát, và Níp Bàn. • Tiếp độ chúng sanh đến sự giải thoát vượt ra khỏi luân hồi. • Cho thấy Nhân Quả qua Tứ Đế và con đường tu tập (Bát Chánh Đạo). • Cho thấy Phát Thú – mãnh lực Duyên, thực tính Pháp, thực tướng Pháp. Pháp Bất Thiện: Sự hiện bày qua. <ul style="list-style-type: none"> • Không tin nhân quả. • Không tin Đức Phật. • Không tin có Nghiệp. Pháp Vô Ký: Sự hiện bày qua. <ul style="list-style-type: none"> • Tin nhưng không nỗ lực tu tập đến giải thoát Níp Bàn. • Hướng về việc Thiện để được Quả

	<p>Nhân Thiên.</p> <p>Đặc Tính của Tứ Đế (Nhân Quả).</p> <p>Nhân: Vô Sân và Vô Si - Quả: Tu Tập Giải Thoát Níp Bàn.</p> <p>Nhân: Sân và Si không tin Nhân Quả Nghiệp - Quả: Khổ đau.</p>
Pháp Thực Tướng	<ul style="list-style-type: none"> • Giải thoát, Níp Bàn. • 4 đường ác đạo • Nhân Thiên
Mãnh Lực Duyên	<p><u>Nhân Duyên</u>: Vô Sân, Vô Si cho Pháp Thiện và Pháp Vô Ký</p> <p>Sân, Si cho Pháp Bất Thiện.</p> <p>Nghiệp Duyên.</p>
Trí Tuệ Đức Phật	<p>Hành: Pháp Thiện hiện bày với lòng tôn kính, tin tưởng và sự tu tập để giải thoát.</p> <p>Hoại: Hiện bày sự hoại của tất cả Pháp Bất Thiện</p> <p>Diệt: Diệt sự hiện bày của 4 đường ác đạo</p> <p>Sinh: Hiện bày sự giải thoát</p>

	Hành : Pháp Bất Thiện hiện bày
--	--------------------------------

8. Pháp Quả Vô Ký

Khai triển trong phần bài học để thấy rõ vấn đề

- Pháp Vô Ký – là Pháp Quả (vui, buồn, không vui không buồn)
- Nếu không thấy được đó là Pháp Quả, mà bị trôi lăn trong vui, buồn, hay không vui, không buồn → thì sẽ rơi vào hành, hoại, diệt, sinh để luân hồi. Chỉ dừng lại ở Quả qua Phát Thủ thì không rơi vào luân hồi.

Pháp Vô Ký	Quả	Vui, Buồn, Không vui không buồn
Pháp Định	Chế	Là kết quả vui, buồn, hay không vui không buồn của một hành động tạo tác về Thân, Lời, hay Ý.
Pháp Tính	Thực	<p>i. Quả của việc thiện trong quá khứ trở sanh.</p> <p>ii. Quả của việc bất thiện trong quá khứ trở sanh.</p>
Thực Tướng		Luân hồi.

Pháp	
Trí Tuệ Đức Phật	<p>Mọi hành động trong thời chuyển khởi tạo tác do tác động của Quả trong quá khứ là nhân / yếu tố cho một Câu Sinh Nghiệp hay một Dị Thời Nghiệp mới. Tiếp tục luân hồi. Không dừng lại quả ở đây thì không diệt mà tiếp tục sinh cái mới và tiếp tục vòng luân hồi.</p> <p>a. <u>Hành</u>: Nếu dừng lại ở cái nghiệp báo trở sanh do hành động trong quá khứ (trả nghiệp đơn tính), không tạo nghiệp do tác động của nghiệp báo và không tạo một nghiệp lực đưa đến luân hồi. Vòng luân hồi được giải quyết, kết thúc. Nếu không thì tạo tác nghiệp mới và đi đến luân hồi tiếp tục. Quá khứ đẩy đến hiện tại và vị lai là một sự luân hồi.</p> <p>b. <u>Hoại</u>: Thiện báo ở thời quá khứ, hiện tại, và mầm giải thoát</p> <p>c. <u>Diệt</u>: Diệt sự hiện bày của giải thoát trong hiện tại và vị lai.</p> <p>d. <u>Sinh</u>: Sinh mầm luân hồi.</p>